

CHỦ ĐỀ CUỐI KÌ MÔN LỊCH SỬ ĐẢNG

<i>1: Sự phân hoá giai cấp trong xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp</i>	3
<i>2. Bối cảnh lịch sử:</i>	4
<i>3. Các phong trào yêu nước trước khi có Đảng</i>	6
<i>4. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng (tư tưởng, chính trị và tổ chức).</i>	7
<i>5: Nội dung cơ bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930)</i>	10
<i>6. Phong trào cách mạng năm 1930-1931</i>	12
<i>7. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930</i>	14
<i>8. Phong trào dân chủ 1936-1939 (Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng b. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình c. Ý nghĩa và kinh nghiệm)</i>	15
<i>9. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng (1939-1945) và Hội nghị trung ương Đảng lần 8 (tháng 5/1941):</i>	18
<i>10. Phong trào chống Pháp – Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang</i>	21
<i>11. Chỉ thị Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta</i>	23
<i>12. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền</i>	24
<i>13. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945</i>	26
<i>14. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ (1945-1946)/ Tình hình Việt Nam sau CMT8/1945 từ tr. 61 đến tr. 65)</i>	31
<i>1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946</i>	31
<i>a. Tình hình Việt Nam sau CMT8</i>	31
<i>Nội dung chủ trương của Đảng: Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng</i>	32
<i>c. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ</i>	33
<i>15. Nội dung cơ bản đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (1946 - 1950)</i>	35
<i>16. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950</i>	36
<i>17. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2/1951)</i>	41

<i>a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II</i>	41
<i>b. Chính cương của Đảng</i>	41
<i>18. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến</i>	42
15. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ KINH NGHIỆM CỦA ĐẢNG TRONG LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ	43
<i>Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến</i>	43
<i>Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến</i>	43
<i>14. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1954-1965.</i>	44
<i>a. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960</i>	44
<i>16. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất năm 1961-1965</i>	47
<i>17. Nội dung cơ bản và hiệu quả của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.</i>	49
<i>15: Hoàn thành thống nhất về mặt Nhà nước</i>	51
<i>I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)</i>	51
<i>a. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981</i>	51
<i>b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981</i>	52
<i>17/ Đại hội lần V</i>	54
<i>a. 59</i>	
<i>b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế</i>	55
CHỦ ĐỀ 16. Nội dung cơ bản và ý nghĩa đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) (HD: Giáo trình, Chương 3, II/1/Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội/Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện từ tr.129 đến tr.131)	56
<i>Bối cảnh:</i>	56
<i>- Nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng:</i>	57
<i>18. Đại hội VI và bước đầu đổi mới 1986-1991)</i>	58
CHỦ ĐỀ 17. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH (đại hội VII, 1991)	60

Câu 1: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1920.	63
Câu 2: Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu CNXH ở Việt Nam	64
Câu 3: Quan điểm của Hồ Chí Minh về tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ	66
Câu 4: Quan điểm của Hồ Chí Minh về “Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.”	68
Câu 5: Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.	70
Câu 7: Quan điểm của Hồ Chí Minh về các nguyên tắc xây dựng đạo đức mới	82
Trình bày vai trò của đạo đức	82
Câu 8: Quan điểm của Hồ Chí Minh về Trung với nước, hiếu với dân	87
Câu 9: Quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng là đạo đức, là văn minh	89
Câu 10: Quan điểm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân	91
Câu 12: Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới	94

1: Sự phân hoá giai cấp trong xã hội Việt Nam cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp

Các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp ảnh hưởng mạnh mẽ đến tình hình xã hội Việt Nam. Sự phân hoá giai cấp diễn ra ngày càng sâu sắc hơn:

Các giai cấp cũ bị phân hóa, giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau do đó cũng có thái độ chính trị khác nhau đối với vận mệnh của dân tộc.

Dưới chế độ phong kiến, giai cấp địa chủ và nông dân là hai giai cấp cơ bản trong xã hội, Khi Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp, giai cấp địa chủ bị phân hoá.

Một bộ phận địa chủ cấu kết với thực dân Pháp trong việc ra sức đàn áp phong trào yêu nước và bóc lột nông dân; một bộ phận khác nêu cao tinh thần dân tộc khởi xướng và lãnh đạo các phong trào chống Pháp và bảo vệ chế độ phong kiến, tiêu biểu là phong trào Cần Vương; một số trở thành lãnh đạo phong trào nông dân chống thực dân và phong kiến phản động; một bộ phận nhỏ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.

Giai cấp nông dân chiếm số lượng đông đảo nhất khoảng hơn 90 % dân số, đồng thời là một giai cấp bị bóc lột nặng nề nhất. Đây là lực lượng hùng hậu, có tinh thần đấu tranh kiên cường bất khuất cho nền độc lập tự do của dân tộc và khao khát giành lại ruộng đất cho dân cày, khi có lực lượng tiên phong lãnh đạo, giai cấp nông dân sẵn sàng vùng dậy làm cách mạng lật đổ thực dân, phong kiến.

Giai cấp công dân Việt Nam được hình thành gắn với các cuộc khai thác thuộc địa, với việc thực dân Pháp thiết lập các nhà máy, xí nghiệp, công xưởng, khu đồn điền... ra đời trong hoàn cảnh một đất nước thuộc địa nửa phong kiến, chủ yếu xuất thân từ nông dân, cơ cấu chủ yếu là công dân khai thác mỏ, đồn điền, lực lượng còn nhỏ bé nhưng sớm vươn lên tiếp nhận tư tưởng tiên tiến của thời đại nhanh chóng phát triển từ “tự pháp” đến “tự giác”, thể hiện là giai cấp có năng lực lãnh đạo cách mạng.

Giai cấp tư sản Việt Nam xuất hiện muộn hơn giai cấp công nhân. Một bộ phận có lợi ích gắn liền với tư bản Pháp, tham gia vào đời sống chính trị, kinh tế của chính quyền thực dân Pháp, trở thành tầng lớp tư sản mại bản. Một bộ phận là giai cấp tư sản dân tộc, họ bị thực dân Pháp chèn ép, kìm hãm, bị lệ thuộc, yếu ớt về kinh tế. Phần lớn tư sản dân

tộc Việt Nam có tinh thần dân tộc, yêu nước nhưng không có khả năng tổng hợp các dây trăn để thực hiện cách mạng.

Tầng lớp tiểu tư sản (Tiểu thương, tiểu chủ, sinh viên,...) bị đế quốc, tư bản chèn ép, khinh miệt, họ có tinh thần dân tộc yêu nước, rất nhạy cảm về chính trị và thời cuộc. Tuy nhiên, do địa vị kinh tế bấp bênh, hay dao động thiếu kiên định do đó tầng lớp tiểu tư sản không thể lãnh đạo cách mạng.

Các sĩ phu phong kiến cũng là có sự phân hóa, một bộ phận hướng sang tư tưởng dân chủ tư sản hoặc tư tưởng vô sản, một số người khởi xướng các phong trào yêu nước có ảnh hưởng lớn.

Chính sách cai trị và khai thác, bóc lột của thực dân Pháp đã làm phân hoá những giai cấp vốn là của chế độ phong kiến (địa chủ, nông dân), đồng thời hình thành những giai cấp, tầng lớp mới (công nhân, tư sản dân tộc, tiểu tư sản) với thái độ chính trị khác nhau. Những mâu thuẫn mới trong xã hội Việt Nam xuất hiện, trong đó, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và phong kiến phản động trở thành mâu thuẫn chủ yếu nhất và ngày càng gay gắt.

- Tóm lại, chính sách thống trị của thực dân Pháp đối với Việt Nam và cả Đông Dương nói chung là một chính sách thống trị chuyên chế về chính trị, bóc lột nặng nề về kinh tế nhằm đem lại lợi nhuận tối đa về kinh tế, kìm hãm và nô dịch về văn hóa, giáo dục, chứ không phải đem đến cho nhân dân một sự "khai hoá văn minh" - một sự khai hoá và cải tạo thực sự theo kiểu phương Tây. Bản chất của "sứ mạng khai hoá" đó chính là sự khai thác thuộc địa diễn ra dưới lưỡi lê, họng súng, máy chém, v.v.. Hồ Chí Minh từng nói về "nhà khai hoá" như sau: "Khi người ta đã là một nhà khai hoá thì người ta có thể làm những việc dã man mà vẫn cứ là người văn minh nhất. Và nếu dân bản xứ không chịu nhục được, phải vùng lên, thì các nhà khai hoá "điều quân đội, súng liên thanh, súng cối và tàu chiến đến, người ta ra lệnh giới nghiêm. Người ta bắt bớ và bỏ tù hàng loạt. Đây! Công cuộc khai hoá nhân từ là như thế đấy!"

2. Bối cảnh lịch sử:

a. Thế giới:

- Từ nửa sau thế kỷ XIX, các nước tư bản Âu-Mỹ có những chuyển biến mạnh mẽ trong đời sống kinh tế-xã hội. Chủ nghĩa tư bản phương Tây chuyển nhanh từ giai đoạn tự do cạnh tranh sang giai đoạn độc quyền (giai đoạn đế quốc chủ nghĩa), đẩy mạnh quá trình xâm chiếm và nô dịch các nước nhỏ, yếu ở châu Á, châu Phi và khu vực Mỹ-Latinh, biến các quốc gia này thành thuộc địa của các nước đế quốc. Nhân dân các dân tộc bị áp bức đã đứng lên đấu tranh tự giải phóng khỏi ách thực dân, đế quốc, tạo thành phong trào giải phóng dân tộc mạnh mẽ, rộng khắp, nhất là ở châu Á

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 đã làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới. Có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản đối với các nước tư bản, tác động sâu sắc đến phong trào giải phóng dân tộc ở các thuộc địa.

Tháng 3-1919, Quốc tế Cộng sản, do V.I.Lênin đứng đầu, được thành lập, trở thành bộ tham mưu chiến đấu, tổ chức lãnh đạo phong trào cách mạng vô sản thế giới. Đối với các dân tộc thuộc địa, QTCS giúp đỡ chỉ đạo phong trào giải phóng dân tộc.

b. Trong nước:

Là quốc gia Đông Nam Á nằm ở vị trí địa chính trị quan trọng của châu Á, Việt Nam trở thành đối tượng nằm trong mưu đồ xâm lược của thực dân Pháp trong cuộc chạy đua với nhiều đế quốc khác. Ngày 1-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam tại Đà Nẵng và từ đó từng bước thôn tính Việt Nam. Trước hành động xâm lược của Pháp, Triều đình nhà Nguyễn từng bước thỏa hiệp (Hiệp ước 1862, 1874, 1883) và đến ngày 6-6-1884 với Hiệp ước Patenôt (Patenotre) đã đầu hàng hoàn toàn thực dân Pháp.

Tuy triều đình nhà Nguyễn đã đầu hàng thực dân Pháp, nhưng nhân dân Việt Nam vẫn không chịu khuất phục, thực dân Pháp dùng vũ lực để bình định, đàn áp sự nổi dậy của nhân dân. thực dân Pháp tiến hành xây dựng hệ thống chính quyền thuộc địa, bên cạnh đó vẫn duy trì chính quyền phong kiến bản xứ làm tay sai. Pháp thực hiện chính sách “chia để trị” nhằm phá vỡ khối đoàn kết cộng đồng quốc gia dân tộc: chia ba kỳ (Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ) với các chế độ chính trị khác nhau nằm trong *Liên bang Đông Dương thuộc Pháp*

Chế độ cai trị, bóc lột hà khắc của thực dân Pháp đối với nhân dân Việt Nam là “chế độ độc tài chuyên chế nhất, nó vô cùng khắt khe và khủng khiếp hơn cả chế độ chuyên

chế của nhà nước quân chủ châu Á đời xưa”¹. Năm 1862, Pháp đã lập nhà tù ở Côn Đảo để giam cầm những người Việt Nam yêu nước chống Pháp.

Về văn hoá-xã hội, thực dân Pháp thực hiện chính sách “ngu dân” để dễ cai trị, lập nhà tù nhiều hơn trường học, đồng thời du nhập những giá trị phản văn hoá, duy trì tệ nạn xã hội vốn có của chế độ phong kiến và tạo nên nhiều tệ nạn xã hội mới, dùng rượu cồn và thuốc phiện để đầu độc các thế hệ người Việt Nam, ra sức tuyên truyền tư tưởng “khai hoá văn minh” của nước “Đại Pháp”...

Chế độ áp bức về chính trị, bóc lột về kinh tế, nô dịch về văn hóa của thực dân Pháp đã làm biến đổi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội Việt Nam. Các giai cấp cũ phân hóa, giai cấp, tầng lớp mới xuất hiện với địa vị kinh tế khác nhau và do đó cũng có thái độ chính trị khác nhau đối với vận mệnh của dân tộc.

3. Các phong trào yêu nước trước khi có Đảng

Hoàn cảnh lịch sử: ngay từ khi pháp xâm lược, các phong trào yêu nước chống thực dân pháp với tinh thần quật cường bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân Việt Nam, đã diễn ra liên tục, rộng khắp .

Năm 1884, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đầu hàng, nhưng một bộ phận phong kiến yêu nước đã cùng nhân dân yêu nước tiếp tục đấu tranh chống Pháp. Phong trào Cần Vương do vua Hàm Nghi và tôn thất thuyết khởi xướng (1885-1896). Hưởng ứng kêu gọi Cần Vương cứu nước,... thể hiện sôi nổi và thể hiện tinh thần quật cường chống ngoại xâm của tầng lớp nhân dân. Cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX, phong trào nông dân Yên Thế dưới sự lãnh đạo của Hoàng Hoa Thám, lập căn cứ và đấu tranh kiên cường chống Pháp.

Nhưng các phong trào mang nặng “cốt cách phong kiến “ không có khả năng mở rộng hợp tác và thống nhất tạo thành một cách mạng giải phóng dân tộc. kết quả là cũng bị thực dân Pháp đàn áp.

Từ những năm đầu thế kỉ XX, phong trào yêu nước diễn ra. Tiêu biểu của Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh và sau đó là phong trào tiểu tư sản trí thức của tổ chức Việt Nam Quốc Dân Đảng đã tiếp tục diện rộng ra khắp bắc kì nhưng tất cả đều không thành công.

Xu hướng bạo động do Phan Bội Châu tổ chức, lãnh đạo: Với chủ trương tập hợp lực lượng với phương pháp bạo động chống Pháp, xây dựng chế độ chính trị như ở Nhật

Bản, phong trào theo xu hướng này tổ chức đưa thanh niên yêu nước Việt Nam sang Nhật Bản học tập (gọi là phong trào “Đông Du”). Đến năm 1908, Chính phủ Nhật Bản câu kết với thực dân Pháp trục xuất lưu học sinh Việt Nam và những người đứng đầu. Sau khi phong trào Đông Du thất bại, với sự ảnh hưởng của Cách mạng Tân Hợi (1911) Trung Quốc, năm 1912 Phan Bội Châu lập tổ chức Việt Nam Quang phục hội với tôn chỉ là vũ trang đánh đuổi thực dân Pháp, khôi phục Việt Nam, thành lập nước cộng hòa dân quốc Việt Nam. Nhưng chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội lại thiếu rõ ràng. Cuối năm 1913, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt giam tại Trung Quốc cho tới đầu năm 1917 và sau này bị quản chế tại Huế cho đến khi ông mất (1940).

Phan Châu Trinh cho rằng "bất bạo động, bạo động tắc tử"; phải “khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”, phải bãi bỏ chế độ quân chủ, thực hiện dân quyền, khai thông dân trí, mở mang thực nghiệp. Để thực hiện được chủ trương ấy, Phan Châu Trinh đã đề nghị Nhà nước “bảo hộ” Pháp tiến hành cải cách. Đó chính là sự hạn chế trong xu hướng cải cách để cứu nước. Nhưng do không rõ bản chất của đế quốc thực dân". Nên thực dân Pháp đã đàn áp dã man, giết hại nhiều sĩ phu và nhân dân tham gia biểu tình. Nhiều sĩ phu bị bắt, bị đày đi Côn Đảo.

Phong trào của tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng: Khi thực dân Pháp đẩy mạnh khai thác thuộc địa lần thứ hai, mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp càng trở nên gay. Đặc biệt đã thu hút nhiều học sinh, sinh viên yêu nước ở Bắc Kỳ là tổ chức Việt Nam Quốc dân đảng do Nguyễn Thái Học lãnh đạo. Trên cơ sở các tổ chức yêu nước của tiểu tư sản trí thức, Việt Nam Quốc dân đảng được chính thức thành lập tháng 12-1927 tại Bắc Kỳ. Mục đích của Việt Nam Quốc dân đảng là đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, giành độc lập dân tộc, xây dựng chế độ cộng hòa tư sản, với phương pháp đấu tranh vũ trang nhưng theo lối manh động, ám sát cá nhân và lực lượng chủ yếu là binh lính, sinh viên.... Cuộc khởi nghĩa nổ ra ở một số tỉnh, chủ yếu và mạnh nhất là ở Yên Bái (2-1930) tuy oanh liệt nhưng nhanh chóng bị thất bại.

Tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào yêu nước theo ngọn cờ phong kiến, ngọn cờ dân chủ tư sản của nhân dân Việt Nam đã diễn ra quyết liệt, liên tục và rộng khắp. Tuy nhiên, “các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại.

Nguyên nhân thất bại của các phong trào đó là do thiếu đường lối chính trị đúng đắn để giải quyết triệt để những mâu thuẫn cơ bản, chủ yếu của xã hội, chưa có một tổ chức vững mạnh để tập hợp, giác ngộ và lãnh đạo toàn dân tộc, chưa xác định được phương pháp đấu tranh, thích hợp để đánh đổ kẻ thù. Nhiệm vụ lịch sử cấp thiết đặt ra cho thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

4. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng (tư tưởng, chính trị và tổ chức).

Năm 1911, Nguyễn Tất Thành quyết định đi tìm nước cứu, giải phóng dân tộc. Qua trải nghiệm thực tế qua nhiều nước, Người nhận thức được rằng một cách rạch ròi:” dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột”, từ đó xác định rõ kẻ thù và lực lượng đồng minh của nhân dân các dân tộc bị áp bức.

Năm 1917, thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga đã tác động mạnh mẽ tới nhận thức của Nguyễn Tất Thành-đây là cuộc “ cách mạng đến nơi.

Đầu năm 1919 , Nguyễn Tất Thành tham gia Đảng Xã hội Pháp. Nguyễn Tất Thành lấy tên là Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người An Nam yêu nước ở Pháp gửi tới Hội nghị bản Yêu sách của nhân dân An Nam.

Tháng 7-1920 , Người đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin đăng trên báo L'Humanité (Nhân đạo) Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy con đường cứu nước đúng đắn cho dân tộc Việt Nam – con đường CMVS.

Ngay sau đó , Nguyễn Ái Quốc cùng với những người vừa bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản đã tuyên bố thành lập Phân bộ Pháp của Quốc tế Cộng và là một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc.

Chuẩn bị về tư tưởng , chính trị và tổ chức cho sự ra đời của Đảng

Về tư tưởng :

Từ giữa năm 1921 , tại Pháp, Nguyễn Ái Quốc tham gia thành lập Hội liên hiệp thuộc địa, sau đó sáng lập tờ báo Le Paria (Người cùng khổ). Người viết nhiều bài trên các báo Nhân đạo, Đời sống công nhân, Tạp chí Cộng sản, Tập san Thư tín quốc tế ,...

Năm 1922, Nguyễn Ái Quốc được cử làm Trưởng Tiểu ban Nghiên cứu về Đông Dương. Nguyễn Ái Quốc tích cực tố cáo, lên án bản chất áp bức, bóc lột, nô dịch của chủ nghĩa thực dân và kêu gọi , thức tỉnh nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng. Người xác định chủ nghĩa thực dân là kẻ thù chung của các dân tộc thuộc địa , của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trên thế giới . Đồng thời , tiến hành tuyên truyền tư tưởng về con đường cách mạng vô sản , con đường cách mạng theo lý luận Mác - Lênin...

Năm 1927 , Nguyễn Ái Quốc khẳng định : “ Đảng muốn vững phải có chủ nghĩa làm cốt , trong đảng ai cũng phải hiểu , ai cũng phải theo chủ nghĩa ấy ” . Đảng mà không có chủ nghĩa cũng giống như người không có trí khôn , tàu không có bàn chỉ nam .

Về chính trị:

Nguyễn Ái Quốc đưa ra những luận điểm quan trọng về giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa , kế thừa và phát triển quan điểm của V.I.Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc . Người khẳng định rằng, con giải phóng giai cấp , giải phóng dân tộc chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản, muốn thắng lợi phải có Đảng lãnh đạo.

Nguyễn Ái Quốc chỉ rõ : trong nước nông nghiệp lạc hậu , nông dân là lực lượng đông đảo nhất , bị đế quốc , phong kiến áp bức , bóc lột nặng nề, vì vậy phải thu phục và lôi cuốn được nông dân, phải xây dựng khối liên minh công nông làm động lực cách mạng : “ công nông là gốc của cách mệnh ; còn học trò nhà buôn nhỏ , điền chủ nhỏ ... là bầu bạn cách mệnh của công nông ”. Do vậy , Người xác định rằng , cách mạng “ là việc chung của cả dân chúng chứ không phải là việc của một hai người ” .

Về vấn đề Đảng Cộng sản , Nguyễn Ái Quốc khẳng định : “ Cách mạng trước hết phải có đảng cách mệnh , để trong thì vận động và tổ chức dân chúng , ngoài thì liên lạc với dân tộc bị áp bức và vô sản giai cấp mọi nơi . Đảng có vững cách mệnh mới thành công , cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy .Phương hướng của CMVN là đi từ giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc.

Về tổ chức:

Tháng 11/1924, Người đến Quảng Châu (Trung Quốc) - nơi có đông người Việt Nam yêu nước hoạt động - để xúc tiến các công việc tổ chức thành lập đảng cộng sản . Tháng 2-1925 , Người lựa chọn một số thanh niên tích cực trong Tâm tâm xã , lập ra nhóm Cộng sản đoàn .

Tháng 6-1925 , Nguyễn Ái Quốc thành lập Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên tại Quảng Châu (Trung Quốc) , nòng cốt là Cộng sản đoàn.

Hội đã xuất bản tờ báo Thanh niên (do Nguyễn Ái Quốc sáng lập và trực tiếp chỉ đạo) , tuyên truyền tôn chỉ, mục đích của Hội , truyền truyền chủ nghĩa Mác - Lênin và phương hướng phát triển của cuộc vận động giải phóng dân tộc Việt. Sau khi Nguyễn Ái Quốc rời Quảng Châu (4-1927) đi Liên Xô , những đồng chí khác trong Tổng bộ vẫn tiếp tục việc xuất bản và hoạt động. Một số lượng lớn báo Thanh niên được bí mật đưa về nước và tới các trung tâm phong trào yêu nước của người Việt Nam ở nước ngoài.

Sau khi thành lập , Hội tổ chức các lớp huấn luyện chính trị do Nguyễn Ái Quốc trực tiếp phụ trách , phái người về nước vận động , lựa chọn và đưa một số thanh niên tích cực sang Quảng Châu để đào tạo , bồi dưỡng về lý luận chính trị.

Ở trong nước , từ đầu năm 1926 , Hội Việt Nam Cách mạng thanh niên đã bắt đầu phát triển cơ sở ở trong nước, đến đầu năm 1927 các kỳ bộ được thành lập. Trực tiếp truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin, là sự chuẩn bị quan trọng về tổ chức để tiến tới thành lập chính đảng của giai cấp công nhân ở Việt Nam. Thúc đẩy mạnh mẽ sự chuyển biến của phong trào công nhân , phong trào yêu nước Việt Nam những năm 1928-1929 theo xu hướng cách mạng vô sản. Đó là tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ khi trở thành người cộng sản, cùng với việc thực hiện nhiệm vụ đối với phong trào Cộng sản quốc tế, Nguyễn Ái Quốc xúc tiến mạnh mẽ việc nghiên cứu lý luận giải phóng dân tộc theo học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác- Lê nin và phong trào yêu nước Việt Nam, từng bước chuẩn bị về tư tưởng, chính trị và tổ chức cho việc thành lập một chính đảng cộng sản ở Việt Nam.

Về tư tưởng, truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam không phải bằng các tác phẩm kinh điển, những cuốn sách lý luận đồ sộ mà bằng các tác phẩm ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với trình độ quần chúng. Người đã vạch trần bản chất xấu xa, tội ác của thực

dân Pháp đối với nhân dân thuộc địa, nhân dân Việt Nam; khơi dậy mạnh mẽ tinh thần yêu nước, thức tỉnh tinh thần dân tộc nhằm đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược.

Về chính trị, Nguyễn Ái Quốc phác thảo hệ thống những vấn đề cơ bản về đường lối cứu nước đúng đắn cho cách mạng Việt Nam chỉ ra con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và cách mạng thế giới; cách mạng vô sản ở chính quốc có mối quan hệ chặt chẽ với cách mạng vô sản ở các nước thuộc địa; lực lượng chủ yếu của cách mạng là công nhân và nông dân - “gốc cách mệnh”, còn “học trò, nhà buôn, điền chủ nhỏ” là bầu bạn của cách mệnh; cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, cách mạng muốn thành công, trước hết phải có một đảng cách mạng nắm vai trò lãnh đạo..

Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị về mặt tổ chức để huấn luyện, đào tạo cán bộ, từ các lớp huấn luyện ở Quảng Châu (Trung Quốc) giúp cho những người Việt Nam yêu nước xuất thân từ các thành phần, tầng lớp dễ tiếp thu tư tưởng cách mạng của Người, đồng thời thúc đẩy mạnh mẽ phong trào công nhân và yêu nước theo khuynh hướng vô sản.

5: Nội dung cơ bản Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam (2-1930)

****Hoàn cảnh ra đời:***

Đến cuối năm 1929, những người cách mạng Việt Nam trong các tổ chức cộng sản đã nhận thức được sự cần thiết và cấp bách phải thành lập một đảng cộng sản thống nhất, chấm dứt sự chia rẽ trong phong trào cộng sản ở Việt Nam.

Ngày 27-10-1929, Quốc tế Cộng sản gửi những người Cộng sản Đông Dương tài liệu Về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương, yêu cầu những người cộng sản Đông Dương phải khắc phục ngay sự chia rẽ giữa các nhóm cộng sản và thành lập một đảng của giai cấp vô sản.

Nhận được tin về sự chia rẽ của những người cộng sản ở Đông Dương, Nguyễn Ái Quốc rời Xiêm đến Trung Quốc. Người chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng, tại Hương Cảng, Trung Quốc.

Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt Đảng, Chương trình tóm tắt Đảng và Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Các văn kiện này đã hợp thành Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng Cộng sản Việt Nam.

****Nội dung cơ bản:***

****Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền và thổ địa cách mạng:***

- Về chính trị: Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông.
- Về kinh tế: Thu tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn (như công nghiệp, vận tải, ngân hàng, v.v.) của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý; tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo; bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo; mở mang công nghiệp và nông nghiệp; thi hành luật này làm 8 giờ.
- Về văn hóa - xã hội: Dân chúng được tự do tổ chức; nam nữ bình quyền, v.v.; phổ thông giáo dục theo công nông hóa
- Về lực lượng cách mạng: Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào hạng dân cày nghèo làm thổ địa cách mạng, đánh đổ bọn đại địa chủ và phong kiến; phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày (công hội, hợp tác xã) khỏi ở dưới quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư sản quốc gia; phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, Thanh niên, Tân Việt, v.v. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp. Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, ít lâu mới làm cho họ đứng trung lập. Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng (như Đảng lập hiến, v.v.) thì phải đánh đổ.
- Về lãnh đạo cách mạng: Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng; trong khi liên lạc với các giai cấp, phải rất cẩn thận, không khi nào nhượng bộ một chút lợi ích gì của công nông mà đi vào con đường thỏa hiệp.
- Về quan hệ của cách mạng Việt Nam với phong trào cách mạng thế giới: Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải thực hành liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới, nhất là giai cấp vô sản Pháp.

****Ý nghĩa ra đời của cương lĩnh***

Ý nghĩa Cương lĩnh:

Chấm dứt sự khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, cách mạng VN sang một bước ngoặt lịch sử vĩ đại: CMVN trở thành một bộ phận khăng khít của CMVS thế giới

Là bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử vô cùng quan trọng trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Nó chứng tỏ giai cấp vô sản ta đã trưởng thành và đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Đảng Cộng sản VN ra đời với cương lĩnh đúng đắn phản ánh quy luật khách quan của Cách mạng Việt Nam, đáp ứng được nhu cầu cơ bản và cấp bách của Cách mạng Việt Nam.

****Liên hệ vận dụng***

Thực tiễn cách mạng Việt Nam từ khi Đảng ra đời đến nay đã khẳng định sự đúng đắn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên. Đi theo Cương lĩnh ấy, trong suốt những năm qua dân tộc Việt Nam đã thay đổi cả vận mệnh của dân tộc, thay đổi cả thân phận của người dân và từng bước khẳng định vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Thực hiện đường lối chiến lược được hoạch định trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, Việt Nam từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội; đất nước ta đã ra khỏi tình trạng nước nghèo, kém phát triển, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, có quan hệ quốc tế rộng rãi, có vị thế ngày càng quan trọng trong khu vực và trên thế giới.

6. Phong trào cách mạng năm 1930-1931

Hoàn cảnh lịch sử: Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929-1933 ảnh hưởng lớn đến các nước thuộc địa và phụ thuộc, làm cho mọi hoạt động sản xuất đình đốn. Ở Đông Dương, thực dân Pháp tăng cường bóc lột để bù đắp những hậu quả của cuộc khủng hoảng ở chính quốc, đồng thời tiến hành một chiến dịch khủng bố trắng nhằm đàn áp cuộc khởi nghĩa Yên Bái (2-1930). Mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Pháp và tay sai càng phát triển gay gắt. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời với hệ thống tổ chức thống nhất và cương lĩnh chính trị đúng đắn, nắm quyền lãnh đạo duy nhất đối với cách mạng Việt Nam đã “lãnh đạo ngay một cuộc đấu tranh kịch liệt chống thực dân Pháp”¹.

Thực dân Pháp khủng bố, đàn áp,... dẫn tới các phong trào diễn ra thất bại. Trước sự đấu tranh của nhân dân, ở nhiều nơi chính quyền của địch bị tan vỡ. Chính quyền nhân

được thành lập.

Ngày 12-9-1930, TDP ném bom vào đoàn người biểu tình ở Hưng Nguyên (Nghệ An) làm chết 171 người. Như đổ thêm dầu vào lửa, phong trào bùng lên giữ dội.

Từ tháng 6 đến tháng 8-1930 đã nổ ra 121 cuộc đấu tranh, nổi bật nhất là cuộc biểu tình của công nhân Bến Thủy-Vinh (8-1930). Ngày 5-1930, đã diễn ra 16 cuộc bãi công của công nhân, 34 cuộc biểu tình của nông dân, 4 cuộc của các tầng lớp nhân dân ở thành thị... Từ tháng 1 đến tháng 4-1930, phong trào đấu tranh của CN và ND liên tiếp nổ ra.

Tháng 9-1930, Ban Thường vụ Trung ương Đảng gửi thông tri cho Xứ ủy Trung Kỳ vạch rõ chủ trương bạo động riêng lẻ trong vài địa phương lúc đó là quá sớm vì chưa đủ điều kiện. Trách nhiệm của Đảng là phải tổ chức quần chúng chống khủng bố, giữ vững lực lượng cách mạng, “duy trì kiên cố ảnh hưởng của Đảng, của Xô viết trong quần chúng, để đến khi thất bại thì ý nghĩa Xô viết ăn sâu vào trong óc quần chúng và lực lượng của Đảng và Nông hội vẫn duy trì”¹.

Khi chính quyền Xô viết ra đời và là đỉnh cao của phong trào cách mạng. Từ cuối năm 1930, thực dân Pháp tập trung mọi lực lượng đàn áp khốc liệt, kết hợp thủ đoạn bạo lực với những thủ đoạn chính trị như cưỡng bức dân cày ra đầu thú, tổ chức rước cờ vàng, nhận thẻ quy thuận... Đầu năm 1931, hàng nghìn chiến sĩ cộng sản, hàng vạn người yêu nước bị bắt, bị giết hoặc bị tù đầy. Tháng 4-1931, toàn bộ Ban Chấp hành Trung ương Đảng bị bắt, không còn lại một ủy viên nào². “Các tổ chức của Đảng và của quần chúng tan rã hầu hết”³.

Mặc dù bị tổn thất nặng nề, nhưng phong trào cách mạng 1930-1931 có ý nghĩa lịch sử quan trọng đối với cách mạng Việt Nam, đã “khẳng định trong thực tế quyền lãnh đạo và năng lực lãnh đạo cách mạng của giai cấp vô sản mà đại biểu là Đảng ta; ở chỗ nó đem lại cho nông dân niềm tin vững chắc vào giai cấp vô sản, đồng thời đem lại cho đông đảo quần chúng công nông lòng tự tin ở sức lực cách mạng vĩ đại của mình...”⁴. Đã rèn luyện đội ngũ cán bộ, đảng viên và quần chúng yêu nước.

Cao trào cũng để lại cho Đảng những kinh nghiệm quý báu “về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược phản đế và phản phong kiến, kết hợp phong trào đấu tranh của công nhân với phong trào đấu tranh của nông dân, thực hiện liên minh công nông dưới sự lãnh đạo

của giai cấp công nhân; kết hợp phong trào cách mạng ở nông thôn với phong trào cách mạng ở thành thị, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang v.v...”.

7. Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930

Từ ngày 14 đến ngày 31-10-1930, Ban chấp hành Trung ương họp Hội nghị lần thứ nhất tại Hương Cảng tức Hồng Kông (Trung Quốc), quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành Đảng Cộng sản Đông Dương. Đồng chí Trần Phú được bầu làm Tổng Bí thư của Đảng.

Nội dung cơ bản Luận cương tháng 10-1930

Luận cương chính trị của Đảng Cộng sản Đông Dương có các nội dung chính: Xác định mâu thuẫn giai cấp ngày càng diễn ra gay gắt ở Việt Nam, Lào và Cao Miên là “một bên thì thợ thuyền, dân cày và các phần tử lao khổ, một bên thì địa chủ, phong kiến, tư bản và đế quốc chủ nghĩa”.

Về phương hướng chiến lược của cách mạng, Luận cương nêu rõ tính chất của cách mạng Đông Dương lúc đầu là một cuộc “cách mạng tư sản dân quyền”, “có tính chất thổ địa và phản đế”. Sau đó sẽ tiếp tục “phát triển, bỏ qua thời kì tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”

Nhiệm vụ cốt yếu của cách mạng tư sản dân quyền là phải tranh đấu để đánh đổ các du tích phong kiến, đánh đổ các cách bóc lột theo lối tiền tiền tư bản và để thực hành thổ địa cách mạng cho triệt để” và “đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp, làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập”. Hai nhiệm vụ chiến lược đó có quan hệ khăng khít với nhau: “... có đánh đổ đế quốc chủ nghĩa mới phá được cái giai cấp địa chủ và làm cách mạng thổ địa được thắng lợi, mà có phá tan chế độ phong kiến thì mới đánh đổ được đế quốc chủ nghĩa”. Luận cương nhấn mạnh: “vấn đề thổ địa là cái cốt của cách mạng tư sản dân quyền”, là cơ sở để Đảng giành quyền lãnh đạo dân cày.

Các điều kiện đảm bảo cho CMGPDT thắng lợi

-Giai cấp vô sản và nông dân là hai động chính của cách mạng tư sản dân quyền, trong đó giai cấp vô sản là động lực chính và mạnh.

-Về lãnh đạo cách mạng, Luận cương khẳng định : “điều kiện cốt yếu cho sự thắng lợi của cách mạng ở Đông Dương là cần phải có một Đảng Cộng sản có một đường

chánh trị đúng có kỷ luật tập trung, mật thiết liên lạc với quần chúng, và từng trải tranh đấu mà trưởng thành”.

-Về phương pháp cách mạng, Luận cương nêu rõ phải ra sức chuẩn bị cho quần chúng về con đường “võ trang bạo động”. Đến lúc có tình thế cách mạng, “Đảng phải lập tức lãnh đạo quần chúng để đánh đổ chánh phủ của địch nhân và giành lấy chánh quyền cho công nông”. Võ trang bạo động để giành chính quyền là một nghệ thuật, “phải tuân theo khuôn phép nhà binh”.

-Cách mạng Đông Dương là một bộ phận của cách mạng vô sản thế giới, vì thế giai cấp vô sản Đông Dương phải đoàn kết gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp, và phải mật thiết liên hệ với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa.

Luận cương chính trị tháng 10-1930 đã xác định nhiều vấn đề cơ bản về chiến lược cách mạng. Về cơ bản thống nhất với nội dung của chính cương, sách lược vắn tắt của Hội nghị thành lập Đảng tháng 2-1930. Tuy nhiên, Luận cương đã không nêu rõ mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt Nam thuộc địa, không nhấn mạnh nhiệm vụ giải phóng dân tộc, mà nặng về ruộng đất; không đề ra được một chiến lược liên minh dân tộc và giai cấp rộng rãi trong cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược và tay sai. Nguyên nhân là do nhận thức chưa đầy đủ về thực tiễn cách mạng thuộc địa và chịu ảnh hưởng của tư tưởng tả khuynh, nhấn mạnh một chiều đấu tranh giai cấp đang tồn tại trong Quốc tế Cộng sản và một số Đảng Cộng sản trong thời gian đó.

Sau hội nghị Trung ương tháng 10-1930, Đảng đã có chủ trương mới. Ngày 18-11-1930 Thường vụ Trung ương Đảng ban hành Chỉ thị về vấn đề thành lập “Hội phản đế Đồng minh”, là tổ chức mặt trận đầu tiên để tập hợp đoàn kết các giai cấp tầng lớp dân tộc, khẳng định vai trò của nhân dân trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

8. Phong trào dân chủ 1936-1939 (Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng b. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình c. Ý nghĩa và kinh nghiệm)

a. Điều kiện lịch sử và chủ trương của Đảng

Điều kiện: Quốc tế Cộng sản họp Đại hội VII tại Mátxcova (Liên Xô) (7-1935), xác định kẻ thù nguy hiểm trước mắt của nhân dân thế giới là chủ nghĩa phát xít. Nhiệm

vụ trước mắt của giai cấp công nhân và nhân dân lao động thế giới là chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh bảo vệ dân chủ và hòa bình. Để thực hiện nhiệm vụ đó, giai cấp công nhân các nước trên thế giới phải thống nhất hàng ngũ, lập mặt trận nhân dân rộng rãi.

Chủ trương đấu tranh của Đảng (1936-1939)

Ngày 26-7-1936, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp Hội nghị tại Thượng Hải (Trung Quốc), do Lê Hồng Phong chủ trì, có Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên dự, nhằm “sửa chữa những sai lầm” trước đó và “định lại chính sách mới” dựa theo những nghị quyết của Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản. Hội nghị xác định nhiệm vụ trước mắt là chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống phản động thuộc địa và tay sai, đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình; Lập mặt trận nhân dân rộng rãi để tập hợp, đoàn kết các giai cấp, các đảng phái,... đấu tranh đòi những điều dân chủ đơn sơ. Chuyển hình thức tổ chức bí mật, không hợp pháp sang các hình thức tổ chức và đấu tranh công khai, nửa công khai, hợp pháp, nửa hợp pháp, kết hợp với bí mật, bất hợp pháp. Đồng chí Hà Huy Tập là Tổng Bí thư của Đảng.

Các Hội nghị lần thứ ba (3-1937) và lần thứ tư (9-1937) Ban Chấp hành Trung ương Đảng bàn sâu hơn về công tác tổ chức của Đảng, quyết định chuyển mạnh hơn nữa về phương pháp tổ chức và hoạt động để tập hợp đông đảo quần chúng trong mặt trận chống phản động thuộc địa, đòi tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình. Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 3-1938 nhấn mạnh “lập Mặt trận dân chủ thống nhất là một nhiệm vụ trung tâm của Đảng trong giai đoạn hiện tại³.”

Cùng với việc đề ra chủ trương cụ thể, trước mắt để lãnh đạo phong trào dân chủ 1936-1939, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đặt vấn đề nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ phản đế và dân tộc. Chỉ thị của Ban Trung ương *Gửi các tổ chức của Đảng* (26-7-1936) chỉ rõ, “ở một xứ thuộc địa như Đông Dương, trong hoàn cảnh hiện tại, nếu chỉ quan tâm đến sự phát triển của cuộc đấu tranh giai cấp, có thể sẽ nảy sinh những khó khăn để mở rộng phong trào dân tộc”⁴.

Trong văn kiện *Chung quanh vấn đề chiến sách mới* (tháng 10-1936), Đảng nêu quan điểm: “Cuộc dân tộc giải phóng không nhất thiết phải kết chặt với cuộc cách mạng điền địa.

b. Phong trào đấu tranh đòi tự do, dân chủ, cơm áo và hòa bình

Năm cơ hội Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp quyết định trả tự do một số tù chính trị, thi hành một số cải cách xã hội cho lao động ở các thuộc địa Pháp và cử một ủy ban điều tra thuộc địa đến Đông Dương, Đảng phát động một phong trào đấu tranh công khai của quần chúng, mở đầu bằng cuộc vận động lập “Ủy ban trù bị Đông Dương đại hội” nhằm thu thập nguyện vọng quần chúng, tiến tới triệu tập Đại hội đại biểu nhân dân Đông Dương.

Đầu năm 1937, Đảng vận động 2 cuộc biểu dương lực lượng quần chúng dưới danh nghĩa “đón rước”, đưa “dân nguyện”.

Theo sáng kiến của Đảng, *Hội truyền bá quốc ngữ* ra đời. Từ cuối năm 1937 phong trào truyền bá quốc ngữ phát triển mạnh

Hội nghị Trung ương Đảng (29 - 30-3-1938) quyết định lập Mặt trận Dân chủ Đông Dương để tập hợp rộng rãi lực lượng, phát triển phong trào. Hội nghị bầu đồng chí Nguyễn Văn Cừ làm Tổng Bí thư của Đảng.

Các hình thức tổ chức quần chúng phát triển rộng rãi, bao gồm các hội tương tế, hội ái hữu. Trong những năm 1937-1938, Mặt trận Dân chủ còn tổ chức các cuộc vận động tranh cử vào các Viện dân biểu Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Hội đồng quản hạt Nam Kỳ, Hội đồng kinh tế lý tài Đông Dương.

Năm 1939, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ xuất bản cuốn sách *Tự chỉ trích* thẳng thắn chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm, nêu rõ những bài học cần thiết trong lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng. Đó là tác phẩm có ý nghĩa lý luận, thực tiễn về xây dựng Đảng, tự phê bình và phê bình để nâng cao năng lực lãnh đạo và bản chất cách mạng của Đảng.

Khi Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (9-1939), thực dân Pháp đàn áp cách mạng. Đảng rút vào hoạt động bí mật. Cuộc vận động dân chủ kết thúc.

c. Ý nghĩa và kinh nghiệm

Ý nghĩa: Qua phong trào đấu tranh của quần chúng, đội quân chính trị gồm hàng triệu người được thành lập, giác ngộ và rèn luyện. Uy tín và ảnh hưởng của Đảng được mở rộng. Tổ chức Đảng được củng cố và mở rộng.

Kinh nghiệm: Giải quyết mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu trước

mật; Xây dựng một mặt trận thống nhất rộng rãi phù hợp với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị, phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù nguy hiểm nhất; Kết hợp giữa hình thức bí mật và công khai để tập hợp quần chúng.

9. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng (1939-1945) và Hội nghị trung ương Đảng lần 8 (tháng 5/1941):

a. Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng

Bối cảnh lịch sử và chủ trương chiến lược mới của Đảng

Tình hình thế giới

Ngày 1 - 9 -1939 , chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ. Tháng 6 -1940 , Đức tấn công Pháp . □ Tháng 6 -1941 , Đức tấn công Liên Xô. Tháng 12 -1941 , chiến tranh Thái Bình Dương bùng nổ.

Tình hình Đông Dương

Ngày 28-9-1939, Toàn quyền Đông Dương ra Nghị định cấm tuyên truyền cộng sản, đặt Đảng Cộng sản Đông Dương ra ngoài vòng pháp luật, giải tán các hội, đoàn, đóng cửa các tờ báo và nhà xuất bản, cấm hội họp và tụ tập đông người...

Thực dân Pháp thi hành chính sách thời chiến rất tàn bạo, thủ tiêu quyền tự do dân chủ giành được trong thời kỳ 1936 – 1939. Ngày 22-9-1940 phát xít Nhật tấn công Lạng Sơn rồi đổ bộ vào Hải Phòng. Ngày 23-9-1940, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật. Mâu thuẫn giữa dân tộc ta với đế quốc, phát xít Pháp - Nhật trở nên gay gắt hơn bao giờ hết.

Ngay khi Chiến tranh thế giới thứ hai mới bùng nổ, Đảng kịp thời rút vào hoạt động bí mật, chuyển trọng tâm công tác về nông thôn, đồng thời vẫn chú trọng các đô thị. 29-9-1939, Trung ương Đảng gửi toàn Đảng một thông báo quan trọng chỉ rõ: “Hoàn cảnh Đông Dương sẽ tiến bước đến vấn đề dân tộc giải phóng”¹.

Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng tháng 11-1939 đã đáp ứng yêu cầu khách quan của lịch sử, đưa nhân dân bước vào thời kỳ trực tiếp vận động giải phóng dân tộc. Ngày 17-1-1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ bị địch bắt. Nhiều đồng chí Trung ương cũng sa vào tay giặc.

Nội dung chuyển hướng chiến lược của Đảng:

Trước những chuyển biến của tình hình, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Đông Dương liên tiếp mở các hội nghị để hoạch định chủ trương, nhiệm vụ, chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng, đặt “nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu”. Chủ trương này của Đảng tập trung ở cả 3 hội nghị lần thứ sáu, lần thứ bảy và lần thứ tám của Ban chấp hành Trung ương:

Hội nghị trung ương Đảng lần 6 (tháng 11/1939):

- “Đứng trên lập trường giải phóng dân tộc, lấy quyền lợi dân tộc làm tối cao, tất cả mọi vấn đề của cuộc cách mạng và cả vấn đề điền địa nhằm đó mà giải quyết”.
- Nhiệm vụ trước mắt là đánh đổ đế quốc và tay sai, làm cho Đông Dương độc lập.
- Chủ trương tạm gác khẩu hiệu cách mạng ruộng đất, đề ra khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và địa chủ phản bội; chống tô cao, lãi nặng; thay khẩu hiệu “ Chính quyền công nông” bằng khẩu hiệu “ Chính phủ dân chủ cộng hòa”.
- Hội nghị quyết định thay đổi hình thức và phương pháp đấu tranh cho phù hợp: Từ đấu tranh đòi dân sinh dân chủ đến đấu tranh trực tiếp đánh đổ chính quyền của đế quốc, tay sai, từ hoạt động hợp pháp sang hoạt động bí mật và bất hợp pháp, đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa vũ trang.
- Đảng chủ trương thành lập Mặt trận dân tộc thống nhất dân tộc phản đế Đông Dương thay cho Mặt trận Dân chủ Đông Dương.
- Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương đảng lần thứ VI đánh dấu sự chuyển hướng đúng đắn về chỉ đạo chiến lược cách mạng.
- Đảng Cộng sản Đông Dương giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp, giai cấp và dân tộc Đông Dương trong cùng một Mặt trận dân tộc thống nhất, mở đường đi tới thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Hội nghị trung ương Đảng lần 7 (tháng 11/1940):

- Khẳng định chủ trương của hội nghị trung ương Đảng lần 6 là hoàn toàn đúng đắn.
- Hội nghị xác định kẻ thù của nhân dân Đông Dương là phát xít Pháp – Nhật.
- “Cách mạng phản đế và cách mạng thổ địa đồng thời tiến, không thể cái làm trước, cái làm sau”.

- Khẩu hiệu: Mặc dù lúc này khẩu hiệu cách mạng phản đế - cách mạng giải phóng dân tộc cao hơn và thiết thực hơn song nếu không làm được thì cách mạng thổ địa thì cách mạng phản đế khó thành công.
- Hội nghị trung ương Đảng còn trăn trở, chưa dứt khoát chủ trương đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.

Hội nghị trung ương Đảng lần 8 (tháng 5/1941):

Sau 30 năm hoạt động ở nước ngoài, ngày 28-1-1941, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước và làm việc ở Cao Bằng. Tháng 5-1941, Nguyễn Ái Quốc chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban chấp hành Trung ương Đảng. “Vấn đề chính là nhận định cuộc cách mạng trước mắt của Việt Nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, lập *Mặt trận Việt Minh*, khẩu hiệu chính là: Đoàn kết toàn dân, chống Nhật, chống Pháp, tranh lại độc lập; hoãn cách mạng ruộng đất”¹. Trung ương bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng Bí thư. Hội nghị Trung ương nêu rõ những nội dung quan trọng:

Thứ nhất, hết sức nhấn mạnh mâu thuẫn chủ yếu đòi hỏi phải được giải quyết cấp bách là mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp-Nhật, bởi vì dưới hai tầng áp bức Nhật-Pháp, “quyền lợi tất cả các giai cấp bị cướp giật, vận mạng dân tộc nguy vong không lúc nào bằng”².

Thứ hai, khẳng định dứt khoát chủ trương “phải thay đổi chiến lược” và giải thích: “Cuộc cách mạng ở Đông Dương hiện tại không phải là một cuộc cách mạng tư sản dân quyền, cuộc cách mạng phải giải quyết hai vấn đề: phản đế và điền địa nữa, mà là một cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”. Trung ương Đảng khẳng định: “Chưa chủ trương làm cách mạng tư sản dân quyền mà chủ trương làm cách mạng giải phóng dân tộc”³. Để thực hiện nhiệm vụ đó, Hội nghị quyết định tiếp tục tạm gác khẩu hiệu “đánh đổ địa chủ, chia ruộng đất cho dân cày”, thay bằng các khẩu hiệu tịch thu ruộng đất của đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, chia lại ruộng đất công cho công bằng, giảm tô, giảm tức. Hội nghị chỉ rõ: “Trong lúc này quyền lợi của bộ phận, của giai cấp phải đặt dưới sự sinh tử, tồn vong của quốc gia, của dân tộc. Trong lúc này nếu không giải quyết được vấn đề dân tộc giải phóng, nếu không đòi được độc lập tự do cho toàn thể dân tộc, thì chẳng những toàn thể quốc gia dân tộc còn chịu mãi kiếp ngựa trâu, mà quyền lợi của bộ phận, giai cấp đến vạn năm cũng không đòi lại

được. Đó là nhiệm vụ của Đảng ta trong vấn đề dân tộc”.

Thứ ba, giải quyết vấn đề dân tộc trong khuôn khổ từng nước ở Đông Dương, thi hành chính sách “dân tộc tự quyết”. Hội nghị quyết định thành lập ở mỗi nước Đông Dương một mặt trận riêng, thực hiện đoàn kết từng dân tộc, đồng thời đoàn kết ba dân tộc chống kẻ thù chung.

Thứ tư, tập hợp rộng rãi mọi lực lượng dân tộc, “không phân biệt thợ thuyền, dân cày, phú nông, địa chủ, tư bản bản xứ, ai có lòng yêu nước thương nòi sẽ cùng nhau thống nhất mặt trận, thu góp toàn lực đem tất cả ra giành quyền độc lập, tự do cho dân tộc”. Các tổ chức quần chúng trong mặt trận Việt Minh đều mang tên “cứu quốc.

Thứ năm, chủ trương sau khi cách mạng thành công sẽ thành lập nước Việt Nam dân chủ cộng hòa theo tinh thần dân chủ, một hình thức nhà nước “của chung cả toàn thể dân tộc”². Hội nghị chỉ rõ, “không nên nói công nông liên hiệp và lập chính quyền Xô viết mà phải nói toàn thể nhân dân liên hiệp và thành lập chính phủ dân chủ cộng hòa”. Lấy cờ đỏ sao vàng năm cánh làm quốc kỳ

Thứ sáu, Hội nghị xác định chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm của Đảng và nhân dân; “phải luôn luôn chuẩn bị một lực lượng sẵn sàng, nhằm vào cơ hội thuận tiện hơn cả mà đánh lại quân thù”.

Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã hoàn chỉnh chủ trương chiến lược được đề ra từ Hội nghị tháng 11-1939, khắc phục triệt để những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10-1930, khẳng định lại đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và lý luận cách mạng giải phóng dân tộc của Nguyễn Ái Quốc. Đó là ngọn cờ dẫn đường cho toàn dân Việt Nam đẩy mạnh công cuộc chuẩn bị lực lượng, tiến lên trong sự nghiệp đánh Pháp, đuổi Nhật, giành độc lập tự do.

- ***Ý nghĩa của quá trình chuyển hướng của Đảng:***
- Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo BCH Trung ương Đảng đã giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra nhiều chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

- Đường lối đúng đắn gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc đã dẫn đường cho nhân dân ta tiến lên giành thắng lợi trong sự nghiệp đánh Pháp đuổi Nhật, giành độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Chủ trương đúng đắn của Hội nghị thực sự là kim chỉ nam đối với hoạt động của Đảng cho tới thắng lợi cuối cùng năm 1945.

- Liên hệ, vận dụng:

Bài học kinh nghiệm được rút ra từ sự chuyển hướng chiến lược của Đảng năm 1939 - 1945 vẫn luôn có giá trị trong chủ trương, chính sách, đường lối của đất nước ta ngày nay. Đây luôn là kim chỉ nam sáng ngời đối với sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam đặc biệt là trong tình hình dịch covid phức tạp và đầy biến động như hiện nay.

10. Phong trào chống Pháp – Nhật, đẩy mạnh chuẩn bị lực lượng cho cuộc khởi nghĩa vũ trang

Phong trào chống P-N, đẩy nhanh chuẩn bị lực lượng.

Ngày 27-9-1940, *Khởi nghĩa Bắc Sơn* là bước phát triển của đấu tranh vũ trang vì mục tiêu giành độc lập.

Cuộc khởi nghĩa ở Nam Kỳ nổ ra đêm ngày 23-11-1940. Quân khởi nghĩa đánh chiếm nhiều đồn bót và tiến công nhiều quận lỵ. Nhưngw cuộc khởi nghĩa bị đế quốc Pháp đàn áp khốc liệt, làm cho lực lượng cách mạng bị tổn thất nặng nề.

Ngày 13-1-1941, một cuộc binh biến nổ ra Đô Lương, tỉnh Nghệ An do Đội Cung chỉ huy, nhưng cũng bị thực dân Pháp dập tắt nhanh chóng.

Các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Nam Kỳ và binh biến Đô Lương là “những tiếng súng báo hiệu cho cuộc khởi nghĩa toàn quốc, là bước đầu đấu tranh bằng vũ lực của các dân tộc ở một nước Đông Dương”¹.

Pháp-Nhật ngày càng tăng cường đàn áp cách mạng Việt Nam. Ngày 26-8-1941, thực dân Pháp xử bắn Nguyễn Văn Cừ, Phan Đăng Lưu, Hà Huy Tập, Võ Văn Tần, Nguyễn Thị Minh Khai tại Hóc Môn, Gia Định. Lê Hồng Phong hy sinh trong nhà tù Côn Đảo (6-9-1942).

Tháng 8-1942, Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh trên đường đi công tác ở Trung Quốc cũng bị quân Trung Hoa dân quốc bắt giữ hơn một năm.

Năm 1943, Đảng công bố bản *Đề cương về văn hóa Việt Nam do Tổng Bí thư Trường Chinh soạn thảo*, Đề cương văn hoá đã vạch ra phương hướng đấu tranh đúng đắn chống thực dân, phát xít, xây dựng đường lối văn hoá mới của Đảng, tập hợp các nhà văn hoá, trí thức để tham gia sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Tháng 10-1944, Hồ Chí Minh gửi thư cho đồng bào toàn quốc, thông báo chủ

trương của Đảng về việc triệu tập Đại hội đại biểu quốc dân. Bức thư nêu rõ: “Phe xâm lược gần đến ngày bị tiêu diệt. Các đồng minh quốc sắp tranh được sự thắng lợi cuối cùng. Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh!”.

Cuối năm 1944, ở Cao-Bắc-Lạng, cấp ủy địa phương gấp rút chuẩn bị phát động chiến tranh du kích trong phạm vi ba tỉnh. Lúc đó, Hồ Chí Minh từ Trung Quốc trở lại Cao Bằng, kịp thời quyết định đình chỉ phát động chiến tranh du kích trên quy mô rộng lớn vì chưa đủ điều kiện. Tiếp đó, Hồ Chí Minh ra *Chỉ thị thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân*, xác định nguyên tắc tổ chức, phương thức hoạt động và phương châm tác chiến của lực lượng vũ trang. Bản Chỉ thị này có giá trị như một cương lĩnh quân sự tóm tắt của Đảng.

Ngày 22-12-1944, *Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân* do Võ Nguyên Giáp tổ chức ra đời ở Cao Bằng. Ba ngày sau, đội đánh thắng liên tiếp hai trận ở Phai Khắt (25-12-1944) và Nà Ngần (26-12-1944). Đội đẩy mạnh vũ trang tuyên truyền, kết hợp chính trị và quân sự, xây dựng cơ sở cách mạng, góp phần củng cố và mở rộng khu căn cứ Cao- Bắc-Lạng.

Ngày 24-12-1944, Đoàn của Tổng bộ Việt Minh do Hoàng Quốc Việt dẫn đầu sang Trung Quốc liên lạc với các nước Đồng Minh để phối hợp chống Nhật. Tháng 2-1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh sang Trung Quốc tranh thủ giúp đỡ của Đồng minh chống phát xít.

11. Chỉ thị Nhật-Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta

Tình hình thay đổi nhanh chóng.

Đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô truy kích phát xít Đức trên chiến trường châu Âu, giải phóng nhiều nước ở Đông Âu và tiến về phía Berlin (Đức).

Thực dân Pháp theo phái Đờ Gôn ở Đông Dương ráo riết chuẩn bị, chờ quân Đồng minh vào Đông Dương đánh Nhật thì sẽ khôi phục lại quyền thống trị của Pháp. “Cả hai quân thù Nhật-Pháp đều đang sửa soạn tiến tới chỗ tao sống mày chết, quyết liệt cùng nhau”¹. Ngày 9-3-1945, Nhật nổ súng đảo chính lật đổ Pháp.

Chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim được Nhật dựng ra với cái bánh vẽ “độc lập” để phục vụ cho nền thống trị của chủ nghĩa phát xít.

(Chỉ thị Nhật Pháp và hành động của chúng ta) Phát động cao trào kháng Nhật cứu nước

Dự đoán đúng tình hình, ngay trước lúc Nhật nổ súng lật đổ Pháp, Tổng Bí thư Trường Chinh triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng họp mở rộng tại làng Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh) để phân tích tình hình và đề ra chủ trương chiến lược mới. Ngày 12-3-1945, Ban thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị *Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*, chỉ rõ bản chất hành động của Nhật ngày 9-3-1945 là một

cuộc đảo chính tranh giành lợi ích giữa Nhật và Pháp; xác định kẻ thù cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương sau cuộc đảo chính là phát xít Nhật; thay khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật-Pháp” bằng khẩu hiệu “đánh đuổi phát xít Nhật”, nêu khẩu hiệu “thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông Dương” để chống lại chính phủ thân Nhật.

Chỉ thị quyết định phát động một cao trào kháng Nhật cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc tổng khởi nghĩa, đồng thời sẵn sàng chuyển lên tổng khởi nghĩa khi có đủ điều kiện. Bản chỉ thị ngày 12-3-1945 thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết, kịp thời của Đảng. Đó là kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng và Việt Minh trong cao trào chống Nhật cứu nước và có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Việt Minh, từ giữa tháng 3-1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước diễn ra sôi nổi, mạnh mẽ.

Ngày 16-4-1945, Tổng bộ Việt Minh ra chỉ thị về việc tổ chức *Ủy ban giải phóng Việt Nam*.

Ngày 15-5-1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng triệu tập Hội nghị quân sự cách mạng Bắc Kỳ tại Hiệp Hoà (Bắc Giang). Hội nghị chủ trương thống nhất các lực lượng vũ trang thành *Việt Nam giải phóng quân*, phát triển lực lượng bán vũ trang và xây dựng bảy chiến khu trong cả nước.

Tháng 5-1945, Hồ Chí Minh về Tân Trào (Tuyên Quang), chỉ thị gấp rút chuẩn bị đại hội quốc dân, thành lập “khu giải phóng. Ủy ban lâm thời khu giải phóng được thành lập và thi hành các chính sách của Việt Minh.

Trong các đô thị, nhất là những thành phố lớn, các đội danh dự Việt Minh đẩy mạnh hoạt động vũ trang tuyên truyền, diệt ác trừ gian, tạo điều kiện phát triển các tổ chức cứu quốc trong các tầng lớp nhân dân thành thị và xây dựng lực lượng tự vệ cứu quốc.

Ở các tỉnh Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ, khẩu hiệu “phá kho thóc, giải quyết nạn đói” đã “thổi bùng ngọn lửa căm thù trong đông đảo nhân dân và phát động quần chúng vùng dậy với khí thế cách mạng hùng hực tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền”¹. Tại nhiều địa phương, quần chúng tự vũ trang, xung đột với binh lính và chính quyền Nhật, biến thành những cuộc khởi nghĩa từng phần, giành quyền làm chủ Báo chí cách mạng của Đảng và mặt trận Việt Minh đều ra công khai, gây ảnh hưởng chính trị vang dội.

Từ nhiều lao tù thực dân, những chiến sĩ cộng sản vượt ngục ra ngoài hoạt động, bổ sung thêm đội ngũ cán bộ lãnh đạo phong trào cách mạng.

Cao trào kháng Nhật cứu nước không những động viên được đông đảo quần chúng công nhân, nông dân, tiểu thương, tiểu chủ, học sinh, viên chức... mà còn lôi kéo cả tư sản dân tộc và một số địa chủ nhỏ tham gia hoạt động cách mạng. Binh lính, cảnh sát của chính quyền thân Nhật dao động, một số ngả theo cách mạng. Nhiều lý trưởng, chánh,

phó tổng, tri phủ, tri huyện và cả một số tỉnh trưởng cũng tìm cách liên lạc với Việt Minh... Bộ máy chính quyền Nhật nhiều nơi tê liệt. Không khí sửa soạn khởi nghĩa sục sôi trong cả nước.

Thực chất của cao trào kháng Nhật cứu nước là một cuộc khởi nghĩa từng phần và chiến tranh du kích cục bộ, giành chính quyền ở những nơi có điều kiện. Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa.

- Ý nghĩa của Chệt thị:

+Đó là một cuộc chiến đấu vĩ đại, làm cho trận địa cách mạng được mở rộng, lực lượng cách mạng được tăng cường, làm cho toàn Đảng, toàn dân sẵn sàng, chủ động, tiến lên chớp thời cơ tổng khởi nghĩa

+Thể hiện sự lãnh đạo kiên quyết kịp thời của Đảng

+Kim chi nan cho hành động, có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi của CMT8/1945

+Từ tháng 3/1945 cao trào kháng Nhật sôi nổi

12. Tổng khởi nghĩa giành chính quyền

Giữa tháng 8-1945, Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Sau khi phát xít Đức đầu hàng Liên Xô và Đồng minh (9-5-1945) và sau đó Liên Xô tuyên chiến với Nhật, đánh tan đạo quân Quan Đông của Nhật tại Mãn Châu (Trung Quốc). Mỹ ném hai quả bom nguyên tử xuống các thành phố Hirôshima (6-8-1945) và Nagazaki (9-8-1945). Chính phủ Nhật tuyên bố đầu hàng Đồng minh không điều kiện ngày 15-8-1945. Quân Nhật ở Đông Dương mất hết tinh thần. Chính quyền do Nhật dựng lên hoang mang cực độ. Thời cơ cách mạng xuất hiện.

Hội nghị Potsdam, (Pôtxđam, 7-1945), chia Việt Nam làm 2. Từ vĩ tuyến 16 trở ra Bắc do quân đội Trung Hoa dân quốc giải giáp quân Nhật. Từ vĩ tuyến 16 vào Nam do quân Anh giải giáp quân Nhật. Trong khi đó, những thế lực chống cách mạng ở trong nước cũng tìm cách đối phó. Một số người trong Chính phủ Bảo Đại-Trần Trọng Kim quay sang tìm kiếm sự trợ giúp của một số cường quốc, với hy vọng giữ chế độ quân chủ.

Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa.

Ngày 12-8-1945, Ủy ban lâm thời khu giải phóng hạ lệnh khởi nghĩa trong khu. Ngày 13-8-1945, Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh thành lập Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc. 23 giờ cùng ngày, Ủy ban Khởi nghĩa toàn quốc ban bố “Quân lệnh số 1”, phát đi lệnh tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Ngày 14 và 15-8-1945, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp ở Tân Trào, do lãnh tụ Hồ Chí

Minh và Tổng Bí thư Trường Chinh chủ trì, tập trung phân tích tình hình và dự đoán: “Quân Đồng minh sắp vào nước ta và đế quốc Pháp lăm le khôi phục lại địa vị cũ ở Đông Dương”². Quyết định phát động toàn dân nổi dậy tổng khởi nghĩa của Đảng.

Tiếp sau Hội nghị toàn quốc của Đảng, ngày 16-8-1945, *Đại hội quốc dân* họp tại Tân Trào. Đại hội tán thành quyết định tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua 10 chính sách lớn của Việt Minh, lập *Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam* do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch.

Ngay sau Đại hội quốc dân, Hồ Chí Minh kêu gọi đồng bào cả nước: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ. Tiến lên! Tiến lên! Dưới lá cờ Việt Minh, đồng bào hãy dũng cảm tiến lên!”¹.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước nhất tề vùng dậy ở cả thành thị và nông thôn, với ý chí dù có hy sinh đến đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập.

Sáng ngày 19-8, Thủ đô Hà Nội tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Quân chúng cách mạng xuống đường tập hợp thành đội ngũ, rầm rộ kéo đến quảng trường Nhà hát thành phố trong tiếng hát “Tiến quân ca” và cờ đỏ sao vàng để dự cuộc mít tinh lớn do Mặt trận Việt Minh tổ chức. Ủy ban quân sự cách mạng đọc lời hiệu triệu khởi nghĩa của Việt Minh. Cuộc mít tinh chuyển thành biểu tình vũ trang. Quân chúng cách mạng chia thành nhiều đoàn đi chiếm Phủ Khâm sai, Tòa Thị chính, Trại Bảo an binh, Sở Cảnh sát và các công sở của chính quyền thân Nhật. Trước khí thế và sức mạnh áp đảo của quân chúng, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội không dám chống cự. Chính quyền về tay nhân dân.

Thắng lợi của cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội ảnh hưởng nhanh chóng đến nhiều tỉnh và thành phố khác, cổ vũ mạnh mẽ phong trào cả nước, làm cho chính quyền tay sai của Nhật ở nhiều nơi thêm hoảng hốt, tạo điều kiện thuận lợi lớn cho quá trình tổng khởi nghĩa.

Ngày 23-8, Ủy ban khởi nghĩa Thừa Thiên-Huế huy động quân chúng từ các huyện đã giành được chính quyền ở ngoại thành, kết hợp với nhân dân trong nội thành Huế xuống đường biểu dương lực lượng. Bộ máy chính quyền và quân đội Nhật hoàn toàn tê liệt. Quân chúng lần lượt chiếm các công sở không vấp phải sức kháng cự nào.

Ở Nam Kỳ, được tin Hà Nội và Tân An đã giành được chính quyền, Xứ ủy Nam Kỳ quyết định khởi nghĩa ở Sài Gòn và các tỉnh. Đêm 24-8, các lực lượng khởi nghĩa với gậy tầm vông, giáo mác, từ các tỉnh xung quanh rầm rập kéo về Sài Gòn. Sáng 25-8, hơn 1 triệu người biểu tình tuần hành thị uy. Quân khởi nghĩa chiếm các công sở. Cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng và Ủy ban Dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Sáng ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh chủ trì cuộc họp của Thường

vụ Trung ương Đảng, thống nhất những chủ trương đối nội và đối ngoại trong tình hình mới; đề nghị mở rộng hơn nữa thành phần của Chính phủ lâm thời, chuẩn bị ra Tuyên ngôn Độc lập, và tổ chức mít tinh lớn ở Hà Nội để Chính phủ ra mắt nhân dân, cũng là ngày nước Việt Nam chính thức công bố quyền độc lập và thiết lập chế độ dân chủ cộng hoà. Hồ Chí Minh nhấn mạnh những việc cần làm trước khi quân Trung Hoa dân quốc vào Đông Dương¹.

Ngày 30-8-1945, tại cuộc mít tinh gồm hàng vạn người tham gia ở Ngõ Môn, thành phố Huế, Bảo Đại thoái vị và giao nộp ấn, kiếm cho đại diện Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trong tình hình hết sức khẩn trương, Ban Thường vụ Trung ương Đảng, Tổng bộ Việt Minh và Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định sớm tổ chức lễ Tuyên bố độc lập của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Mọi công việc việc chuẩn bị được tiến hành khẩn trương. Hồ Chí Minh đã thực hiện trách nhiệm lịch sử trọng đại, giữa bộn bề công việc, nhưng đã tập trung trí tuệ và tình cảm, soạn thảo bản *Tuyên ngôn Độc lập* của nước Việt Nam mới.

Ngày 31-8-1945, Hồ Chí Minh bổ sung một số điểm, hoàn chỉnh bản *Tuyên ngôn Độc lập*

Ngày 2-9-1945, Lễ độc lập được tổ chức trọng thể tại Quảng trường Ba Đình, Hà Nội. Chính phủ lâm thời ra mắt quốc dân. Thay mặt Chính phủ lâm thời Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn Độc lập*, trình trọng tuyên bố trước quốc dân và thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Bản Tuyên ngôn nêu rõ:

“Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập và sự thực đã thành một nước tự do và độc lập. Toàn thể dân Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mệnh và của cải để giữ vững quyền tự do và độc lập ấy”³.

Đảng Cộng sản Đông Dương là người tổ chức và lãnh đạo cách mạng. Đảng có đường lối chính trị đúng đắn, phương pháp cách mạng sáng tạo, dày dặn kinh nghiệm đấu tranh, bắt rễ sâu trong quần chúng, đoàn kết và thống nhất, quyết tâm lãnh đạo quần chúng khởi nghĩa giành chính quyền.

13. Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Tám năm 1945

Tính Chất

Tập trung hoàn thành nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng là giải phóng dân tộc, tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của xã hội Việt; đáp ứng đúng yêu cầu khách quan của lịch sử và ý chí, nguyện vọng độc lập tự do của quần chúng nhân dân.

Lực lượng cách mạng bao gồm toàn dân tộc, đoàn kết chặt chẽ trong mặt trận Việt Minh với những tổ chức quần chúng mang tên “cứu quốc”.

Là sự vùng dậy của lực lượng toàn dân tộc.

Thành lập chính quyền nhà nước “của chung toàn dân tộc” theo chủ trương của Đảng, với hình thức cộng hoà dân chủ, chỉ trừ tay sai của đế quốc và những kẻ phản quốc.

Là một bộ phận của phe dân chủ chống phát xít.

Cách mạng đã giải quyết một số quyền lợi cho nông dân, lực lượng đông đảo nhất trong dân tộc.

Cuộc cách mạng đã xây dựng chính quyền nhà nước dân chủ nhân dân đầu tiên ở Việt Nam, xóa bỏ chế độ quân chủ phong kiến. Các tầng lớp nhân dân được hưởng quyền tự do, dân chủ.

Cách mạng Tháng Tám “chưa làm cách mạng ruộng đất, chưa thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng”, “chưa xóa bỏ chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, chưa xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến để cho công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh... quan hệ giữa địa chủ và nông dân nói chung vẫn như cũ. Chính vì thế Cách mạng Tháng Tám có tính chất dân chủ, nhưng tính chất đó chưa được đầy đủ và sâu sắc”.

Cách mạng Tháng Tám năm 1945 dưới sự lãnh đạo của Đảng còn mang đậm tính nhân văn, hoàn thành một bước hết sức cơ bản trong sự nghiệp giải phóng con người ở Việt Nam khỏi mọi sự áp bức về mặt dân tộc, sự bóc lột về mặt giai cấp và sự nô dịch về mặt tinh thần.

Ý nghĩa

Đã đập tan xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa đế quốc trong gần một thế kỷ, chấm dứt sự tồn tại của chế độ quân chủ chuyên chế ngót nghìn năm, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Nước Việt Nam từ một nước thuộc địa trở thành một quốc gia độc lập có chủ quyền, vươn lên cùng các dân tộc trên thế giới đấu tranh cho những mục tiêu cao cả của thời đại là hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Đảng Cộng sản Đông Dương từ chỗ phải hoạt động bí mật trở thành một đảng cầm quyền.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám mở ra kỷ nguyên mới trong tiến trình lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập tự do và hướng tới chủ nghĩa xã hội.

Cách mạng Tháng Tám là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc lần đầu tiên giành thắng lợi ở một nước thuộc địa, đã đột phá một khâu quan trọng trong hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu thời kỳ suy sụp và tan rã của chủ nghĩa thực

dân cũ.

Là chiến công chung của các dân tộc thuộc địa đang đấu tranh vì độc lập tự do, vì thế nó có sức cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới.

Là đường lối giải phóng dân tộc đúng đắn, sáng tạo của Đảng và tư tưởng độc lập tự do của Hồ Chí Minh.

Cách mạng Tháng Tám đã góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc.

Kinh nghiệm

Thứ nhất, về chỉ đạo chiến lược, phải giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ độc lập dân tộc và cách mạng ruộng đất. Trong cách mạng thuộc địa, phải đặt nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, còn nhiệm vụ cách mạng ruộng đất cần tạm gác lại, rải ra thực hiện từng bước thích hợp nhằm phục vụ cho nhiệm vụ chống đế quốc.

Thứ hai, về xây dựng lực lượng'. Trên cơ sở khối liên minh công nông, cần khơi dậy tinh thần dân tộc trong mọi tầng lớp nhân dân, tập hợp mọi lực lượng yêu nước trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi. *Tổng kết một cuộc tranh luận về quyền tự quyết*, thì đó chính là một “lò lửa khơi nghĩa dân tộc

Thứ ba, về phương pháp cách mạng'. Nắm vững quan điểm bạo lực cách mạng của quần chúng, ra sức xây dựng lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, tiến hành chiến tranh du kích cục bộ và khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận ở những vùng nông thôn có điều kiện, tiến lên chớp đúng thời cơ, phát động tổng khởi nghĩa ở cả nông thôn và thành thị, giành chính quyền toàn quốc.

Thứ tư, về xây dựng Đảng. Phải xây dựng một Đảng cách mạng tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn dân tộc Việt Nam, tuyệt đối trung thành với lợi ích giai cấp và dân tộc; vận dụng và phát triển lý luận Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đề ra đường lối chính trị đúng đắn; xây dựng một đảng vững mạnh về tư tưởng, chính trị và tổ chức, liên hệ chặt chẽ với quần chúng và với đội ngũ cán bộ đảng viên kiên cường được tôi luyện trong đấu tranh cách mạng.

Chú trọng vai trò lãnh đạo ở cấp chiến lược của Trung ương Đảng, đồng thời phát huy tính chủ động, sáng tạo của đảng bộ các địa phương.

Với thắng lợi này, Đảng đã lãnh đạo nhân dân đưa lịch sử dân tộc sang trang mới, đánh dấu bước nhảy vọt vĩ đại trong quá trình tiến hoá của dân tộc. Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ khi ra đời, với tinh thần đoàn kết phấn đấu của toàn dân, luôn được xây dựng và củng cố, vững bước tiến trên con đường độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

2. Liên hệ , vận dụng

Ngày nay, trong bối cảnh nước ta đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, thì việc vận dụng và phát huy những bài học của Cách mạng Tháng Tám càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết.

- Một là, cần nhạy bén nắm bắt tình hình thế giới, khu vực để kịp thời đề ra chính sách đúng đắn và phù hợp.

Ngày nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế sâu rộng, chúng ta cần tiếp tục phát huy những kinh nghiệm và bài học quý báu của Cách mạng Tháng Tám, cần có sự nhạy bén trong nhận thức và dự báo được những diễn biến phức tạp và thay đổi nhanh chóng của tình hình thế giới, khu vực. Các quyết sách liên quan đến an ninh và phát triển của đất nước phải luôn bám sát các quan điểm, đường lối của Đảng, đặt lợi ích quốc gia - dân tộc lên trên hết, thực hiện theo phương châm "dĩ bất biến, ứng vạn biến", kịp thời, linh hoạt trong giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quan hệ quốc tế, tích cực tham gia giải quyết các vấn đề an ninh chung, vì hòa bình hợp tác và phát triển; đồng thời thực hiện kế sách bảo vệ Tổ quốc "từ sớm, từ xa".

- Hai là, không ngừng mở rộng, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội

Đi cùng với những giá trị có ý nghĩa sâu sắc của nền độc lập, tự do, Cách mạng Tháng Tám đã đưa lại cho nhân dân ta từ thân phận nô lệ, làm than trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình. Phát huy giá trị đó, ngay sau ngày thành lập nước, một trong những công việc quan trọng đầu tiên đã được Hội đồng Chính phủ lâm thời thực hiện là tổ chức cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu và xây dựng một Hiến pháp dân

chủ cho đất nước. Đây là lần đầu tiên, danh hiệu công dân cao quý của một nhà nước độc lập ra đời và được ghi nhận trang trọng trong Hiến pháp. Kể từ đó đến nay, các bản Hiến pháp của Nhà nước ta, đặc biệt là Hiến pháp năm 2013 luôn thể hiện xuyên suốt việc đề cao các quyền con người, quyền công dân, khẳng định vai trò làm chủ của nhân dân trong mọi mặt của đời sống xã hội.

- Ba là, đẩy mạnh phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội chăm lo ngày càng tốt hơn đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

Độc lập, tự do, dân chủ là những giá trị cao quý mà Cách mạng Tháng Tám đã đem lại cho dân tộc ta, nhân dân ta. Nhưng giá trị độc lập, tự do, dân chủ ấy chỉ có ý nghĩa đầy đủ, khi đi cùng là cuộc sống của nhân dân ngày một thêm ấm no, hạnh phúc. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nói: "Nếu nước được độc lập mà dân không được hưởng hạnh phúc tự do thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì". Thấu hiểu nguyện vọng thiết tha, chính đáng đó, phát huy giá trị của Cách mạng Tháng Tám, suốt 75 năm qua Đảng ta không ngừng quan tâm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Từ một nước nghèo, kém phát triển, đến nay, Việt Nam đang nằm trong danh sách nhóm nước có thu nhập trung bình của thế giới và phấn đấu đạt mức nhóm nước có thu nhập trung bình cao vào năm 2025.

- Bốn là, đẩy mạnh mặt trận ngoại giao, tích cực chủ động hội nhập quốc tế, mở rộng quan hệ đối ngoại, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển đất nước

Trong thời gian tới, chúng ta cần tiếp tục thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ quốc tế, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, Việt Nam "là bạn, là đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế". Hội nhập quốc tế cần được thực hiện trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền; bình đẳng cùng có lợi; không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau; giữ vững nguyên tắc vừa hợp tác, vừa đấu tranh. Trong quá trình hội nhập quốc tế, chúng ta cũng sẽ tiếp tục phải đối mặt với không ít thách thức, song nếu nắm vững học thuyết của Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa tư bản nhà nước, nắm vững chủ trương đường lối đối mới của Đảng đã đề ra, nhất là Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, chúng ta có thể biến "nguy" thành "cơ", vừa thúc đẩy nền kinh tế phát triển, vừa bảo đảm tốt môi trường an ninh đất nước.

- Năm là, ra sức xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng

Bên cạnh những giá trị dân tộc, giá trị thời đại, Cách mạng Tháng Tám thành công còn là thực tiễn sinh động, minh chứng hùng hồn cho bản lĩnh, trí tuệ, năng lực lãnh đạo cách mạng và sức chiến đấu của Đảng Cộng sản Việt Nam. Khẳng định sự đúng đắn của đường lối cách mạng mà Đảng ta xây dựng trên cơ sở vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê nin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam; thể hiện năng lực quy tụ lực lượng của toàn dân tộc; năng lực dự báo chính xác, nắm bắt đúng thời cơ; kịp thời phát động toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa giành thắng lợi.

Phát huy tinh thần của Cách mạng Tháng Tám, ngày nay, Đảng ta đang tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới, tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, ra sức khắc phục những khuyết điểm trong đảng như sự suy thoái về tư tưởng chính trị và đạo đức, lối sống một bộ cán bộ, đảng viên, tình trạng buông lỏng kỷ luật, nội bộ thiếu sự đoàn kết; chất lượng sinh hoạt Đảng giảm sút. Khắc phục sự yếu kém trong công tác tư tưởng, công tác lý luận, sự bất cập trong công tác tổ chức, cán bộ...

Tiếp nối sự nghiệp lãnh đạo cách mạng, phát huy giá trị Cách mạng Tháng Tám lên một tầm cao mới, hiện nay và trong thời gian tới, toàn Đảng sẽ tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng, gắn với thực hiện Chỉ thị 05 của Bộ Chính trị; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ. Qua đó, tạo sự đồng thuận, thống nhất về ý chí và hành động trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân, sớm hoàn thành mục tiêu "xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như mong muốn của Bác Hồ.

14. Hoàn cảnh lịch sử và chủ trương xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ, kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược Nam Bộ (1945-1946)/ Tình hình Việt Nam sau CMT8/1945 từ tr. 61 đến tr. 65)

1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng 1945-1946

a. Tình hình Việt Nam sau CMT8

Thuận lợi:

Sau chiến tranh thế giới thứ II, Liên xô trở thành thành trì của chủ nghĩa xã hội. Nhiều nước ở Đông trung Âu được sự ủng hộ và giúp đỡ của Liên Xô đã lựa chọn con đường phát triển theo chủ Nghĩa xã hội. Ở trong nước thì là Việt Nam trở thành Quốc gia độc lập, tự do.

Khó khăn

Hệ thống chính quyền cách mạng mới được thiết lập, còn rất non trẻ, thiếu thốn, yếu kém về nhiều mặt; hậu quả của chế độ cũ để lại hết sức nặng nề, sự tàn phá của nạn lũ lụt, nạn đói năm 1945 rất nghiêm trọng.

Kinh nghiệm quản lý đất nước còn non yếu. Nền độc lập chưa được quốc gia nào trên thế giới công nhận và đặt quan hệ ngoại giao. Quân đội các nước ồ ạt kéo vào chiếm đóng nước ta.

Tình hình đó đã đặt nền độc lập và chính quyền cách mạng non trẻ của Việt Nam trước tình thế “như ngàn cân treo sợi tóc”, cùng một lúc phải đối phó với nạn đói, nạn dốt và bọn thù trong, giặc ngoài.

Nội dung chủ trương của Đảng: Xây dựng chế độ mới và chính quyền cách mạng

Ngày 3-9-1945, Chính phủ lâm thời họp phiên đầu tiên dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định ngay nhiệm vụ lớn trước mắt, là: diệt giặc đói, diệt giặc dốt và diệt giặc ngoại xâm.

Ngày 25-11-1945, Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc*. Chỉ thị phân tích sâu sắc sự biến đổi của tình hình thế giới và trong nước, nhất là tình hình Nam Bộ và xác định rõ. Kẻ thù chính là thực dân Pháp xâm lược, mục tiêu vẫn là “dân tộc giải phóng” và khẩu hiệu “Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết”; nhiệm vụ chủ yếu, trước mắt “là củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân” Về ngoại giao phải “làm cho nước mình ít kẻ thù và nhiều bạn đồng minh hơn hết”; đối với Tàu Tưởng nêu chủ trương “Hoa-Việt thân thiện”, đối với Pháp “độc lập về chính trị, nhân nhượng về kinh tế”. v.v.

Chống giặc đói, đẩy lùi nạn đói là một nhiệm vụ lớn, quan trọng, cấp bách lúc bấy giờ. Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo, động viên mọi tầng lớp nhân dân tham gia các phong trào lớn, các cuộc vận động, như: tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm với khẩu hiệu tăng gia sản xuất ngay, tăng gia sản xuất nữa; lập hũ gạo tiết kiệm, tổ chức Tuần lễ vàng, gây Quỹ độc lập, Quỹ đảm phụ quốc phòng, Quỹ Nam Bộ kháng chiến v.v.

Chống giặc đốt, xóa nạn mù chữ được Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng, phát động phong trào “Bình dân học vụ”; vận động toàn dân xây dựng nếp sống mới, đời sống văn hóa mới để đẩy lùi các tệ nạn, hủ tục, thói quen cũ, lạc hậu cản trở tiến bộ.

Khẩn trương xây dựng, củng cố chính quyền cách mạng: Để khẳng định địa vị pháp lý của Nhà nước Việt Nam, Đảng và Hồ Chí Minh đã chủ trương sớm tổ chức một cuộc bầu cử toàn quốc theo hình thức phổ thông đầu phiếu để bầu ra Quốc hội và thành lập Chính phủ chính thức. Người dân nô nức đi bỏ phiếu bầu Quốc hội, khóa I ngày 6-1-1946 lần đầu tiên được thực hiện quyền công dân của mình. Các đại biểu Quốc hội trúng cử của Hà Nội ra mắt quốc dân đồng bào. Phiên họp đầu tiên của Quốc hội khóa I họp ngày 2-3-1946.

Các địa phương cũng tiến hành bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp và kiện toàn Ủy ban hành chính các cấp. Ban soạn thảo bản Hiến pháp mới được thành lập do Hồ Chí Minh làm trưởng ban và tới kỳ họp thứ 2 (9-11-1946), Quốc hội đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp năm 1946). Xây dựng đi đôi với bảo vệ và làm cho bộ máy chính quyền thực sự dân chủ, trong sạch, trong thư gửi cho các Ủy ban nhân dân, Hồ Chí Minh chỉ rõ: “các cơ quan của Chính phủ từ toàn quốc đến các làng, đều là công bộc của dân, nghĩa là để gánh việc chung cho dân, chứ không phải đè đầu dân như trong thời kỳ dưới quyền thống trị của Pháp, Nhật”¹. Và yêu cầu chính quyền các cấp phải khắc phục và bỏ ngay những thói hư, tật xấu, như: tư túng, cậy thế, hủ hóa, tư túng, chia rẽ, kiêu ngạo²...

c. Tổ chức cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược ở Nam Bộ, đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng non trẻ

Hoàn cảnh: Sau vụ khiêu khích trắng trợn ngày 2-9-1945 ở Sài Gòn, thực dân Pháp ráo riết thực hiện mưu đồ xâm lược Việt Nam. Đêm 22 rạng ngày 23-9-1945, quân đội Pháp đã nổ súng gây hấn đánh chiếm Sài Gòn-Chợ Lớn (Nam Bộ).

Cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân Nam Bộ bắt đầu. Sáng 23-9-1945, Hội nghị liên tịch giữa Xứ ủy, Ủy ban nhân dân, Ủy ban kháng chiến và đại diện Tổng bộ Việt Minh đã nhanh chóng thống nhất, đề ra chủ trương hiệu triệu quân, dân Nam Bộ đứng lên kháng chiến chống xâm lược Pháp.

Ngày 25-10-1945, Hội nghị cán bộ Đảng bộ Nam Bộ đã họp tại Thiên Hộ, Cái Bè (Mỹ Tho) quyết định những biện pháp cấp bách củng cố lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở chính trị và vũ trang bí mật trong nội đô; tổ chức và phát động toàn dân kháng chiến, kiên quyết đẩy lùi cuộc tấn quân của quân Pháp, ngăn chặn bước tiến của chúng...

Nhân dân Sài Gòn-Chợ Lớn đi tiên phong ngăn cản bước tiến, kìm hãm, bao vây địch trong thành phố bằng các chiến lũy chướng ngại vật, ổ chiến đấu trên đường phố chính, phá hủy các cơ sở hạ tầng điện, nước; lùng bắt, trừng trị bọn Việt gian tay sai của Pháp

Chính phủ, Hồ Chí Minh và nhân dân miền Bắc nhanh chóng hưởng ứng và kịp

thời chi viện, chia lửa với đồng bào Nam Bộ kháng chiến. Ngày 26-9-1945, những chi đội đầu tiên ưu tú nhất của quân đội, được trang bị vũ khí tốt nhất đã lên đường Nam tiến chi viện cho Nam Bộ...chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài sau này

Để làm thất bại âm mưu “diệt Cộng, cầm Hồ, phá Việt Minh” của quân Tưởng và tay sai, Đảng, Chính phủ Hồ Chí Minh chủ trương thực hiện sách lược “triệt để lợi dụng mâu thuẫn kẻ thù, hòa hoãn, nhân nhượng có nguyên tắc” với quân Tưởng thực hiện giao thiệp thân thiện, ứng xử mềm dẻo, linh hoạt.

Để tránh mũi nhọn tấn công của các kẻ thù, Đảng chủ trương rút vào hoạt động bí mật bằng việc ra “Thông cáo Đảng Cộng sản Đông Dương tự ý tự giải tán, ngày 11-11-1945”, chỉ để lại một bộ phận hoạt động công khai với danh nghĩa “Hội nghiên cứu chủ nghĩa Mác ở Đông Dương”.

Đầu năm 1946, phe đế quốc đã dàn xếp, thỏa thuận để Chính phủ Pháp và Chính phủ Trung Hoa dân quốc ký kết bản Hiệp ước Trùng Khánh (còn gọi là Hiệp ước Hoa-Pháp, ngày 28-2-1946, buộc Đảng phải chủ trương giảng hoà với Pháp.

Ngày 6-3-1946, Hiệp định sơ bộ được ký kết nhằm đuổi quân đội Tưởng rút về nước và sẽ rút dần trong thời hạn 5 năm

Đến tháng 12-1946, Đảng đã có sự phát triển thêm về chất lượng, số lượng đảng viên tăng lên tới hơn 20.000 người.

Để giữ vững nền độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, Đảng, Chính phủ tiếp tục cuộc đấu tranh ngoại giao kiên trì, kiên quyết, đầy khó khăn, phức tạp trong suốt năm 1946 ở cả mặt trận trong nước và ngoài nước.

Phái đoàn Quốc hội Việt Nam do ông Phạm Văn Đồng dẫn đầu đi thăm thân thiện và tham dự đàm phán chính thức giữa hai bên Việt-Pháp tại Hội nghị Fontainebleau, (Phôngtenoblô, Paris-Pháp) từ ngày 6-7 đến ngày 10-9-1946.

Ngày 14-9-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký với Marius Moutet (M.Mutê) một bản Tạm ước 14-9 tại Marseill (Mácxây, Pháp), đồng ý nhân nhượng thêm cho Pháp một số quyền lợi kinh tế, văn hóa ở Việt Nam; hai bên cam kết đình chỉ chiến sự ở Nam Bộ và tiếp tục đàm phán...

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo kiên quyết, sáng suốt của Đảng và Chính phủ do cụ Huỳnh Thúc Kháng quyền Chủ tịch Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ lãnh đạo, rạng sáng ngày 12-7-1946, lực lượng Công an đã khôn khéo, mưu trí, sáng tạo, quyết đoán tổ chức một cuộc đột nhập, tấn công bất ngờ vào trụ sở của bọn Đại Việtnhanh chóng không chế bọn phản động có vũ trang, tổ chức khám xét và tịch thu được nhiều tài liệu phản động. Với thắng lợi quan trọng này ta đã đập tan hoàn toàn mưu đồ thâm độc lật đổ chính quyền cách mạng của bọn tay sai phản động câu kết với thực dân Pháp, giữ vững chính quyền cách mạng.

Những chủ trương, biện pháp, sách lược và đối sách đúng đắn của Đảng, tinh thần quyết đoán, sáng tạo của Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh trong cuộc đấu tranh chống giặc ngoài, thù trong những năm đầu chính quyền cách mạng non trẻ đã đem lại thắng lợi có ý nghĩa hết sức quan trọng: ngăn chặn bước tiến của đội quân xâm lược Pháp ở Nam Bộ, vạch trần và làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các kẻ thù; củng cố, giữ vững và bảo vệ bộ máy chính quyền cách mạng từ

Nêu cao ý chí tự lực, tự cường, quyết tâm bảo vệ nền tự do, độc lập. Triệt để lợi dụng mâu thuẫn trong hàng ngũ địch, thực hành nhân nhượng có nguyên tắc “Dĩ bất biến, ứng vạn biến”. Tăng cường đại đoàn kết dân tộc, dựa vào sự ủng hộ vật chất là chính trị, tinh thần của toàn dân. Phát triển thực lực cách mạng. Đó là những thành công và kinh nghiệm nổi bật của Đảng trong lãnh đạo cách mạng, giai đoạn 1945-1946.

II) Liên hệ, vận dụng.

Tập trung xây dựng phát huy tiềm lực của đất nước. Đó là kinh tế, quuan sự, chính trị, văn hóa, khoa học công nghệ... để làm được điều đó, trước hết ta cần tập trung xây dựng hệ thống chính trị một cách trong sạch, vững mạnh, bản lĩnh, để triển khai, thực hiện đúng đắn đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của nhà nước. Song song với đó, ta cần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong hệ thống chính trị các cấp. Đẩy mạnh cải cách để tạo điều kiện thuận lợi phát triển kinh tế xã hội, thực hiện mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng văn minh”. Chúng ta cần vận dụng những bài học sâu sắc của Đảng nhằm không ngừng tăng cường sức mạnh quốc phòng, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh và đồng thời sẵn sàng đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của địch, bảo vệ Tổ Quốc trong mọi tình huống. Mục tiêu xây dựng nền quốc phòng đó là có tính chất toàn dân, toàn diện, độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường và ngày càng hiện đại.

15. Nội dung cơ bản đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp của Đảng (1946 - 1950)

Sau khi ký với Pháp Hiệp định Sơ bộ (6-3-1946) và Tạm ước (14-9-1946); Đảng, Chính phủ, quân đội và nhân dân Việt Nam tiếp tục tìm kiếm giải pháp hòa bình; nhưng thực dân Pháp liên tục bội ước buộc ta phải đứng dậy cầm vũ khí bảo vệ nền độc lập và chính quyền cách mạng.

Cuối tháng 11-1946, thực dân Pháp mở cuộc tấn công vũ trang đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn, tiếp đó chiếm đóng trái phép ở Đà Nẵng, Hải Dương, tấn công vào các vùng tự do của ta ở Nam Trung Bộ và Nam Bộ.

Trong các ngày 16 và 17-12-1946, quân đội Pháp ở Hà Nội ngang nhiên tấn công đánh chiếm trụ sở Bộ Tài chính, Bộ Giao thông công chính của ta; bắn đại bác gây ra vụ thảm sát đồng bào Hà Nội ở phố Yên Ninh và Hàng Bún.

Ngày 18-12, đại diện Pháp ở Hà Nội đưa liên tiếp ba tối hậu thư đòi phía Việt Nam phải giải giáp; giải tán lực lượng tự vệ chiến đấu, đòi độc quyền thực thi nhiệm vụ kiểm soát, gìn giữ an ninh, trật tự của thành phố...

Đến ngày 19-12-1946, Đảng và nhân dân Việt Nam chỉ còn một sự lựa chọn duy nhất là cầm súng đứng lên chống lại thực dân Pháp xâm lược.

Ngày 19-12-1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến*, để cùng toàn thể dân tộc bảo vệ nền độc lập, tự do: “Chúng ta muốn hòa bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng, thực dân càng lấn tới, vì chúng quyết tâm cướp nước ta một lần nữa!

Từ 20 giờ ngày 19-12-1946, dưới sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quân và dân Hà Nội và ở các đô thị từ Bắc vĩ tuyến 16 trở ra đã đồng loạt nổ súng, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ.

Nội dung cơ bản của đường lối là: dựa trên sức mạnh toàn dân, tiến hành kháng chiến toàn dân, toàn diện, lâu dài và dựa vào sức mình là chính. Đường lối đó được thể hiện trong nhiều văn kiện quan trọng của Đảng, lời kêu gọi, bài viết, bài nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh và đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh.

Mục tiêu của cuộc kháng chiến là đánh đổ thực dân Pháp xâm lược, giành nền độc lập, tự do, thống nhất hoàn toàn...

Kháng chiến toàn dân là đem toàn bộ sức dân, tài dân, lực dân; động viên toàn dân tích cực tham gia kháng chiến. Xây dựng sự đồng thuận, nhất trí của cả nước, đánh địch ở mọi nơi, mọi lúc, Trong đó Quân đội nhân dân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc.

Kháng chiến toàn diện là đánh địch trên mọi lĩnh vực, mọi mặt trận không chỉ bằng quân sự mà cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, tư tưởng, ngoại giao, trong đó mặt trận quân sự, đấu tranh vũ trang giữ vai trò mũi nhọn, mang tính quyết định

Kháng chiến lâu dài là tư tưởng chỉ đạo chiến lược của Đảng. Trường kỳ kháng chiến là một quá trình vừa đánh tiêu hao lực lượng địch vừa xây dựng, phát triển lực lượng ta, từng bước làm chuyển sao cho có lợi cho ta, chớp thời cơ thúc đẩy cuộc kháng chiến có bước nhảy vọt về chất, thắng từng bước để đi đến thắng lợi cuối cùng.

Kháng chiến dựa vào sức mình là chính, là sự kế thừa tư tưởng chiến lược trong chỉ đạo sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Phải lấy nguồn nội lực của dân tộc, phát huy

nguồn sức mạnh vật chất, tinh thần vốn của trong nhân dân ta làm chỗ dựa chủ yếu, nguồn lực chủ yếu của cuộc chiến tranh nhân dân.

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

Thắng lợi trên mặt trận quân sự, bảo toàn được cơ quan đầu cơ và căn cứ kháng chiến, đánh bại kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của kẻ thù.

Ý nghĩa:

Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến và đường lối kháng chiến của Đảng là hoàn toàn đúng đắn, trở thành ngọn cờ dẫn đường, chỉ lối, động viên toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ta tiến lên. Đường lối đó được nhân dân ủng hộ, hưởng ứng trong suốt quá trình kháng chiến và trở thành một nhân tố quan trọng hàng đầu quyết định thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp.

16. Tổ chức, chỉ đạo cuộc kháng chiến từ năm 1947 đến năm 1950

Các Ủy ban kháng chiến hành chính được thành lập; các tổ chức chính trị, xã hội được củng cố nhằm tăng cường đoàn kết, tập hợp đông đảo nhất mọi tầng lớp nhân dân tham gia kháng chiến.

Ngày 6-4-1947, Ban Chấp hành Trung ương Đảng nhấn mạnh việc mở rộng mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân Pháp, củng cố chính quyền nhân dân ở vùng địch tạm chiếm, phát động chiến tranh du kích, ... Nhiều quần chúng ưu tú công, nông, trí đã gia nhập Đảng.

Cuối năm 1947, tổng số đảng viên toàn Đảng, bộ đội chính quy, lực lượng quân sự tăng lên, bên cạnh đó Trang bị vũ khí được cải với số lượng nhiều hơn.

Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, Đảng tiếp tục chủ trương đẩy mạnh phong trào tăng gia sản xuất, tự cấp, tự túc lương thực, đảm bảo đời sống cho bộ đội và nhân dân. Duy trì phong trào bình dân học vụ, dạy và học của các trường phổ thông các cấp...

Về quân sự, Thu Đông 1947, Pháp đã huy tấn công. Để đối phó với cuộc tấn công của địch lên Việt Bắc, ngày 15-10-1947, Ban Thường vụ Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị phải phá tan cuộc tấn công mùa đông của giặc Pháp, trong đó nêu rõ quyết tâm của quân và dân ta, vạch ra thế yếu của địch và đề ra các nhiệm vụ quân sự, ra sức phát động mạnh mẽ cuộc chiến tranh du kích ở đồng bằng Bắc Bộ và Trung Bộ; chặt đứt giao thông, bao

vây không để địch tiếp tế, liên lạc tiếp ứng cho nhau.

Sau 75 ngày đêm chiến đấu liên tục, 21-12-1947, quân và dân ta đã lần lượt bẻ gãy tất cả các mũi tiến công nguy hiểm của giặc Pháp. Ta đã bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ địa kháng chiến, đánh bại âm mưu, kế hoạch đánh nhanh, thắng nhanh của thực dân Pháp.

Phối hợp với mặt trận chính, Đảng đã chỉ đạo quân dân vùng tạm bị chiếm đẩy mạnh kháng chiến, ra sức đánh phá chính quyền địch, diệt tề, trừ gian, trừng trị nhiều tên Việt gian tay sai đầu sỏ ngay trong sào huyệt của chúng¹.

Đầu năm 1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp cùng 1 Trung tướng và 9 Thiếu tướng. Sự kiện đó là bước phát triển mới của cuộc kháng chiến.

Ngày 1-10- 1949, Đảng Cộng sản Trung Quốc giành được chính quyền, Nhà nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời. Nước Pháp liên tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, mâu thuẫn phức tạp nảy sinh, thế chiến lược quân sự của Pháp ở Đông Dương bị đảo lộn...

Phát huy thắng lợi, Đảng chủ trương tiếp tục đẩy mạnh cuộc kháng chiến toàn diện để làm thất bại âm mưu kéo dài, mở rộng chiến tranh “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt” của thực dân Pháp. Trên lĩnh vực kinh tế, văn hóa, xã hội, việc xây dựng thực lực kháng chiến được tăng cường. Các ngành, các giới, các đoàn thể phát động rộng rãi, mạnh mẽ và tổ chức sâu rộng nhiều cuộc vận động thi đua ái quốc theo Lời kêu gọi Thi đua ái quốc của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra ngày 11-6-1948. Nhiều loại hàng hóa cần thiết cho đời sống của bộ đội và nhân dân được sản xuất và tự cấp, tự túc kịp thời, như: vải vóc, giấy, thuốc chữa bệnh, nông cụ... xây dựng nền văn hóa mới mang tính chất dân tộc, khoa học, đại chúng. Tàn tích văn hóa thực dân, phong kiến từng bước được xóa bỏ, hình thành các giá trị văn hóa mới; công tác cải cách nền giáo dục quốc gia cũng thu được những kết quả tích cực.

Trên mặt trận ngoại giao, Đảng và Chính phủ chủ trương tích cực tranh thủ mở rộng quan hệ ngoại giao với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa.

Tháng 11-1949, Hồ Chí Minh ký ban hành Sắc lệnh về nghĩa vụ quân sự. Trong quân đội có cuộc vận động “luyện quân lập công” và tiếp theo là phong trào thi đua “rèn cán, chỉnh quân”.

Đầu năm 1950, lực lượng cơ động của ta đã hơn hẳn địch¹, viện trợ quân sự của Trung Quốc cũng góp một phần tăng cường, cải thiện trang bị cho bộ đội

Tháng 2-1950, Đảng và Hồ Chí Minh chủ trương tổng động viên, ra sắc lệnh huy động nhân lực, vật lực, tài lực của toàn dân để phục vụ đẩy mạnh công cuộc kháng chiến tiến lên giành thắng lợi lớn hơn.

Từ cuối năm 1950, Đảng quyết định tạm ngừng phát triển Đảng để củng cố vì phát

hiện ở nhiều nơi việc phát triển Đảng mắc sai lầm về tiêu chuẩn đảng viên. Trung ương Đảng đã ra chỉ thị uốn nắn, sửa chữa khắc phục một số khuyết điểm, sai lầm chủ quan nóng vội, muốn chuyển nhanh, chuyển mạnh sang tổng phản công; nhận thức lệch lạc trong động viên sức người, sức của vượt quá sức dân.

Tại nhiều địa phương quân và dân đã phối hợp hiệp đồng chiến đấu, tổ chức đánh phục kích tiêu hao...

Mỹ can thiệp sâu vào chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương để tìm cơ hội thay thế Pháp. Ngày 9-1-1950, 3.000 sinh viên Sài Gòn biểu tình, Trần Văn Ôn hy sinh. Ngày 19-3-1950, hơn 500.000 người dân Sài Gòn biểu tình chống Mỹ khi Mỹ đưa tàu chiến tới Cảng Sài Gòn..

Địa bàn Nam Bộ, vốn là nơi địch thực hiện “chiến thuật mạng nhện”, xây dựng hệ thống tháp canh dày đặc và đã gây cho ta nhiều khó khăn. =>, Xứ ủy Nam Bộ đã kịp thời chỉ đạo khắc phục, đưa phong trào chiến tranh du kích ngày càng phát triển.

Từ cuối năm 1948 đầu năm 1949, Trung ương Đảng chủ trương tăng cường phối hợp chiến đấu với quân, dân Lào, Campuchia và Trung Quốc. Trục tiếp đưa bộ đội tham gia hỗ trợ quân giải phóng Trung Quốc trong chiến dịch Thập Vạn Đại Sơn ở khu vực biên giới Việt – Trung

Từ giữa năm 1949, tướng Revers (Rove) -Tổng Tham mưu trưởng quân đội Pháp đề ra kế hoạch mở rộng chiếm đóng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, phong tỏa, khóa chặt biên giới Việt-Trung. Tháng 6-1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở một chiến dịch quân sự lớn tiến công địch dọc tuyến biên giới Việt-Trung thuộc 2 tỉnh Cao Bằng và Lạng Sơn (Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950), nhằm tiêu diệt một bộ phận quan trọng sinh lực địch, mở rộng căn cứ địa Việt Bắc, tạo hành lang rộng mở quan hệ thông thương với Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện thúc đẩy cuộc kháng chiến phát triển lên giai đoạn mới. Chiến dịch Biên giới Thu Đông 1950 trải dọc theo tuyến biên giới Việt-Trung từ thị xã Cao Bằng đến Đình Lập (giáp Móng Cái). Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Cuộc chiến đấu anh dũng và quyết liệt của quân và dân ta diễn ra không nghỉ trong suốt 30 ngày đêm liên tục, từ ngày 16-9 đến 17-10-1950 và đã giành được thắng lợi to lớn, “đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây”. Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn.

- Ý nghĩa:

* Ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Việt Bắc thu - đông 1947:

- Đây là chiến dịch phản công lớn đầu tiên của ta giành được thắng lợi trong kháng chiến chống Pháp.

- Căn cứ Việt Bắc vẫn được giữ vững, bộ đội chủ lực ngày càng trưởng thành.
- Chiến thắng này đã chứng minh sự đúng đắn về đường lối kháng chiến lâu dài của Đảng.
- Làm thất bại âm mưu “Đánh nhanh thắng nhanh” buộc Pháp phải chuyển sang đánh lâu dài với ta.
- Sau chiến thắng Việt Bắc, ta có thêm điều kiện để xây dựng và phát triển lực lượng kháng chiến toàn quốc, toàn dân, toàn diện, trường kì, tự lực cánh sinh.
- Thắng lợi trên mặt trận quân sự: Bảo toàn được cơ quan đầu não và căn cứ kháng chiến
- Nhân dân phấn khởi, tin tưởng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến

* Ý nghĩa thắng lợi của chiến dịch Biên giới thu – đông năm 1950:

- Đây là chiến dịch quân sự lớn, quan trọng đầu tiên do quân ta chủ động mở; đích thân Chủ tịch Hồ Chí Minh đi thị sát và trực tiếp chỉ đạo chiến dịch. Thắng lợi ấy là kết quả hợp thành từ nhiều nhân tố, nhưng sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn, sáng tạo của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh giữ vai trò quyết định
- Cuộc chiến đấu anh dũng và quyết liệt của quân và dân ta diễn ra không nghỉ trong suốt 30 ngày đêm liên tục, từ ngày 16-9 đến 17- 10-1950 và đã giành được thắng lợi to lớn, “đạt được mục tiêu diệt địch, kết thúc thời kỳ chiến đấu trong vòng vây”.
- Chiến thắng này đã mở ra cục diện mới, đưa cuộc kháng chiến chuyển sang giai đoạn phát triển cao hơn
- Thắng lợi của Chiến dịch Biên Giới là thắng lợi hết sức to lớn, có ý nghĩa lịch sử trọng đại. Sau bốn năm kháng chiến, đây là lần đầu tiên ta mở một chiến dịch tiến công lớn, đánh vào tuyến phòng thủ mạnh của địch, nhằm thực hiện những mục tiêu chiến lược quan trọng. Ta không chỉ tiêu diệt một khối sinh lực tinh nhuệ của địch, mà còn giải phóng một vùng đất đai rộng lớn có vị trí chiến lược trọng yếu; mở rộng và củng cố căn cứ địa Việt Bắc, mở thông đường liên lạc với quốc tế và nối liền Việt Bắc với các vùng miền trong nước (đồng bằng Bắc Bộ và Liên khu 4)
- Thắng lợi của Chiến dịch Biên Giới mở ra một bước ngoặt chuyển cuộc kháng chiến của ta từ hình thái chiến tranh du kích tiến lên chiến tranh chính quy, kết hợp chiến tranh chính quy với chiến tranh du kích ở trình độ cao hơn. Quyền chủ động về chiến lược trên chiến trường chính đã thuộc về ta, mở ra bước phát triển mới của cuộc kháng chiến; từ đó

về sau, ta liên tục mở những chiến dịch tiến công lớn, đánh tiêu diệt với quy mô ngày càng cao.

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 đã làm phá sản kế hoạch quân sự, chính trị của thực dân Pháp: vòng vây biên giới bị đập tan, hành lang đông - tây bị chọc thủng, các xứ tự trị bị phá vỡ, kế hoạch Rơ-ve cơ bản bị sụp đổ. Thất bại ở biên giới đã gây đảo lộn lớn đối với chiến lược, chiến thuật của Pháp, làm quân Pháp choáng váng, hốt hoảng bố trí lại lực lượng, thay đổi chiến thuật, thay đổi chỉ huy... Đây là thất bại chưa từng có trong chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp tính đến thời điểm lúc bấy giờ

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 đánh dấu một bước tiến nhảy vọt của Quân đội ta về nghệ thuật chiến dịch. Lần đầu tiên ta mở một chiến dịch quy mô lớn, đánh tập trung chính quy, hiệp đồng binh chủng với lực lượng gần ba vạn cán bộ, chiến sĩ, huy động hàng vạn dân công, tiến công vào một hệ thống phòng ngự mạnh của địch trên tuyến dài hàng trăm ki-lô-mét, đánh liên tục cả tháng

- Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 chứng tỏ trình độ chỉ huy và trình độ chiến thuật, kỹ thuật của bộ đội ta có bước trưởng thành vượt bậc; là nguồn động viên to lớn đối với quân và dân ta. Với thắng lợi vừa giành được, quân và dân ta càng thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào sức mạnh của chính mình và càng hăng hái quyết tâm đẩy mạnh kháng chiến

- Cùng với ý nghĩa to lớn đối với cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta, Chiến thắng Biên Giới Thu Đông 1950 góp phần thúc đẩy cuộc kháng chiến của nhân dân Lào và Campuchia từng bước phát triển vững chắc, phối hợp nhịp nhàng với cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam; đồng thời cổ vũ tinh thần chiến đấu và tăng thêm niềm tin cho các dân tộc đang đấu tranh vì độc lập, tự do, nhất là trong giai đoạn này đế quốc Mỹ đang mở cuộc chiến tranh xâm lược Bắc Triều Tiên.

17. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II và Chính cương của Đảng (2/1951)

a. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ II

Trong bối cảnh Liên Xô lớn mạnh vượt bậc về mọi mặt, các nước xã hội chủ nghĩa ở châu Âu bước vào công cuộc xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội. Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa ra đời làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho hòa bình và

phong trào cách mạng. Mỹ trở thành tên sen đầm quốc tế, tăng cường giúp đỡ Pháp can thiệp trực tiếp vào cuộc chiến tranh Đông Dương. Ở trong nước, nhân dân ta đã giành được nhiều thắng lợi quan trọng. Cách mạng Lào và Campuchia cũng có những chuyển biến tích cực. Điều kiện lịch sử đó đặt ra cho Đảng Cộng sản Đông Dương các yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh đường lối cách mạng phù hợp với mỗi nước ở Đông Dương để đưa kháng chiến đi đến thắng lợi.

Diễn biến:

Sáng kiến của những người cộng sản Việt Nam: mỗi nước ở Đông Dương cần có một đảng riêng. Ở Việt Nam, Đảng ra hoạt động công khai, lấy tên là Đảng Lao động Việt Nam.

Sau Diễn văn khai mạc của Tôn Đức Thắng, Đại hội đã nghiên cứu và thảo luận *Báo cáo chính trị* của Chủ tịch Hồ Chí Minh; Báo cáo *Hoàn thành giải phóng dân tộc, phát triển dân chủ nhân dân, tiến tới chủ nghĩa xã hội* của Trường Chinh.

Báo cáo của Tổng Bí thư Trường Chinh đã trình bày toàn bộ đường lối cách mạng Việt Nam. Đó là đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân tiến lên chủ nghĩa xã hội.

b. Chính cương của Đảng

Nội dung cơ bản của báo cáo được phản ánh trong *Chính cương của Đảng Lao động Việt Nam* được Đại hội thông qua, gồm các nội dung quan trọng sau đây:

- *Xác định tính chất của xã hội Việt Nam* lúc này có 3 tính chất: “dân chủ nhân dân, một phần thuộc địa và nửa phong kiến.

Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam được xác định là: “đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược, giành độc lập và thống nhất thật sự cho dân tộc; xóa bỏ những tàn tích phong kiến và nửa phong kiến, chính lúc này là tập trung đấu tranh chống xâm lược, hoàn thành công cuộc giải phóng dân tộc.

- *Động lực của cách mạng Việt Nam* được xác gồm có bốn giai cấp là: giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản và tư sản dân tộc.

- *Chính cương cũng nêu ra triển vọng phát triển của cách mạng Việt Nam* nhất định sẽ tiến lên chủ nghĩa xã hội.

- Nội dung của Chính cương còn nêu ra 15 chính sách lớn của Đảng trong giai đoạn hiện tại nhằm tiếp tục đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở kiến thiết quốc gia, thực hiện chế độ dân chủ nhân dân ở Việt Nam, làm tiền đề tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Điều lệ mới của Đảng được Đại hội thông qua có 13 chương, 71 điều, trong đó xác định rõ mục đích, tôn chỉ của Đảng là phấn đấu “để phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, để thực hiện tự do, hạnh phúc cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và tất cả các dân tộc đa số, thiểu số Việt Nam”¹.

Đại hội II thành công là một bước tiến mới của Đảng về mọi mặt, là “Đại hội kháng chiến kiến quốc”, “thúc đẩy kháng chiến đến thắng lợi hoàn toàn và xây dựng Đảng Lao động Việt Nam” Tuy nhiên, Đại hội cũng có hạn chế, khuyết điểm về nhận thức là mắc vào tư tưởng “tả” khuynh, giáo điều, rập khuôn máy móc, đưa cả lý luận Xtalin, tư tưởng Mao Trạch Đông vào làm “nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hành động của Đảng”³.

18. Kết hợp đấu tranh quân sự và ngoại giao kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến

Để đánh bại âm mưu và kế hoạch Nava, Đảng chủ trương mở cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954. Từ đầu tháng 9-1953, Bộ Chính trị và Tổng Quân ủy chỉ đạo Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam nghiên cứu, đánh giá toàn diện tình hình quân sự trên chiến trường và vạch ra kế hoạch tác chiến mới. Cuối tháng 9-1953, Bộ Chính trị họp bàn và thông qua chủ trương tác chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng của ta, giữ vững thế chủ động, buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó. Nghị quyết quan trọng này của Bộ Chính trị đã mở đường đi tới những thắng lợi lịch sử trong cuộc tiến công chiến lược Đông Xuân 1953-1954 mà đỉnh cao là Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Ngày 6-12-1953, Bộ Chính trị đã quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ và giao Đại tướng Võ Nguyên Giáp trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch

Chiến thắng vĩ đại ở Điện Biên Phủ là thắng lợi của ý chí và khát vọng độc lập, tự do của nhân dân Việt Nam mà nòng cốt là lực lượng Quân đội nhân dân anh hùng. Với nước Pháp “Điện Biên Phủ thất thủ gây nỗi kinh hoàng khủng khiếp. Đó là một trong những thảm bại lớn nhất của phương Tây...”². Thắng lợi ở Điện Biên Phủ là “thiên sử vàng của dân tộc Việt Nam”, được ghi nhận là một chiến công vĩ đại của dân tộc Việt Nam trong thế kỷ XX và “đi vào lịch sử thế giới như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân”³.

Cùng với thắng lợi quân sự to lớn, vang dội ở Điện Biên Phủ, trên toàn chiến trường Đông Dương quân và dân ta cũng giành thêm nhiều thắng lợi to lớn trên các mặt trận kinh tế, chính trị, quân sự ở cả vùng đồng bằng, trung du Bắc Bộ, mặt trận Bình Trị Thiên, Nam Trung Bộ và Nam Bộ. Những thắng lợi này đã góp phần cổ vũ, tác động tích cực đối với mặt trận Điện Biên Phủ.

Ngày 7-5-1954, Điện Biên Phủ thất thủ, Chính phủ Pháp buộc phải đàm phán tại Hội nghị Giơnevơ bàn về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Đông Dương.

Hội nghị đã thông qua Bản Tuyên bố cuối cùng về vấn đề lập lại hòa bình ở Đông Dương có chữ ký của các bên (riêng phía đại biểu Mỹ không ký, nhưng tuyên bố cam kết tôn trọng Hiệp định). Bản Tuyên bố nêu rõ: Pháp và các nước tham dự Hội nghị long trọng cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của Việt Nam, Lào, Campuchia là độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ

của các nước đó; cam kết chấm dứt cuộc chiến tranh và lập lại hòa bình trên bán đảo Đông Dương... Kết quả Hội nghị phản ánh xu thế chung và cục diện tình hình quốc tế lúc bấy giờ. Đây là văn bản pháp lý quốc tế đầu tiên công nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam, Lào và Campuchia; đánh dấu kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược; mở ra một trang sử mới cho dân tộc Việt Nam và mở đường cho cuộc đấu tranh giành độc lập, thống nhất hoàn toàn cho nhân dân ba nước Đông Dương sau này.

15. Ý NGHĨA LỊCH SỬ VÀ KINH NGHIỆM CỦA ĐẢNG TRONG LÃNH ĐẠO KHÁNG CHIẾN CHỐNG PHÁP VÀ CAN THIỆP MỸ

Ý nghĩa thắng lợi của cuộc kháng chiến

Đối với Việt Nam:

Trong cuộc kháng chiến trường kỳ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, toàn quân, toàn dân ta đã bảo vệ và phát triển tốt nhất các thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám; củng cố, phát triển chế độ dân chủ nhân dân trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội; mang đến niềm tin vào sức sống và thắng lợi tất yếu của cuộc kháng chiến. Thắng lợi của cuộc kháng chiến đưa đến việc giải phóng hoàn toàn miền Bắc, tạo tiền đề về chính trị-xã hội quan trọng để Đảng quyết định đưa miền Bắc quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng, bảo vệ vững chắc miền Bắc thành hậu phương lớn, chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Lần đầu tiên trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc, một nước thuộc địa nhỏ bé đã đánh thắng một cường quốc thực dân, nó có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ phong trào đấu tranh vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ ở các châu lục Á, Phi, Mỹ Latinh.

Đối với thế giới:

Mở đầu cho sự sụp đổ của CNTD cũ.. Cổ vũ phong trào giải phóng dân tộc thế giới

Kinh nghiệm của Đảng về lãnh đạo kháng chiến

Một là, đề ra đường lối đúng đắn, sáng tạo, phù hợp với thực tiễn lịch sử của cuộc kháng chiến ngay từ những ngày đầu

Hai là, kết hợp chặt chẽ và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ cơ bản vừa kháng chiến vừa kiến quốc, chống đế quốc và chống phong kiến. Kháng chiến toàn diện trên các mặt trận, các lĩnh vực cả kinh tế, văn hóa, xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, đồng thời ưu tiên đẩy mạnh hoạt động quân sự đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi quyết định. Kết hợp nhuần nhuyễn hình các thức đấu tranh trên các mặt trận, lấy quân sự làm nòng cốt, lấy xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân làm chỗ dựa, nền tảng để củng cố phát triển cơ sở hạ tầng chính trị-xã hội vững chắc, phát huy hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến của Đảng, Chính phủ trên thực tế.

Ba là, ngày càng hoàn thiện phương thức lãnh đạo, tổ chức điều hành cuộc kháng

chiến phù hợp với đặc thù của từng giai đoạn

Bốn là, xây dựng và phát triển lực lượng vũ trang ba thứ quân: Bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân du kích một cách thích hợp, đáp ứng kịp thời yêu cầu của nhiệm vụ chính trị-quân sự của cuộc kháng chiến. Xây dựng mô hình tổ chức bộ máy lực lượng vũ trang, nhất là Quân đội nhân dân, Công an nhân dân một cách đúng đắn, thích hợp. Xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân trước hết và quan trọng nhất là về tư tưởng - chính trị, trở thành công cụ chuyên chính sắc bén, tin cậy, làm mũi nhọn, nòng cốt cho kháng chiến, làm chỗ dựa cho toàn dân đánh giặc. Đảng và quân đội đã xây dựng thành công hình ảnh “Bộ đội Cụ Hồ” trong kháng chiến; xây dựng Công an nhân dân, mang bản chất giai cấp và tính nhân dân sâu sắc, công an là “bạn dân” theo tư tưởng thân dân của Hồ Chí Minh.

Năm là, coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng; nâng cao vai trò lãnh đạo toàn diện của Đảng đối với cuộc kháng chiến trên tất cả mọi lĩnh vực, mặt trận.

Trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải luôn nâng cao nhận thức chính trị-tư tưởng, chú ý khắc phục những khuynh hướng tư tưởng giáo điều “tả” khuynh, hữu khuynh, chủ quan, duy ý chí trong chỉ đạo, tổ chức cuộc kháng chiến, nhất là: tư tưởng chủ quan, nóng vội, coi thường sức mạnh của địch; tập trung cao độ vào nhiệm vụ quân sự, nhưng ít chú ý đúng mức đến nhiệm vụ xây dựng và kiến quốc; giải quyết hài hòa, thỏa đáng mối quan hệ giữa huy động sức dân với bồi dưỡng, nâng cao sức dân; học hỏi, tiếp thu, vận dụng kinh nghiệm của nước ngoài phải sáng tạo phù hợp với đặc điểm của Việt Nam. Trong công tác chỉnh đốn, chỉnh quân mắc vào chủ nghĩa phân, đổ kỳ trong công tác cán bộ... Những khuyết điểm này đã gây ra tác hại đối với đội ngũ cán bộ, đảng viên, làm giảm sút lòng tin trong nhân dân đối với Đảng và Chính phủ.

19. Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, phát triển thế tiến công của cách mạng miền Nam 1954-1965.

a. Khôi phục kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công 1954-1960

A. Miền Bắc

Khó khăn:

Đặc điểm chưa có tiền lệ lịch sử là đất nước bị chia làm hai miền, có chế độ chính trị, xã hội khác nhau: miền Bắc được hoàn toàn giải phóng phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa, miền Nam do chính quyền đối phương quản lý, trở thành thuộc địa kiểu mới của đế quốc Mỹ.

Xuất hiện đế quốc Mỹ hùng mạnh có âm mưu làm bá chủ thế giới, với các chiến lược toàn cầu phản cách mạng được các đời tổng thống nối tiếp nhau xây dựng và thực hiện. Thế giới đi vào thời kỳ chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang. Xuất hiện sự bất đồng, chia rẽ trong hệ thống xã hội chủ nghĩa, nhất là giữa Liên Xô và Trung Quốc.

Thuận lợi:

Có miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, làm căn cứ địa hậu phương cho cả nước. Thế và lực của cách mạng đã lớn mạnh hơn trước sau 9 năm kháng chiến. Có ý chí độc lập thống nhất của nhân dân cả nước.

Đặc điểm lớn nhất của cách mạng Việt Nam sau tháng 7-1954 là một Đảng lãnh đạo hai cuộc cách mạng khác nhau, ở hai miền đất nước có chế độ chính trị khác nhau.

Đặc điểm nước ta sau Hiệp nghị Giơnevơ là cơ sở để Đảng phân tích, hoạch định đường lối chiến lược chung cho cách mạng cả nước trong giai đoạn mới.

Về chủ chương

Tháng 9-1954, Bộ Chính trị đề ra nhiệm vụ chủ yếu trước mắt của miền Bắc là hàn gắn vết thương chiến tranh, phục hồi kinh tế quốc dân, trước hết là phục hồi và phát triển sản xuất nông nghiệp, ổn định xã hội, ổn định, đời sống nhân dân, tăng cường và mở rộng hoạt động quan hệ quốc tế... để sớm đưa miền Bắc trở lại bình thường sau 9 năm chiến tranh.

Hội nghị lần thứ bảy (3-1955) và lần thứ tám (8-1955) Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II) đã nhận định: củng cố miền Bắc, đồng thời giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa II), tháng 9-1956, đã nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm, trong cải cách ruộng đất và chỉnh đốn tổ chức, công khai tự phê bình trước nhân dân, thi hành kỷ luật đối với một số Ủy viên Bộ Chính trị và Ủy viên Trung ương Đảng. Công tác sửa sai trong năm 1956 đã được Đảng chỉ đạo, tiến hành một cách thành khẩn, kiên quyết, khẩn trương, thận trọng và có kế hoạch chặt chẽ, nên từng bước đã khắc phục được những sai lầm đã xảy ra. Năm 1956 cũng đã phê phán, uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời vấn đề Nhân văn Giai phẩm¹.

Tháng 12-1957, Hội nghị lần thứ 13 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã đánh giá thắng lợi về khôi phục kinh tế và đề ra nhiệm vụ soạn thảo đường lối cách mạng trong giai đoạn mới.

Tháng 4-1959, Hội nghị lần thứ 16 Ban Chấp hành Trung ương Đảng thông qua Nghị quyết về vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp: tự nguyện, cùng có lợi và quản lý dân chủ.

Kết quả:

Kết quả của ba năm phát triển kinh tế-văn hóa và cải tạo xã hội chủ nghĩa (1958-1960) đã tạo nên những chuyển biến cách mạng trong nền kinh tế và xã hội ở miền Bắc nước ta. Miền Bắc được củng cố, từng bước đi lên chủ nghĩa xã hội và trở thành hậu phương ổn định, vững mạnh đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng Việt Nam.

B. Miền Nam

Từ năm 1954, lợi dụng sự thất bại và khó khăn của Pháp, đế quốc Mỹ đã nhảy vào thay chân Pháp thống trị miền Nam Việt Nam.; xây dựng miền Nam thành một căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc và hệ thống xã hội chủ nghĩa từ phía Đông Nam khi có điều kiện; biến miền Nam thành một mắt xích trong hệ thống căn cứ quân sự ở Đông Nam Á nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội xuống vùng này.

Để thực hiện những âm mưu đó, Mỹ đã sử dụng nhiều thủ đoạn về chính trị, kinh tế, văn hóa, quân sự, nhất là nhanh chóng thiết lập bộ máy chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa do Ngô Đình Diệm làm Tổng thống¹, xây dựng lực lượng quân đội gần nửa triệu người

Từ tháng 7-1954, Đảng quyết định thay đổi phương thức đấu tranh quân sự sang đấu tranh chính trị, lãnh đạo quần chúng đấu tranh đòi đối phương phải thi hành Hiệp định, tiếp tục thực hiện cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, trong tình hình mới. Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ rõ: “Hiện nay đế quốc Mỹ là kẻ thù chính của nhân dân thế giới, và nó đang trở thành kẻ thù chính và trực tiếp của nhân dân Đông Dương, cho nên mọi việc của ta đều nhằm chống đế quốc Mỹ”.

Nghị quyết Bộ Chính trị, tháng 9-1954, nêu rõ 3 nhiệm vụ cụ thể trước mắt của cách mạng miền Nam là: đấu tranh đòi thi hành Hiệp định; chuyển hướng công tác cho phù hợp điều kiện mới; tập hợp mọi lực lượng dân tộc, dân chủ, hòa bình, thống nhất, độc lập, đấu tranh nhằm lật đổ chính quyền bù nhìn thân Mỹ, hoàn thành thống nhất Tổ quốc.

Tháng 10-1954, Xứ ủy Nam Bộ được thành lập, do đồng chí Lê Duẩn, Ủy viên Bộ Chính trị làm Bí thư.

Tháng 1-1959, Hội nghị Trung ương lần thứ 15 đã ra nghị quyết về cách mạng miền Nam với tinh thần cơ bản là tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, sử dụng bạo lực cách mạng với hai lực lượng chính trị và vũ trang, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh quân sự, tiến tới khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền về tay nhân dân... Nghị quyết 15 đã vạch rõ phương hướng tiến lên cho cách mạng miền Nam, tạo đà cho cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra ngày càng rộng lớn.

Kết quả:

Thắng lợi của phong trào Đồng khởi là bước nhảy vọt có ý nghĩa lịch sử của cách mạng miền Nam, chuyển cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, từ khởi nghĩa từng phần sang chiến tranh cách mạng chống chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ.

15. Đại hội lần thứ III

Tháng 9-1960, *Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III* của Đảng họp tại Thủ đô Hà Nội. Trong diễn văn khai mạc, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Đại hội lần này là Đại hội xây dựng chủ

nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà”¹.

Nội dung:

Về đường lối chung của cách mạng Việt Nam, phải thực hiện đồng thời hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: Một là, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước.

Về mục tiêu chiến lược chung, cách mạng ở miền Bắc và cách mạng ở miền Nam thuộc hai chiến lược khác nhau, có mục tiêu cụ thể riêng, song trước mắt đều hướng vào mục tiêu chung là giải phóng miền Nam, hòa bình, thống nhất đất nước.

Về vị trí, vai trò, nhiệm vụ cụ thể của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền, Đại hội nêu rõ: Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc có nhiệm vụ xây dựng tiềm lực và bảo vệ căn cứ địa của cả nước, hậu thuẫn cho cách mạng miền Nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội về sau, nên giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ cách mạng Việt Nam và đối với sự nghiệp thống nhất nước nhà. Còn ở miền Nam giữ vai trò quyết định trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Về hòa bình thống nhất Tổ quốc kiên quyết giữ vững đường lối hòa bình để thống nhất nước nhà.

Về triển vọng của cách mạng, đấu tranh cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng ở miền Nam. Thắng lợi cuối cùng nhất định thuộc về nhân dân ta, Nam Bắc nhất định sum họp một nhà.

Về xây dựng chủ nghĩa xã hội, không trải qua giai đoạn phát triển TBCN, là cuộc CM cải biến về mọi mặt

Từ những luận điểm đó, Đại hội đã đề ra *đường lối chung* trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc nước ta là: Đoàn kết toàn dân, phát huy truyền thống yêu nước, lao động cần cù của nhân dân ta và đoàn kết với các nước xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc ở miền Bắc và củng cố miền Bắc trở thành cơ sở vững mạnh cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tuy vẫn còn một số hạn chế trong đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa là nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn giản đơn, chưa có dự kiến về chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; song thành công cơ bản, to lớn nhất của Đại hội lần thứ III của Đảng là đã *hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới, đường lối tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng khác nhau ở hai miền: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và*

cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện mục tiêu chung trước mắt của cả nước là giải phóng miền Nam, hòa bình thống nhất Tổ quốc.

Đó chính là *đường lối giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, vừa phù hợp với miền Bắc vừa phù hợp với miền Nam, vừa phù hợp với cả nước Việt Nam vừa phù hợp với tình hình quốc tế, nên đã phát huy và kết hợp được sức mạnh của hậu phương và tiền tuyến, sức mạnh cả nước và sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trên thế giới, tranh thủ được sự đồng tình giúp đỡ của cả Liên Xô và Trung Quốc, do đó tạo ra được sức mạnh tổng hợp để dân tộc ta đủ sức đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

20. Kế hoạch 5 năm lần thứ nhất năm 1961-1965

Trong quá trình thực hiện kế hoạch năm năm lần thứ nhất (1961-1965), nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai sôi nổi ở các ngành, các giới và các địa phương.

Mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã mở nhiều Hội nghị chuyên đề nhằm cụ thể hóa đường lối, đưa nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Nhiều cuộc vận động và phong trào thi đua được triển khai ở các giới, các ngành và các địa phương.

⇒ Trải qua hơn 10 năm khôi phục, cải tạo chế độ mới, “miền Bắc nước ta đã tiến những bước dài chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Đất nước, con người, xã hội đều đổi mới

Ở miền Nam, từ năm 1961, do thất bại trong thực hiện hình thức điển hình của chủ nghĩa thực dân mới, đế quốc Mỹ đã chuyển sang thực hiện chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (Special War Strategy), một bộ phận trong chiến lược toàn cầu “Phản ứng linh hoạt”, với vai trò của Tổng thống Mỹ John F Kennedy (J. Ken nơ dy). Với công thức “có vắn, vũ khí Mỹ và quân chủ lực Việt Nam Cộng hòa”. Thực hiện bình định miền Nam trong vòng 18 tháng. Xây dựng áp chiến lược là “quốc sách”. Thực hiện các chiến dịch quân sự lớn.

Tình hình miền Nam từ năm 1961 và sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng

Hội nghị của Bộ Chính trị (đầu năm 1961, 1962): giữ vững và phát triển thế tiến công; từ khởi nghĩa từng phần phát triển thành chiến tranh cách mạng; kết hợp khởi nghĩa của quần chúng với chiến tranh cách mạng, giữ vững và đẩy mạnh đấu tranh chính trị với nâng tầm đấu tranh vũ trang; đánh địch bằng 3 mũi giáp công (quân sự, chính trị, binh vận) trên 3 vùng chiến lược (rừng núi, đồng bằng, thành thị).

Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 9 (cuối năm 1963): đấu tranh chính trị song song với đấu tranh vũ trang (đấu tranh vũ trang đóng vai trò quyết định trực tiếp), nhấn

mạnh yêu cầu mới của đấu tranh vũ trang; cách mạng miền Bắc là căn cứ địa, hậu phương đối với cách mạng miền Nam đồng thời sẵn sàng đối phó với các âm mưu đánh phá.

Phong trào học sinh, sinh viên, trí thức ở đô thị, bãi công của công nhân, lực lượng biệt động đã đóng góp xứng đáng cho kháng chiến.

Tháng 9-1964, Bộ Chính trị họp và chủ trương giành thắng lợi quyết định ở miền Nam trong một vài năm tới, tăng cường sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị được cử vào miền Nam trực tiếp phụ trách, chỉ đạo cuộc kháng chiến với cương vị Bí thư Trung ương Cục, Chính ủy Quân Giải phóng miền Nam Việt Nam.

Đến đầu năm 1965, các công cụ, chỗ dựa của “chiến tranh đặc biệt” là nguy quân nguy quyền, áp chiến lược, đô thị đều bị lung lay tận gốc. Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ được triển khai đến mức cao nhất đã hoàn toàn bị phá sản. Đánh bại chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ là một thắng lợi to lớn nữa có ý nghĩa chiến lược của quân và dân ta ở miền Nam. Thắng lợi này tạo cơ sở vững chắc để đưa cách mạng miền Nam tiếp tục tiến lên

17. Nội dung cơ bản và hiệu quả của đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước tại Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

- Hoàn cảnh lịch sử : Trước nguy cơ thất bại hoàn toàn của chiến lược “Chiến tranh đặc biệt”, để cứu vãn cơ đồ chủ nghĩa thực dân mới, ngăn chặn sự sụp đổ của chính quyền và quân đội Sài Gòn, chính quyền của Tổng thống Mỹ Lyndon B. Johnson quyết định đưa quân viễn chinh tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam làm tương quan lực lượng có sự thay đổi. Ngày 8-3-1965, quân Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng trực tiếp tham chiến ở miền Nam, Việt Nam. Đồng thời đế quốc Mỹ mở cuộc chiến tranh phá hoại bằng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc Việt Nam nhằm làm suy yếu miền Bắc và ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho cách mạng miền Nam. Chiến tranh lan rộng cả nước đã đặt vận mệnh của dân tộc ta trước những thách thức nghiêm trọng. Trước tình hình đó, Hội nghị lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị lần thứ 12 (12-1965) của Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên phạm vi toàn quốc
- Nội dung cơ bản của Hội nghị Trung ương lần thứ 11 (3-1965) và Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (12-1965):

+ Quyết tâm chiến lược: Mặc dù đế quốc Mỹ đưa vào miền Nam hàng chục vạn quân viễn chinh, nhưng so sánh lực lượng giữa ta và địch vẫn không thay đổi lớn, cuộc chiến tranh trở nên gay go, ác liệt, nhưng nhân dân ta đã có cơ sở chắc chắn để giữ vững thế chủ động trên chiến trường; cuộc “Chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành ở miền Nam vẫn là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới. Cuộc chiến tranh đó được đề ra trong thế thua, thế thất bại và bị động, cho nên nó chứa đựng đầy mâu thuẫn về chiến lược; Mỹ không thể nào cứu vãn được tình thế nguy khốn, bế tắc của chúng ở miền Nam. Từ sự phân tích và nhận định trên, Trung ương khẳng định chúng ta có đủ điều kiện và sức mạnh để đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với tinh thần “Quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ, cứu nước là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

+ Mục tiêu chiến lược: Kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà.

+ Phương châm chiến lược: Đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh càng mạnh; cần phải cố gắng đến mức độ cao, tập trung lực lượng của cả hai miền để mở những cuộc tiến công lớn, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

+ Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Nam: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công. Tiếp tục kiên trì phương châm kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, triệt để thực hiện ba mũi giáp công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ một vị trí ngày càng quan trọng.

+ Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm tiếp tục xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ để bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa, động viên sức người sức của ở mức cao nhất để chi viện cho cuộc chiến tranh giải phóng miền Nam, đồng thời tích cực chuẩn bị đề phòng để đánh bại địch trong trường hợp chúng liều lĩnh mở rộng chiến tranh cục bộ ra cả nước.

+ Về mối quan hệ và nhiệm vụ cách mạng của hai miền: Trong cuộc chiến tranh chống Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn. Phải nắm vững mối quan hệ giữa nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc và giải phóng miền Nam. Bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ của cả nước, vì miền Bắc xã hội chủ nghĩa là thành quả chung rất to lớn của nhân dân cả nước ta, là hậu phương vững chắc trong cuộc chiến tranh chống Mỹ. Phải đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc và ra sức tăng cường lực lượng miền Bắc về mọi mặt, nhất là về kinh tế và quốc phòng, nhằm đảm bảo chi viện đắc lực cho miền Nam, đồng thời, vừa tiếp tục xây dựng chủ nghĩa xã hội nhằm phát huy vai trò đắc lực của hậu phương lớn đối với tiền tuyến lớn. Hai nhiệm vụ trên đây không tách rời nhau, mà mật thiết gắn bó nhau. Đế quốc Mỹ xâm lược Việt Nam, thì bất kỳ chúng đặt chân ở đâu trên đất nước Việt Nam, mọi người Việt Nam đều có nghĩa vụ tiêu diệt chúng. Khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”.

- Ý nghĩa : Thể hiện tư tưởng nắm vững, giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng của Đảng và quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta. Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài, dựa vào sức mình là chính trong hoàn cảnh mới, cơ sở để Đảng lãnh đạo đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đi tới thắng lợi vẻ vang

21: Hoàn thành thống nhất về mặt Nhà nước

I. Lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1986)

a. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1975-1981

Hoàn cảnh lịch sử của thời kỳ sau năm 1975 là đất nước đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Đất nước có nhiều thuận lợi với sức mạnh tổng hợp, đồng thời cũng phải khắc phục những hậu quả nặng nề của chiến tranh.

Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt nhà nước

Sau đại thắng mùa Xuân năm 1975, đất nước ta bước vào một kỷ nguyên mới: Tổ quốc hoàn toàn độc lập, thống nhất, quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Để thực hiện bước quá độ này, rất nhiều nhiệm vụ được Đảng đặt ra nhưng nhiệm vụ đầu tiên, hữu thiết nhất là lãnh đạo thống nhất nước về mặt nhà nước.

Hội nghị lần thứ 24 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa III (8-1975) chủ trương Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam phải đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Thống nhất đất nước vừa là nguyện vọng thiết tha của nhân dân cả nước, vừa là quy luật khách quan của sự phát triển cách mạng Việt Nam, của lịch sử dân tộc Việt Nam, Cần xúc tiến việc thống nhất nước nhà một cách tích cực và khẩn trương. Thống nhất càng sớm thì càng mau chóng phát huy sức mạnh mới của đất nước, kịp thời ngăn ngừa và phá tan âm mưu chia rẽ của các thế lực phản động trong nước và trên thế giới.

Ngày 27-10-1973, Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã họp phiên đặc biệt để bàn chủ trương, biện pháp thống nhất nước về mặt nhà nước. Hội nghị cử đoàn đại biểu miền Bắc gồm 25 thành viên do đồng chí Trường Chinh làm trưởng đoàn đề hiệp thương với đoàn đại biểu miền Nam.

Từ ngày 15 đến ngày 21-11-1975, Hội nghị Hiệp thương chính trị của hai đoàn đại biểu Bắc, Nam đã họp tại Sài Gòn. Hội nghị khẳng định: Nước Việt Nam, dân tộc Việt Nam là một, nước nhà cần được thống nhất về một nhà nước. Tổ chức tổng tuyển cử trên toàn lãnh thổ Việt Nam bầu ra Quốc hội chung cho cả nước vào nửa đầu năm 1976 theo nguyên tắc dân chủ, phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín.

ngày 25-4-1976, cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội chung của nước Việt Nam thống nhất được tiến hành.

Từ ngày 24-6 đến ngày 3-7-1976, kỳ họp thứ nhất của Quốc hội nước Việt Nam thống nhất đã họp tại Thủ đô Hà Nội. Quốc hội quyết định đặt tên nước ta là nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Quốc kỳ nền đỏ sao vàng 5 cánh, Thủ đô là Hà Nội, Quốc ca là bài Tiến quân ca, Quốc huy mang dòng chữ Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Thành phố Sài Gòn đổi tên là Thành phố Hồ Chí Minh. Quốc hội đã bầu Tôn Đức Thắng làm Chủ tịch nước Nguyễn Lương Bằng, Nguyễn Hữu Thọ làm Phó Chủ tịch nước Trường Chinh làm Chủ tịch Quốc hội và Phạm Văn Đồng làm Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Quốc hội đã và thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp mới.

Hoàn thành thống nhất nước nhà về mặt nhà nước là một trong những thành tựu nổi bật, có ý nghĩa to lớn; là cơ sở để thống nhất nước nhà trên các lĩnh vực khác, nhanh chóng tạo ra sức mạnh toàn diện của đất nước; là điều kiện tiên quyết để đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Điều đó còn thể hiện tư duy chính trị nhạy bén của Đảng trong thực hiện bước chuyển giai đoạn cách mạng ở nước ta.

b. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc 1976-1981

Đại hội lần thứ IV của Đảng họp từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, tại Hà Nội. Dự Đại hội có 1,008 đại biểu, thay mặt cho hơn 1,5 triệu đảng viên trên cả nước, có 29 đoàn đại biểu của các Đảng và tổ chức quốc tế tham dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo chính trị, Báo cáo về phương hướng, nhiệm vụ và mục tiêu kế hoạch 5 năm (1976-1980), Báo cáo tổng kết công tác xây dựng Đảng; quyết định đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam và sửa đổi Điều lệ Đảng, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 101 ủy viên chính thức, 32 ủy viên dự khuyết, bầu đồng chí Lê Duẩn làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã tổng kết cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, khẳng định thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước mãi mãi đi vào lịch sử dân tộc ta.

Đại hội đã nêu lên ba đặc điểm lớn của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới: “Một là, nước ta đang ở trong quá trình từ một xã hội mà nền kinh tế còn phổ biến là sản xuất nhỏ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Hai là, Tổ quốc ta đã hòa bình, độc lập, thống nhất, cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội với nhiều thuận lợi rất lớn, song cũng còn nhiều khó khăn do hậu quả của chiến tranh và tàn dư của chủ nghĩa thực dân mới gây ra’, Ba là, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta tiến hành trong hoàn cảnh quốc tế thuận lợi, song cuộc đấu tranh “ai thắng ai” giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt”.

=> Việt Nam có đủ điều kiện đi lên và xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, nhưng đó là sự nghiệp khó khăn, phức tạp, lâu dài, đòi hỏi Đảng và nhân dân ta phải phát huy cao độ tính chủ động, tự giác, sáng tạo trong quá trình cách mạng. Trong ba đặc điểm trên, đặc

điểm đầu tiên là lớn nhất, quy định nội dung, hình thức, bước đi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Đại hội xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn mới của nước ta là: “Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng về quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học-kỹ thuật, cách mạng tư tưởng và văn hoá, trong đó cách mạng khoa học-kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hoá mới, xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa; xóa bỏ chế độ người bóc lột người, xoá bỏ nghèo nàn và lạc hậu, không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội; xây dựng thành công Tổ quốc Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất và xã hội chủ nghĩa; góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội”. Trong đường lối chung thể hiện nhận thức mới của Đảng về chủ nghĩa xã hội ở nước ta gồm 4 đặc trưng cơ bản là xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, nền sản xuất lớn, nền văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa; coi chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động là công cụ để xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Đại hội xác định đường lối xây dựng, phát triển kinh tế, trong đó nổi bật là: Đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa bằng ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý trên cơ sở phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, xây dựng cơ cấu kinh tế công-nông nghiệp; kết hợp kinh tế trung ương với kinh tế địa phương, kết hợp phát triển lực lượng sản xuất; tăng cường quan hệ kinh tế với các nước xã hội chủ nghĩa anh em đồng thời phát triển quan hệ kinh tế với các nước khác.

Phương hướng, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế và văn hoá (1976-1980) nhằm hai mục tiêu cơ bản và cấp bách là bảo đảm nhu cầu của đời sống nhân dân, tích lũy để xây dựng cơ sở vật chất-kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh cách mạng tư tưởng và văn hoá, xây dựng và phát triển nền văn hoá mới; tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò của các đoàn thể; coi trọng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự xã hội; coi trọng nhiệm vụ quốc tế và chính sách đối ngoại của Đảng,

củng cố quan hệ đặc biệt với Lào và Campuchia, đẩy mạnh hợp tác với Liên Xô; nâng cao vai trò lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Ý nghĩa: Đại hội toàn thắng của sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Khẳng định và xác định đường lối đưa cả nước tiến lên CNXH.

Hạn chế như: Chưa tổng kết kinh nghiệm xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc trong điều kiện thời chiến. Trong điều kiện đó không thể áp dụng đầy đủ các quy luật kinh tế, không thể hạch toán kinh tế mà tất yếu phải thực hành chính sách bao cấp để đáp ứng yêu cầu tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược. Trong điều kiện đó, chưa phát hiện những khuyết tật của mô hình chủ nghĩa xã hội đã bộc lộ rõ sau chiến tranh.

22/ Đại hội lần V

a. Đại hội lần V

Đại hội Đảng lần thứ V họp từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982 trong bối cảnh tình hình và thế giới trong nước có một số mặt thuận lợi, nhưng nhiều khó khăn, thách thức mới. Hoa Kỳ tiếp tục thực hiện chính sách bao vây cấm vận và “kế hoạch hậu chiến”. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động quốc tế ra sức tuyên truyền xuyên tạc việc quân tình nguyện Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế ở Campuchia, gây sức ép với Việt Nam, chia rẽ ba nước Đông Dương. Trong nước, tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội ở nước ta ngày càng trầm trọng.

Dự Đại hội có 1.033 đại biểu thay mặt cho hơn 1,7 triệu đảng viên cả nước, có 47 đoàn đại biểu của các đảng và tổ chức quốc tế. Đại hội đã thông qua các văn kiện quan trọng, bầu Ban Chấp hành Trung ương gồm 116 ủy viên chính thức, Bộ Chính trị gồm 13 ủy viên chính thức. Đồng chí Lê Duẩn được bầu lại làm Tổng Bí thư của Đảng.

Đại hội đã kiểm điểm, đánh giá thành tựu, khuyết điểm sai lầm của Đảng, phân tích nguyên nhân thắng lợi và khó khăn của đất nước, những biến động của tình hình thế giới; khẳng định tiếp tục thực hiện đường lối chung và đường lối kinh tế do Đại hội lần thứ IV đề ra. Ngoài thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại, xây dựng Đảng... Đại hội V đã bổ sung đường lối chung do Đại hội IV đề ra những quan điểm mới:

ĐH khẳng định nước ta đang ở chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên CNXH. Nhiệm vụ trước mắt là ổn định tiến lên cải thiện một bước đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân.

Cách mạng Việt Nam có hai nhiệm vụ chiến lược là: xây dựng thành công chủ

nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Hai nhiệm vụ chiến lược có quan hệ mật thiết với nhau. “Trong khi không một phút lơ lửng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta và nhân dân ta phải đặt lên hàng đầu nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội”².

Nội dung, bước đi, cách làm thực hiện công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa trong chặng đường đầu tiên là: tập trung sức phát triển mạnh nông nghiệp, coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, đưa nông nghiệp một bước lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, ra sức đẩy mạnh sản xuất hàng tiêu dùng và tiếp tục xây dựng một số ngành công nghiệp nặng quan trọng; kết hợp nông nghiệp, công nghiệp hàng tiêu dùng và công nghiệp nặng trong cơ cấu công-nông nghiệp hợp lý..

Đại hội V đã thông qua những nhiệm vụ kinh tế, văn hóa và xã hội, tăng cường Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chính sách đối ngoại. Tiếp tục nâng cao tính giai cấp công nhân, tính tiên phong của Đảng, xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức, làm cho Đảng luôn giữ vững bản chất cách mạng và khoa học, một đảng thực sự trong sạch, có sức chiến đấu cao, gắn bó chặt chẽ với quần chúng.

Đại hội V đã có những bước phát triển nhận thức mới, tìm tòi đổi mới trong bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết là về mặt kinh tế. Đường lối chung là hoàn toàn đúng đắn;

Đại hội chưa thấy hết sự cần thiết duy trì nền kinh tế nhiều thành phần, chưa xác định những quan điểm kết hợp kế hoạch với thị trường, về công tác quản lý lưu thông, phân phối; ...

b. Các bước đột phá tiếp tục đổi mới kinh tế

Một là, phải đẩy mạnh thu mua năm nguồn hàng, quản lý chặt chẽ thị trường tự do; Hai là, thực hiện điều chỉnh giá cả, tiền lương, tài chính cho phù hợp với thực tế. Hội nghị Trung ương 7 (12-1984) xác định kế hoạch năm 1985 phải tiếp tục coi mặt trận sản xuất nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, trước hết là sản xuất lương thực, thực phẩm.

Nổi bật nhất là Hội nghị Trung ương 8 khoá V (6-1985) được coi là *bước đột phá thứ hai* trong quá trình tìm tòi, đổi mới kinh tế của Đảng. Tại Hội nghị này, Trung ương chủ trương xoá bỏ cơ chế tập trung quan liêu hành chính bao cấp, lấy giá lương tiền là khâu đột phá để chuyển sang cơ chế hạch toán, kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Nội dung xoá bỏ cơ chế quan liêu, bao cấp trong giá và lương là tính đủ chi phí hợp lý trong giá thành sản phẩm; giá cả bảo đảm bù đắp chi phí thực tế hợp lý, người sản xuất có lợi nhuận thoả đáng và Nhà nước từng bước có tích lũy; xoá bỏ tình trạng Nhà nước mua thấp, bán thấp và bù lỗ; thực hiện cơ chế một giá trong toàn bộ hệ thống, khắc phục tình trạng thả nổi trong việc định giá và quản lý giá. Thực hiện cơ chế một giá, xoá bỏ

chế độ bao cấp bằng hiện vật theo giá thấp, chuyển mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh sang hoạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa.

Hội nghị Bộ Chính trị khoá V (8-1986) đưa ra “Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế”. Đây là *bước đột phá thứ ba về đổi mới kinh tế*.

Về cơ cấu sản xuất, Hội nghị cho rằng, Cần tiến hành một cuộc điều chỉnh lớn về cơ cấu sản xuất và cơ cấu đầu tư theo hướng thật sự lấy nông nghiệp là mặt trận hàng đầu, ra sức phát triển công nghiệp nhẹ, việc phát triển công nghiệp, chú trọng quy mô vừa và nhỏ, phát huy hiệu quả nhanh nhằm phục vụ đắc lực yêu cầu phát triển nông nghiệp, công nghiệp nhẹ và xuất khẩu.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Hội nghị cho rằng, phải biết lựa chọn bước đi và hình thức thích hợp trên quy mô cả nước cũng như từng vùng, từng lĩnh vực, phải đi qua những bước trung gian, quá độ từ thấp đến cao, phải nhận thức đúng đắn đặc trưng của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ...

Về cơ chế quản lý kinh tế, Hội nghị cho rằng, bố trí lại cơ cấu kinh tế phải đi đôi với đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, làm cho hai mặt ăn khớp với nhau tạo ra động lực mới thúc đẩy sản xuất phát triển.

23. Nội dung cơ bản và ý nghĩa đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (12-1986) (HD: Giáo trình, Chương 3, II/1/Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội/Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ 6 và thực hiện đường lối đổi mới toàn diện từ tr.129 đến tr.131)

Bối cảnh:

Thế giới: Cuộc CM KH-KT đang phát triển mạnh, xu thế đối thoại đang dần thay thế xu thế đối đầu. Đổi mới đã trở thành xu thế của thời đại. Liên xô và các nước XHCN đều đang tiến hành cải tổ sự nghiệp xây dựng CNXH.

Trong nước: VN đang bị các đế quốc và thế lực thù địch bao vây, cấm vận và ở tình trạng khủng hoảng KT-XH. Lạm phát ở mức 774% năm 1986. Đời sống nhân dân khó khăn. Đổi mới đã trở thành đòi hỏi bức thiết của tình hình đất nước.

- Nội dung cơ bản đường lối đổi mới của Đảng:

Đường lối đổi mới toàn diện do Đại hội VI đề ra thể hiện trên các lĩnh vực nổi bật:

Đại hội đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật, đánh giá thành tựu, nghiêm túc kiểm điểm, chỉ rõ những sai lầm, khuyết điểm của Đảng trong thời

kỳ 1975-1986. Đại hội rút ra bốn bài học quý báu: Một là, trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Hai là, Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Ba là, phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới. Bốn là, chăm lo xây dựng Đảng ngang tầm với một đảng cầm quyền lãnh đạo nhân dân tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đường lối đổi mới của Đảng tại ĐH VI

Thành phần kinh tế. Đổi mới cơ chế quản lý, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu, hành chính, bao cấp chuyển sang hạch toán, kinh doanh, kết hợp kế hoạch với thị trường. Nhiệm vụ bao trùm, mục tiêu tổng quát trong những năm còn lại của chặng đường đầu tiên là: Sản xuất đủ tiêu dùng và có tích lũy; chú trọng ba chương trình kinh tế lớn là lương thực-thực phẩm, hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa thường xuyên với hình thức, bước đi thích hợp, làm cho quan hệ sản xuất phù hợp và lực lượng sản xuất phát triển. Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối, lưu thông. Xây dựng và tổ chức thực hiện một cách thiết thực, có hiệu quả các chính sách xã hội. Bảo đảm nhu cầu củng cố quốc phòng và an ninh. Năm phương hướng lớn phát triển kinh tế là: Bố trí lại cơ cấu sản xuất; điều chỉnh cơ cấu đầu tư xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; sử dụng và cải tạo đúng đắn các thành phần kinh tế; đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, phát huy mạnh mẽ động lực khoa học kỹ thuật; mở rộng và nâng cao hiệu quả kinh tế đối ngoại.

Đề cao cảnh giác, tăng cường khả năng quốc phòng và an ninh của đất nước, quyết đánh thắng kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của địch, bảo đảm chủ động trong mọi tình huống để bảo vệ Tổ quốc.

Đối ngoại góp phần quan trọng vào cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa; bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc. Kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, phấn đấu giữ vững hoà bình ở Đông Dương, Đông Nam Á và trên thế giới, tăng cường quan hệ đặc biệt giữa ba nước Đông Dương, quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng cần phải đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế, đổi mới công tác tư tưởng; đổi mới công tác cán bộ và phong cách làm việc, cần phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”;

ĐH bầu đồng chí Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư của Đảng

18. Đại hội VI và bước đầu đổi mới 1986-1991)

Đại hội VI của Đảng là Đại hội khởi xướng đường lối đổi mới toàn diện, đánh dấu ngoặt phát triển mới trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, hạn chế của Đại hội VI là chưa tìm ra những giải pháp hiệu quả tháo gỡ tình trạng rối ren trong phân phối lưu thông.

Trong quá trình thực hiện Nghị quyết Đại hội VI, tình hình thế giới biến chuyển nhanh chóng. Công cuộc cải tổ ở Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu ngày càng rơi vào khủng hoảng toàn diện và sụp đổ hoàn toàn (12-1991). Viện trợ và quan hệ kinh tế giữa Liên Xô và các nước Đông Âu với nước ta bị thu hẹp nhanh. Chủ nghĩa đế quốc vác thế lực thù địch tiếp tục bao vây, cấm vận Việt Nam. Tháng 3-1988, Trung Quốc cho quân đội chiếm đảo Gạc Ma và các bãi cạn Châu Viên, Chữ Thập, Tư Nghĩa, ... trên quần đảo Trường Sa của Việt Nam.

Đất nước vẫn đang khủng hoảng kinh tế-xã hội nghiêm trọng. Phân phối, lưu thông rối ren, lạm phát ở mức cao. => Xuất hiện sự hoài nghi về con đường XHCN. Một số ít phần tử cơ hội, bất mãn đẩy mạnh hoạt động chống lại sự lãnh đạo của Đảng, đòi đa nguyên chính trị, đa đảng, gây mất ổn định tình hình. Những người cộng sản Việt Nam cần rút ra những bài học cần thiết từ sự khủng hoảng đó, đổi mới nhận thức về mô hình và con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội; Đảng phải tích cực đổi mới, nâng cao trình độ lãnh đạo và sức chiến đấu của mình; cần cảnh giác và kiên quyết chống âm mưu, thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch.

Trong nông nghiệp nổi bật là Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (4-1988) về khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm hộ và hộ xã viên (gọi tắt là Khoán 10). Theo đó, người nông dân được nhận khoán và canh tác trên diện tích ổn định trong 15 năm; bảo đảm có thu nhập từ 40% sản lượng khoán trở lên. Lần đầu tiên *Luật Đầu tư nước ngoài* được Quốc hội khóa VIII thông qua, có hiệu lực từ ngày 1-1-1988.

Hội nghị Trung ương 2 (4-1987), thực hiện bốn giảm: Giảm bội chi ngân sách, giảm nhịp độ tăng giá, giảm lạm phát, giảm khó khăn về đời sống của nhân dân.

Về cải tạo xã hội chủ nghĩa, Nhà nước công nhận sự tồn tại lâu dài của nhiều thành phần kinh tế. Nâng cao vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc doanh, phát huy khả năng tích cực của các thành phần kinh tế khác. Các thành phần kinh tế bình đẳng về quyền lợi, nghĩa vụ trước pháp luật.

Chủ nghĩa Mác-Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng, chỉ đạo toàn bộ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Đổi mới vận dụng sáng tạo và phát triển chứ không phải xa rời những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin.

Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là nhằm tăng

cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, có nghĩa là tăng cường sức mạnh và hiệu lực của các tổ chức trong hệ thống chính trị¹.

Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của nhân dân ta.

Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là mục tiêu, là động lực của sự nghiệp xây dựng xã hội chủ nghĩa. Song dân chủ phải có lãnh đạo, lãnh đạo phải trên cơ sở dân chủ; dân chủ với nhân dân, nhưng phải chuyên chính với kẻ địch.

Kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Bắt đầu từ năm 1990, Đảng và Nhà nước có những chủ trương đổi mới về quan hệ đối ngoại. Đó là việc ưu tiên giữ vững hòa bình và phát triển kinh tế; kiên quyết thực hiện chính sách “thêm bạn, bớt thù”; mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước trên nguyên tắc bình đẳng và cùng có lợi, vì hoà bình và phát triển ở khu vực và trên thế giới¹.

Nhằm thực hiện đổi mới tư duy của Đảng, Hội nghị Trung ương 6 (3-1989) và Hội nghị Trung ương 8 (3-1990) tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách trong công tác xây dựng Đảng². Điểm nổi bật yêu cầu Đảng phải đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế; tăng cường công tác nghiên cứu lý luận và thực tiễn, đúc kết kinh nghiệm nhằm phục vụ thiết thực việc đổi mới tư duy, cụ thể hoá kịp thời, đúng đắn.

24. Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ đi lên CNXH (đại hội VII, 1991)

Đất nước sau hơn 4 năm đổi mới cơ bản ổn định nhưng chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế-xã hội. Công cuộc đổi mới còn nhiều hạn chế, còn nhiều vấn đề kinh tế-xã hội nóng bỏng chưa được giải quyết.

2) Nội dung cơ bản của cương lĩnh:

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội VII thông qua (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991) đã tổng kết hơn 60 năm Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam; chỉ ra những thành công, khuyết điểm, sai lầm và nêu ra năm bài học lớn. Một là, nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hai là, sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Ba là, không ngừng củng cố, tăng cường

đoàn kết: đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết toàn dân, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Bốn là, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Năm là, sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu bảo đảm thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội có 6 đặc trưng cơ bản là: “Do nhân dân lao động làm chủ. Có một nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu. Có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân. Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ. Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới.

Cương lĩnh nêu ra 7 phương hướng lớn xây dựng chủ nghĩa xã hội là: Xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hóa đất nước theo hướng hiện đại gắn liền với phát triển một nền nông nghiệp toàn diện là nhiệm vụ trung tâm. Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa làm cho thế giới quan Mác-Lênin, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội. Thực hiện chính sách đại đoàn kết dân tộc. Thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Cương lĩnh chỉ rõ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình lâu dài, trải qua nhiều chặng đường với những định hướng lớn về chính sách kinh tế, xã hội, quốc phòng-an ninh, đối ngoại

Cương lĩnh nêu rõ quan điểm về xây dựng hệ thống chính trị, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Trong hệ thống chính trị, Đảng Cộng sản Việt Nam là một bộ phận và là tổ chức lãnh đạo hệ thống đó. Đảng lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Cương lĩnh năm 1991 đã giải đáp đúng đắn vấn đề cơ bản nhất của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; đặt nền tảng đoàn kết, thống nhất giữa tư

tương với hành động, tạo ra sức mạnh tổng hợp đưa cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển.

Quan điểm chỉ đạo của Chiến lược là: Phát triển kinh tế-xã hội theo con đường củng cố độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta là quá trình thực hiện dân giàu, nước mạnh, tiến lên hiện đại trong một xã hội nhân dân làm chủ, nhân ái, có văn hoá, có kỷ cương, xoá bỏ áp bức, bất công, tạo điều kiện cho mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc. Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, với nhiều dạng sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Mục tiêu và động lực chính của sự phát triển là vì con người, do con người, giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của mỗi cá nhân, mỗi tập thể lao động và của cả cộng đồng dân tộc, động viên và tạo điều kiện cho mọi người Việt Nam phát huy ý chí tự lực tự cường, cần kiệm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ra sức làm giàu cho mình và cho đất nước. Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp.

3) Ý nghĩa:

Tại Đại hội VII, lần đầu tiên Đảng giương cao ngọn cờ tư tưởng Hồ Chí Minh và khẳng định: “Đảng Cộng sản Việt Nam lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động, tiếp thu tinh hoa trí tuệ của dân tộc và nhân loại, nắm vững quy luật khách quan và thực tiễn của đất nước để đề ra Cương lĩnh chính trị, đường lối cách mạng đúng đắn, phù hợp với yêu cầu, nguyện vọng của nhân dân.

Đại hội VII của Đảng là “Đại hội của trí tuệ-đổi mới, dân chủ-kỷ cương-doàn kết” hoạch định con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của Việt Nam.

Đại hội VII tiếp tục thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và bước đầu triển khai thực hiện Cương lĩnh và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội

Mục tiêu tổng quát của 5 năm tới là vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế-xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta co- bản ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay.

20. Đại Hội VIII

Đại hội tổng kết 10 năm đổi mới (1986 - 1996), đất nước đã ra khỏi khủng hoảng KT -XH, nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu tiên của TKQĐ là chuẩn bị tiền đề cho CNH đã cơ bản hoàn thành, cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước. đã bổ sung đặc trưng tổng quát về mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là: *Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh* và nổi bật những vấn đề trọng tâm sau

Đại hội nêu ra sáu bài học chủ yếu qua 10 năm đổi mới: *Một là*, giữ vững mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong quá trình đổi mới. *Hai là*, kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị; lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, đồng thời từng bước đổi mới chính trị. *Ba là*, xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. *Bốn là*, mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của cả dân tộc. *Năm là*, mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh thời đại. *Sáu là*, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, coi xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt.

Quan điểm về công nghiệp hoá trong thời kỳ mới gồm: 1) Giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Dựa vào nguồn lực trong nước chính là đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài. 2) Công nghiệp hoá, hiện đại hoá là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo. 3) Lấy việc phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững. 4) Khoa học và công nghệ là động lực của công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, tranh thủ đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định. 5) Lấy hiệu quả kinh tế làm chuẩn cơ bản để xác định phương án phát triển, lựa chọn dự án đầu tư và công nghệ. 6) Kết hợp kinh tế với quốc phòng và an ninh.

Đại hội VIII đánh dấu bước ngoặt của Đảng, đưa đất nước sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng nước Việt Nam độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa. xây dựng nước VN độc lập, dân chủ, giàu mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng XHCN.

b.Những nội dung đổi mới quan trọng tại các hội nghị Trung ương Đảng khóa VIII

Hội nghị Trung ương 3 (6-1997) đã thông qua Nghị quyết về phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh¹. Trung ương nhấn mạnh ba yêu cầu lớn: *Một là*, tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân. *Hai là*, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy, phục vụ nhân dân. *Ba là*, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước.

HNTƯ6 Lần 2 (2-1999), Đề ra NQ về một số vấn cơ bản và cấp bách trong công tác xây dựng Đảng

HNTƯ2 (12-1996), Nhấn mạnh coi GD-ĐT cùng với KH-CN là quốc sách hàng đầu, là nhân tố quyết định tăng trưởng KT và phát triển XH.

HNTƯ5 (7-1998), Ban hành NQ về xây dựng và phát triển nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

Câu 1: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh từ năm 1911 đến năm 1920. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc theo con đường cách mạng vô sản được hình thành từng bước trong quá trình người đi tìm cứu nước; đó là quá trình sống, làm việc, học tập, nghiên cứu lý luận và tham gia đấu tranh trong thực tế cách mạng ở nhiều nước trên thế giới.

-Trước hết, Người xác định đúng bản chất, thủ đoạn, tội ác của chủ nghĩa thực dân và nhân dân các nước thuộc địa.

+ Từ năm 1911 đến 1917, từ Pháp Hồ Chí Minh đến nhiều nước trên thế giới.

+ Qua cuộc hành trình này, ở Người hình thành một nhận thức mới: Nhân dân lao động, giai cấp công nhân, đều bị bóc lột có thể là bạn của nhau, chủ nghĩa đế quốc, thực dân ở đâu cũng là kẻ bóc lột, là kẻ thù của nhân dân lao động.

+ Năm 1917, Hồ Chí Minh trở về Pháp tham gia phong trào công nhân Pháp đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân. Năm 1919, Người gia nhập Đảng Xã hội của giai cấp công nhân Pháp, tiếp cận tư tưởng: Tự do, bình đẳng, bác ái.

- Thứ hai, Hồ Chí Minh có bước nhận thức mới về quyền tự do, dân chủ của nhân dân:

+ Thay mặt những người Việt Nam yêu nước ở Pháp, lấy tên là Nguyễn Ái Quốc, gửi Yêu sách của nhân dân An Nam tới Hội nghị Vécxay (18-6-1919), đòi quyền tự do, dân chủ cho nhân dân Việt Nam.

+ Đây là tiếng nói chính nghĩa đầu tiên của đại biểu phong trào giải phóng dân tộc Việt Nam trên diễn đàn quốc tế. Tiếng nói chính nghĩa đó có ảnh hưởng lớn tới phong trào yêu nước ở Việt Nam.

-Thứ ba, Hồ Chí Minh đã tìm thấy phương hướng đấu tranh giải phóng dân tộc theo con đường của cách mạng vô sản:

+ Tháng 7/1920, Người đọc Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương của Lênin về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa.

Tháng 12/1920, cùng với những người phái tả trong Đảng Xã hội Pháp tại Đại hội ở thành phố Tua, bỏ phiếu tán thành Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III), tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên.

+ Đây là bước ngoặt quan trọng trong cuộc đời của Hồ Chí Minh, bước ngoặt chủ nghĩa yêu nước kết hợp chặt chẽ với lập trường cách mạng vô sản.

⇒ **Ý NGHĨA:** Từ việc xác định phương hướng tìm đường cứu nước, tìm hiểu và khảo sát các cuộc cách mạng và cuộc sống nhân dân ở các nước thuộc địa trên thế giới, cuối cùng Hồ Chí Minh đã tìm được con đường cứu nước theo con đường của Chủ nghĩa Mác-Lênin- Con đường cách mạng vô sản cho dân tộc Việt Nam.

Câu 2: Quan điểm của Hồ Chí Minh về mục tiêu CNXH ở Việt Nam

Ở Hồ Chí Minh, mục tiêu chung của chủ nghĩa xã hội và mục tiêu phấn đấu của Người là một, đó là độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân; đó là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành. Đó cũng chính là mục tiêu tổng quát theo cách diễn đạt của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội, đó là:

***Mục tiêu chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

- **Mục tiêu về chế độ chính trị:** Phải xây dựng được chế độ dân chủ.

Chế độ dân chủ trong mục tiêu của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam được Hồ Chí Minh khẳng định và giải thích: “Chế độ ta là chế độ dân chủ. Tức là nhân dân làm chủ”, “Nước ta là nước dân chủ, địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ”.

Khi khẳng định “dân làm chủ” và “dân là chủ”, Hồ Chí Minh đã khẳng định quyền lợi và quyền hạn, trách nhiệm và địa vị của nhân dân. Người chỉ rõ: Tất cả lợi ích đều vì dân, tất cả quyền hạn đều của dân, công cuộc đổi mới là trách nhiệm của dân, sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước là công việc của dân, các cấp chính quyền do dân cử ra, các tổ chức đoàn thể do dân tổ chức nên. Nói tóm lại, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân.

- **Mục tiêu về kinh tế:** Phải xây dựng được nền kinh tế phát triển cao gắn bó mật thiết với mục tiêu về chính trị.

Khái quát mục tiêu về kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Hồ Chí Minh xác định: Đây phải là nền kinh tế phát triển cao “với công nghiệp và nông nghiệp hiện đại, khoa học và kỹ thuật tiên tiến”, là “một nền kinh tế thuần nhất, dựa trên chế độ sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể”.

- **Mục tiêu về văn hóa:** Phải xây dựng được nền văn hóa mang tính dân tộc, khoa học, đại chúng và tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại.

Hồ Chí Minh cho rằng, mối quan hệ giữa văn hóa với chính trị và kinh tế là mối quan hệ biện chứng. Chế độ chính trị và kinh tế của xã hội là nền tảng và quyết định tính chất của văn hóa; còn văn hóa góp phần thực hiện mục tiêu của chính trị và kinh tế.

Về vai trò của văn hóa, Người khẳng định: “Trình độ văn hóa của nhân dân nâng cao sẽ giúp chúng ta đẩy mạnh công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển dân chủ. Nâng cao trình độ văn hóa của nhân dân cũng là một việc làm cần thiết để xây dựng nước ta thành một nước hòa bình, thống nhất độc lập, dân chủ và giàu mạnh”; nền văn hóa phát triển là điều kiện cho nhân dân tiến bộ”. Theo Người, “để phục vụ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa thì văn hóa phải xã hội chủ nghĩa về nội dung và dân tộc về hình thức”, “Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng nô dịch của văn hóa đế quốc. Đồng thời, phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ những cái mới của văn hóa tiến bộ thế giới, để xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính chất dân tộc, khoa học và đại chúng”.

- **Mục tiêu về quan hệ xã hội:** Phải bảo đảm dân chủ, công bằng, văn minh.

Theo Hồ Chí Minh, với tư cách làm chủ, là chủ của đất nước, nhân dân phải làm tròn nhiệm vụ của người chủ để xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó mọi người đều có quyền làm việc; có quyền nghỉ ngơi; có quyền học tập; có quyền tự do thân thể; có quyền tự do ngôn luận, báo chí, hoặc không theo một tôn giáo nào; có quyền bầu cử, ứng cử, lập hội, biểu tình; có quyền tự do tín ngưỡng, theo cử. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Nhà nước đảm bảo quyền tự do dân chủ cho công dân, nhưng nghiêm cấm lợi dụng các quyền tự do dân chủ để xâm phạm đến lợi ích của Nhà nước, của nhân dân.

Như vậy, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là xã hội dân chủ, công bằng, văn minh, tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng trong sự hài hòa với đời sống chung, lợi ích chung của tập thể.

Kết luận:

Quan niệm của Hồ Chí Minh về mục tiêu của chủ nghĩa xã hội được Đảng Cộng sản Việt Nam kế thừa, phát triển và ngày càng hoàn thiện dần cùng với sự phát triển tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội nói chung. Điều đó khiến cho nhu cầu tiếp cận chủ nghĩa xã hội từ mục tiêu cơ bản của nó đang dần trở nên bức thiết hơn trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước hiện nay.

Câu 3: Quan điểm của Hồ Chí Minh về tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ của thời kỳ quá độ

1. Tính chất của thời kỳ quá độ:

Đây là thời kỳ cải biến sâu sắc nhất nhưng phức tạp, lâu dài, khó khăn, gian khổ.

- Theo Hồ Chí Minh, thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là thời kỳ cải biến xã hội cũ thành xã hội mới - một xã hội hoàn toàn chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta.
- Đây là thời kỳ dân tộc ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm; phải xóa bỏ giai cấp bóc lột; phải biến một lớp dốt nát, cực khổ thành một nước có văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc trong điều kiện nước ta là một nước nông nghiệp lạc hậu mới thoát khỏi ách thực dân phong kiến. Nên nó là công cuộc biến đổi sâu sắc nhất khó khăn nhất thậm chí còn khó khăn phức tạp hơn cả việc đánh giặc. Vì vậy, tiến lên chủ nghĩa xã hội không thể một sớm một chiều không phải làm mau được mà phải làm dần dần.

2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ:

Đặc điểm lớn nhất của thời kỳ quá độ ở Việt Nam là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.

- Bước vào thời kỳ quá độ ở Việt Nam cũng có những đặc điểm giống như đặc điểm của các nước khác khi bước vào thời này như sự tồn tại đan xen giữa các yếu tố của xã hội cũ bên cạnh yếu tố của xã hội mới trên tất cả các lĩnh vực của đời sống.
- Từ thực tế xã hội Việt Nam, Hồ Chí Minh nhận thấy "đặc điểm to nhất của ta trong thời kỳ quá độ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội không phải kinh qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa".
- Cùng với những đặc điểm khác và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội đặc điểm này quy định nhiệm vụ của dân tộc ta trong thời kỳ quá độ.

3. Nhiệm vụ của thời kỳ quá độ: Đấu tranh cải tạo, bỏ xóa bỏ tàn tích của chế độ xã hội cũ, xây dựng các yếu tố mới phù hợp với quy luật tiến lên chủ nghĩa xã hội trên tất cả các lĩnh vực của đời sống, trong đó:

- **Về chính trị:** Phải xây dựng được chế độ dân chủ vì đây là bản chất của chủ nghĩa xã hội. Theo Hồ Chí Minh và chống tất cả các biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân, trước hết là trong Đảng, trong bộ máy chính quyền từ cấp cơ sở đến Trung ương đồng thời phải bồi dưỡng giáo dục để nhân dân có tri thức có năng lực làm chủ chế độ xã hội.
- **Về kinh tế:** Trong bối cảnh nền kinh tế của nước ta còn nghèo nàn, kỹ thuật lạc hậu, Hồ Chí Minh xác định nhiệm vụ quan trọng nhất của thời kỳ quá độ là phải cải tạo nền kinh tế cũ xây dựng nền kinh tế mới có công nghiệp và nông nghiệp hiện đại. Đây là quá trình xây dựng nền tảng vật chất và kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Xây dựng là nhiệm vụ chủ chốt và lâu dài và luôn gắn với việc thực hiện đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.
- **Về văn hóa:** Phải triệt để tẩy trừ mọi di tích thuộc địa và ảnh hưởng của văn hóa đế quốc; đồng thời phát triển những truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc và hấp thụ cái mới của văn hóa tiến bộ trên thế giới được xây dựng một nền văn hóa Việt Nam có tính dân tộc, khoa học và đại chúng.
- **Về các quan hệ xã hội:** Phải thay đổi triệt để những quan hệ cũ đã trở thành thói quen trong lối sống, nếp sống của con người; khi xây dựng được một xã hội dân chủ công bằng văn minh tôn trọng con người chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và đảm bảo cho nó được thỏa mãn để mỗi người có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình trong sự hài hòa với đời sống chung với lợi ích chung của tập thể.

Liên hệ với việc XDCNXH hiện nay ở VN

Câu 4: Quan điểm của Hồ Chí Minh về “Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản.”

*** Rút ra bài học từ sự thất bại của các phong trào cứu nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX ở Việt Nam**

Trước sự thất bại của những phong trào yêu nước chống thực dân Pháp vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, một vấn đề cấp bách đặt ra cho cách mạng Việt Nam là cách mạng

giải phóng dân tộc muốn thắng lợi thì phải đi theo con đường nào, ai lãnh đạo, lực lượng và phương pháp cách mạng ra sao...?

Từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược và đặt ách thống trị nước ta, vấn đề sống còn của dân tộc được đặt ra là phải đấu tranh để giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân đế quốc. Hàng loạt những phong trào yêu nước đã nổ ra nhưng không thành công đã nói lên sự khủng hoảng, bế tắc về giai cấp lãnh đạo và đường lối cách mạng. Hồ Chí Minh có chí hướng là muốn tìm kiếm con đường cứu nước, giải phóng dân tộc ở phương Tây: “Tôi muốn đi ra nước ngoài, xem nước Pháp và các nước khác. Sau khi xem xét họ làm như thế nào, tôi sẽ trở về giúp đồng bào chúng ta”.

***Sau khi Nghiên cứu và rút ra bài học từ các cuộc cách mạng Tư sản trên thế giới:**

Người quyết định không chọn con đường cách mạng tư sản vì: “Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hòa và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lục công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hằng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng áp bức”

***Tác động của cách mạng Tháng 10 Nga và Luận cương của Lênin tìm thấy con đường cứu nước.**

Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thắng lợi đã ảnh hưởng sâu sắc tới Hồ Chí Minh trong việc lựa chọn con đường cứu nước, giải phóng dân tộc. Người cho rằng: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam....Nói tóm lại là phải theo chủ nghĩa Mã Khắc Tư và Lênin”

Năm 1920 sau khi đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của Lênin, Hồ Chí Minh tìm thấy ở đó con đường cứu nước, giải phóng dân tộc: con đường cách mạng vô sản: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Đây là con đường cách mạng triệt để nhất phù hợp với yêu cầu của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại. Sau này, trong bài Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin, Người kể lại: “Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát

khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: “Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường giải phóng chúng ta”. Từ đó tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”.

***Học thuyết cách mạng vô sản của chủ nghĩa Mác-Lênin được người vận dụng một cách sáng tạo trong điều kiện cách mạng Việt Nam.**

Giải phóng dân tộc gắn với giải phóng giai cấp, trong đó giải phóng dân tộc là trước hết, trên hết. Theo Mác và Ăngghen, con đường cách mạng vô sản ở châu Âu là đi từ giải phóng giai cấp - giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng con người. Còn theo Hồ Chí Minh thì ở Việt Nam và các nước thuộc địa phải là: giải phóng dân tộc - giải phóng xã hội - giải phóng giai cấp - giải phóng con người.

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Trong Chánh cương vắn tắt của Đảng năm 1930, Hồ Chí Minh đã ghi rõ phương hướng chiến lược cách mạng Việt Nam: làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản. Phương hướng này vừa phù hợp với xu thế phát triển của thời đại vừa hướng tới giải quyết một cách triệt để những yêu cầu khách quan, cụ thể mà cách mạng Việt Nam đặt ra vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Trong văn kiện Đại hội VI Quốc tế cộng sản, khái niệm “cách mạng tư sản dân quyền” không bao hàm đầy đủ nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa. Còn trong Chánh cương vắn tắt, Hồ Chí Minh nêu rõ: Cách mạng tư sản dân quyền trước hết là phải đánh đổ đế quốc và bọn phong kiến, làm cho nước Nam được hoàn toàn độc lập... Cũng theo Quốc tế cộng sản, thì hai nhiệm vụ chống đế quốc và phong kiến phải được thực hiện đồng thời, khăng khít với nhau, nương tựa vào nhau, nhưng xuất phát từ một nước thuộc địa, Hồ Chí Minh không coi hai nhiệm vụ đó nhất loạt phải thực hiện ngang nhau, mà đặt lên hàng đầu nhiệm vụ chống đế quốc, giải phóng dân tộc, còn nhiệm vụ chống phong kiến, mang lại ruộng đất cho nông dân thì sẽ từng bước thực hiện. Cho nên trong Chánh cương, Người chỉ nêu “thâu hết ruộng đất của đế quốc chủ nghĩa làm của công, chia cho dân cày nghèo” mà chưa nêu ra chủ trương “người cày có ruộng”.

Ý nghĩa:

Từ những năm 20 của thế kỷ XX, với việc chứng kiến thực tiễn bối cảnh lịch sử trong nước và quốc tế trên hành trình tìm đường cứu nước của mình. Và đến khi tìm thấy được con đường cứu nước theo con đường của chủ nghĩa Mác-Lênin, thì Nguyễn Ái Quốc đã khẳng

định «*muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*».

Câu 5: Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của đại đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng.

1. Nội dung của đại đoàn kết dân tộc:

- Quan niệm đại đoàn kết dân tộc:

Đại đoàn kết toàn dân tộc – di sản vô giá, truyền thống cực kỳ quý báu của dân tộc Việt Nam được hun đúc qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước. Đại đoàn kết dân tộc đã trở thành một truyền thống quý báu của dân tộc Việt Nam. Tinh thần yêu nước, trọng nhân nghĩa, khoan dung, sự cố kết, đùm bọc yêu thương nhau đã thấm sâu vào tư tưởng, tình cảm, tâm hồn mỗi người dân, trở thành lẽ sống, chất kết dính gắn bó các thành viên trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam.

Lịch sử mấy ngàn năm tồn tại và phát triển của dân tộc ta đã chứng minh truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng đều kết thành sức mạnh vô địch, đưa Việt Nam vượt qua mọi khó khăn, thách thức, giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác, lập nên những kỳ tích vẻ vang. Nhờ tinh thần đoàn kết, nhân dân ta đã vượt qua mọi gian lao, thử thách, đánh thắng mọi kẻ thù xâm lược, giữ vững non sông bờ cõi, viết nên những trang sử vàng hào hùng của dân tộc.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, với tinh thần nhân văn cao cả và nhân quan chính trị sắc bén, Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng xây dựng và hoàn thiện tư tưởng đại đoàn kết toàn dân tộc, truyền bá và giáo dục tư tưởng đó trong toàn Đảng, toàn quân và toàn dân. Người nhận thức sâu sắc đoàn kết là để tạo nên sức mạnh quyết định thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù. Thực tế lịch sử đã chứng minh: Nhờ sức mạnh của đại đoàn kết mà cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Đoàn kết cần trên cơ sở hiệp thương dân chủ, chân thành, thẳng thắn, nhân ái, gắn với đấu tranh, tự phê bình và phê bình, có sự nhất trí về mục đích và lập trường rõ ràng. Đoàn kết phải trên cơ sở kế thừa truyền thống yêu nước – nhân nghĩa của dân tộc. Muốn đoàn kết phải có lòng khoan dung, độ lượng với con người, quy tụ mọi lực lượng. Bác Hồ cũng nhiều lần khẳng định trong mấy triệu người cũng có người thể này thể khác, nhưng đều là đồng

bào ta, ít nhiều họ đều có lòng yêu nước. Vì thế nên quy tụ mọi người bằng lòng chân thành, thương dân. Ngay cả “với những đồng bào lạc lối lầm đường, ta phải lấy tình thân ái mà cảm hóa họ.

Có như thế mới thành đại đoàn kết...

- Quan điểm của HCM về vai trò của đại đoàn kết dân tộc:

Trong những cống hiến to lớn của to lớn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam, tư tưởng đại đoàn kết dân tộc và việc xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc của Người là một cống hiến đặc sắc, có giá trị lý luận và giá trị thực tiễn hết sức quan trọng, tư tưởng đó được thể hiện qua đó được thể hiện qua một số nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, Đại đoàn kết dân tộc là vấn đề chiến lược, bảo đảm thành công của cách mạng:

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh trở thành vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với cách mạng Việt Nam. Đó là chiến lược tập hợp mọi lực lượng dân tộc, nhằm hình thành sức mạnh to lớn của cả dân tộc trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù dân tộc và kẻ thù giai cấp.

Chiến lược tập hợp mọi lực lượng dân tộc không phải là bất biến, mà luôn vận động, biến đổi, phát triển. Ở mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ phát triển của cách mạng có thể và cần thiết phải điều chỉnh các chính sách, phương pháp tập hợp lực lượng cho phù hợp với những đối tượng khác nhau trong cộng đồng dân tộc. Có như vậy chiến lược đại đoàn kết dân tộc mới phát huy hết vai trò tích cực của mình.

Đối với những đối tượng khác nhau và những thời kỳ lịch sử khác nhau, chiến lược đại đoàn kết dân tộc được khái quát thành những luận điểm có tính chân lý như sau:

“Đoàn kết là sức mạnh của chúng ta”

“Đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thắng lợi”

“Đoàn kết là then chốt của thành công”

“Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”

Đó là một tư tưởng cơ bản, nhất quán và xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam. Người cho rằng: “muốn giải phóng các dân tộc bị áp bức và nhân dân lao động phải tự mình cứu lấy mình bằng đấu tranh vũ trang cách mạng, bằng cách mạng vô sản”. Hồ Chí Minh cho

rằng, cuộc đấu tranh cứu nước của nhân dân ta cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX thất bại có một nguyên nhân sâu xa là cả nước đã không đoàn kết được thành một khối thống nhất. Người thấy rằng, muốn đưa cách mạng đến thành công phải có lực lượng cách mạng đủ mạnh để chiến thắng kẻ thù và xây dựng thành công xã hội mới.

Đoàn kết không phải là thủ đoạn chính trị nhất thời mà tư tưởng đoàn kết là tư tưởng cơ bản, nhất quán, xuyên suốt tiến trình cách mạng Việt Nam.

Đoàn kết quyết định thành công cách mạng vì: đoàn kết tạo nên sức mạnh, là then chốt của thành công. Muốn đưa cách mạng đến thắng lợi phải có lực lượng đủ mạnh, muốn có lực lượng phải quy tụ cả dân tộc vào một mối thống nhất. Giữa đoàn kết và thắng lợi có mối quan hệ chặt chẽ, quy mô, mức độ của thành công.

Đoàn kết phải luôn được nhận thức là vấn đề sống còn của cách mạng. Để thấy rõ hơn vị trí của sức mạnh lực lượng toàn dân đoàn kết trong thắng lợi của Cách Mạng Tháng Tám, chủ tịch Hồ Chí Minh còn chỉ ra: Vì sao có cuộc thắng lợi đó? Một phần là vì tình hình quốc tế thuận lợi cho ta. Nhất là vì lực lượng của toàn dân đoàn kết. Tất cả các dân tộc, các giai cấp, các địa phương, các tôn giáo đều nổi dậy theo là cờ Việt Nam để tranh lại quyền độc lập cho Tổ quốc. Lực lượng toàn dân là lực lượng vĩ đại hơn hết. Không ai thắng được lực lượng đó” Hồ Chí Minh đã rút ra kết luận: “Sử dạy cho ta bài học này: Lúc nào dân ta đoàn kết muôn người như một thì nước ta độc lập, tự do. Trái lại, lúc nào dân ta không đoàn kết thì bị nước ngoài xâm lấn”. Và Người khuyên dân ta rằng: “Dân ta xin nhớ chữ đồng: Đồng tình, đồng sức, đồng lòng, đồng minh” Đây chính là con đường đưa dân ta tới độc lập, tự do”.

Thứ hai, Đại đoàn kết dân tộc là mục tiêu và nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng:

Tư tưởng đại đoàn kết dân tộc phải được quán triệt trong mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng. Vì Đảng là lực lượng lãnh đạo duy nhất của cách mạng Việt Nam, sức mạnh của Đảng là ở sự nhất trí và sự đoàn kết trong Đảng là hạt nhân của sự đoàn kết của tất cả các tổ chức chính trị – xã hội và trong toàn xã hội.

Mục tiêu của Đảng hay của cách mạng là “Đoàn kết toàn dân, phụng sự Tổ quốc”. Muốn đoàn kết được lực lượng toàn dân, theo Hồ Chí Minh cần phải thấm nhuần quan điểm quần chúng, phải gần gũi quần chúng, lắng nghe quần chúng, tôn trọng quần chúng, biết vận

động, tổ chức, giáo dục quần chúng ...có như vậy mới được quần chúng ủng hộ, giúp đỡ và mục tiêu của Đảng mới được thực hiện. Hồ Chí Minh dạy rằng “Để trăm lần không dân cũng chịu; khó vạn lần dân liệu cũng song”.

Nhiệm vụ hàng đầu của cách mạng hay của Đảng Cộng sản là đại đoàn kết dân tộc để xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà. Bởi vì, Cách mạng là sự nghiệp của của quần chúng, do quần chúng và vì quần chúng. Muốn đoàn kết được lực lượng toàn dân, theo Hồ Chí Minh, cần phải tuyên truyền huấn luyện làm sao cho nhân dân hiểu được mục đích, chính sách, đường lối ấy. Người nói: “Một là đoàn kết. Hai là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ba là thống nhất nước nhà”.

Chỉ có như vậy thì mục tiêu, nhiệm vụ Đảng mới trở thành mục tiêu, nhiệm vụ của toàn dân tộc và đại đoàn kết mới trở thành một đòi hỏi khách quan của bản thân quần chúng trong cuộc đấu tranh tự giải phóng. Đảng có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp hướng dẫn những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức và thành sức mạnh.

Trong lời kết thúc buổi ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam ngày 3-3-1951, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Mục đích của Đảng Lao động Việt Nam có thể gồm trong tám chữ là: ĐOÀN KẾT TOÀN DÂN, PHỤNG SỰ TỔ QUỐC”

Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng, do quần chúng, vì quần chúng. Đại đoàn kết là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, là đòi hỏi khách quan của quần chúng nhân dân trong cuộc đấu tranh để tự giải phóng bởi nếu không đoàn kết thì chính họ sẽ thất bại trong cuộc đấu tranh vì lợi ích của chính mình. Nhận thức rõ điều đó, Đảng Cộng sản phải có sứ mệnh thức tỉnh, tập hợp, hướng dẫn quần chúng, chuyển những nhu cầu, những đòi hỏi khách quan, tự phát của quần chúng thành những đòi hỏi tự giác, thành hiện thực có tổ chức trong khối đại đoàn kết, tạo thành sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh vì độc lập của dân tộc, tự do cho nhân dân và hạnh phúc cho con người.

3. Ý nghĩa

Đại đoàn kết là nguồn lực cho sự phát triển của dân tộc. Tư tưởng HCM về đại đoàn kết dân tộc có ý nghĩa lý luận và thực tiễn đối với sự nghiệp cách mạng nước ta cả trong quá khứ và hiện nay.

Liên hệ bản thân

*Vận dụng:

Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đã từng bước vào nhiều cuộc chiến với quy mô, tính chất khác nhau. Từ cuối năm 2019, có một cuộc chiến không có tiếng súng nhưng lại rất nguy hiểm, ảnh hưởng đến tính mạng của người dân trên phạm vi toàn cầu. Đó là cuộc chiến chống Covid-19.

Ngay từ khi xuất hiện ca bệnh đầu tiên (ngày 22/1/2020), Việt Nam đã xác định đây là một dịch bệnh nguy hiểm, có khả năng ảnh hưởng đến nhiều người, trên phạm vi rộng nên cần phải nêu cao tinh thần: Chống dịch như chống giặc. Sự chủ động đó đã giúp cho Việt Nam đã đưa ra nhiều giải pháp hữu ích. Một trong những giải pháp đã mang lại hiệu quả cao là huy động sự tham gia của đông đảo nhân dân, phát huy sức mạnh toàn dân tộc trong công tác phòng, chống Covid-19.

Chủ trương của Đảng, Chính phủ huy động sức mạnh toàn dân tộc tham gia phòng, chống dịch.

Khi ca bệnh đầu tiên xuất hiện không lâu, ngày 29/1/2020, Ban Bí thư đã ban hành công văn số 79-CV/TW gửi các tỉnh, thành phố, các cơ quan Trung ương yêu cầu phải coi phòng, chống dịch là nhiệm vụ "trọng tâm, cấp bách". Từ đó, kêu gọi toàn thể nhân dân cả nước đoàn kết một lòng, thống nhất ý chí và hành động để tham gia chống dịch với quyết tâm cao, nỗ lực lớn.

Ngày 30/3/2020, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Nguyễn Phú Trọng ra lời kêu gọi toàn thể dân tộc Việt Nam ta hãy cùng chung sức, đồng lòng vượt qua mọi khó khăn, thách thức để chiến thắng đại dịch Covid-19. Lời kêu gọi nêu rõ: "Với tinh thần coi sức khỏe và tính mạng của con người là trên hết, tôi kêu gọi toàn thể đồng bào, đồng chí và chiến sĩ cả nước, đồng bào ta ở nước ngoài hãy đoàn kết một lòng, thống nhất ý chí và hành động, thực hiện quyết liệt, hiệu quả những chủ trương của Đảng và Nhà nước, sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Mỗi người dân là một chiến sĩ trên mặt trận phòng, chống dịch bệnh". Lời kêu gọi giống như một lời hiệu triệu khơi dậy tinh thần đoàn kết của cả dân tộc trong công tác phòng, chống dịch.

Đề cùng Đảng, Nhà nước tập trung phòng, chống dịch và có thêm nguồn lực để tăng cường các biện pháp phòng, chữa bệnh, bảo đảm an sinh xã hội, ngày 17/3/2020 Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ra Lời kêu gọi "Toàn dân ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19". Mục đích của Lời kêu gọi là phát huy tinh thần đoàn kết, đồng sức đồng lòng của toàn thể nhân dân Việt Nam trong công tác phòng, chống dịch.

Tỏa sáng truyền thống đại đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong công tác phòng, chống dịch Trước diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19, kế thừa truyền thống đại đoàn kết của dân tộc và hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ, nhân dân Việt Nam lại cùng chung tay, đồng lòng chống dịch. Tất cả tỉnh, thành phố, bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân đều nhiệt tình, tích cực tham gia phòng, chống dịch.

Đi đầu là lực lượng cán bộ, nhân viên ngành Y tế. Họ đã không kể ngày đêm tham gia xét nghiệm, sàng lọc, cứu chữa bệnh nhân bị mắc Covid-19. Mặc dù cũng có không ít nhân viên y tế bị nhiễm bệnh nhưng với tinh thần "tất cả vì cộng đồng", các y, bác sĩ trên tuyến đầu chống dịch đã nêu cao tinh thần đoàn kết, chia sẻ những khó khăn, vất vả trong các khu điều trị cách ly để hàng ngày, hàng giờ cứu chữa người bệnh. Đặc biệt, có nhiều sinh viên ngành y mặc dù chưa tốt nghiệp nhưng đã tình nguyện tham gia chống dịch tại địa phương cũng như xung phong đến những vùng dịch lớn để tăng cường cho các y, bác sĩ.

Lực lượng cán bộ các cấp, các ngành tại địa phương đã đồng sức, đồng lòng ngày đêm rà quét, khoanh vùng dập dịch tại các khu dân cư. Ở khắp cả nước, đã có nhiều Tổ Covid cộng đồng với sự tham gia của nhiều cán bộ cơ sở như công an, dân phòng, mặt trận, phụ nữ, thanh niên... Nhiều doanh trại quân đội được trưng dụng làm cơ sở cách ly cho nhân dân. Nhiều cán bộ, chiến sĩ sẵn sàng vào rừng nhường lại nơi ăn, chốn ở cho nhân dân có điều kiện tốt để cách ly. Trong các doanh trại cách ly của quân đội, người cán bộ, chiến sĩ vừa là người hướng dẫn nhân dân thực hiện đúng quy định của Nhà nước về cách ly tập trung song họ cũng giống như những người thân trong gia đình, luôn sẵn sàng giúp đỡ những người cách ly mỗi khi họ cần. Có thể nói, chưa bao giờ các doanh trại quân đội lại được sưởi ấm tình quân dân đến thế!

Với tinh thần "chống dịch như chống giặc", cả hệ thống chính trị của Việt Nam đã cùng vào cuộc để chung tay bảo vệ sức khỏe và tính mạng của nhân dân. Hưởng ứng Lời kêu gọi của Đảng, Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhân dân cả nước không chỉ đóng góp

công sức mà còn tích cực đóng góp tiền bạc, vật chất cho công tác phòng, chống dịch. Ở nhiều nơi trên khắp đất nước đã hình thành các ATM đặc biệt như ATM gạo, ATM mì, ATM khẩu trang và nhiều cửa hàng 0 đồng. Nhiều người dân, trong đó có cả những ca sĩ, người mẫu vốn chỉ quen ánh đèn sân khấu nhưng cũng đã chung tay phát đồ ăn, nhu yếu phẩm miễn phí cho nhân dân vùng dịch. Đã có nhiều bếp ăn từ thiện được mọc lên khắp nơi để lan tỏa tinh thần yêu thương, sẻ chia, tình đoàn kết của nhân dân Việt Nam. Hiếm có một đất nước nào mà có sự tham gia đông đảo, đầy trách nhiệm của Đảng, Chính phủ và các tầng lớp nhân dân trong cuộc chiến chống covid-19 như Việt Nam.

Biểu tượng cao đẹp nhất cho tinh thần đoàn kết của dân tộc Việt Nam trong cuộc chiến chống đại dịch là Quỹ Vaccine. Quỹ được thành lập ngày 26/5/2021 để tiếp nhận, quản lý, sử dụng các nguồn tài trợ, hỗ trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền, vaccine của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động mua, nhập khẩu vaccine, nghiên cứu, sản xuất vaccine trong nước và sử dụng vaccine phòng, chống Covi-19 cho nhân dân.

Ngay khi vừa thành lập, Quỹ Vaccine đã nhanh chóng nhận được sự đồng tình, ủng hộ của đông đảo nhân dân trong cả nước và kiều bào Việt Nam ở nước ngoài. Chỉ trong một thời gian ngắn, Quỹ đã nhận được sự ủng hộ nhiệt tình, to lớn không chỉ của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, tập đoàn... mà còn của các tầng lớp nhân dân, trong đó có nhiều em nhỏ, nhiều cụ già, cán bộ hưu trí và đông đảo kiều bào ở nước ngoài. Cho đến nay, Quỹ Vaccine đã tiếp nhận được 8.000 tỷ đồng số tiền đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước. Số tiền mà các tổ chức, cá nhân đóng góp không chỉ có giá trị vật chất mà còn thể hiện tinh thần đoàn kết, sẻ chia, cộng đồng trách nhiệm của nhân dân với Đảng và Chính phủ. Điều đó giúp cho Việt Nam tiếp tục được thế giới đánh giá cao trong việc phát huy được sức mạnh của cả dân tộc trong cuộc chiến chống đại dịch.

Cuộc chiến chống Covid-19 phía trước còn rất nhiều cam go với sự xuất hiện của nhiều ổ dịch mới, với những biến thể có tốc độ lây lan mạnh. Điều đó tiếp tục gây nên những khó khăn rất lớn cho Việt Nam và nhiều nước trên thế giới. Tuy nhiên, với tinh thần đại đoàn kết, sức mạnh của toàn thể dân tộc Việt Nam sẽ tiếp tục được nhân lên và trở thành động lực to lớn để nhân dân ta vượt qua những khó khăn, thử thách. Hơn bao giờ hết, tư tưởng

Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc đã được Đảng, Chính phủ kế thừa và phát huy có hiệu quả trong cuộc chiến chống đại dịch.

*** Liên hệ:**

Hiện nay thế hệ trẻ Việt Nam cần:

- Quán triệt tư tưởng đại đoàn kết là vấn đề sống còn của dân tộc.
- Không phân biệt các dân tộc, tôn giáo, các giai cấp, các ngành nghề trong một mặt trận dân tộc thống nhất.
- Cùng với tổ chức Đoàn thanh niên tuyên truyền tư tưởng đại đoàn kết dân tộc trong các lĩnh vực văn hóa, kinh tế và an ninh quốc phòng. Cương quyết chống lại những ý kiến xuyên tạc, gây mất đoàn kết trong nhân dân.
- Thực hiện chính sách đối ngoại, hòa bình hữu nghị, hợp tác với tinh thần “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước”, thực hiện mở cửa, mở rộng quan hệ đối ngoại hợp tác quốc tế, đoàn kết trong chủ trương và hành động cùng bảo vệ chủ quyền đất nước.
- Luôn nâng cao tinh thần cảnh giác, chống những luận điệu xuyên tạc về Đảng, về Chủ tịch Hồ Chí Minh, không ngừng nâng cao trình độ để thích ứng với điều kiện xã hội mới, áp dụng triệt để và linh hoạt các nguyên tắc của Người tùy theo vị trí của mình như tập trung dân chủ, kỷ luật nghiêm minh, tự giác trong công việc cũng như trong cuộc sống cộng đồng.
- Đẩy mạnh việc tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn của bản thân, tuyên truyền về đường lối chính sách của Đảng pháp luật của nhà nước. Chống các biểu hiện suy thoái về phẩm chất đạo đức, luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức.
- Cần có ý thức rèn luyện, tu dưỡng đạo đức: Cần gương mẫu rèn luyện phẩm chất tư cách, làm tròn những nhiệm vụ được Đảng và chính quyền giao phó. Có lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, hòa nhã với mọi người. Luôn tự rèn luyện và trau dồi phẩm chất đạo đức, lối sống.
- Thẳng thắn, trung thực bảo vệ công lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt, chân thành, khiêm tốn, không bao che khuyết điểm,... Luôn có ý thức giữ gìn đoàn kết trong tập thể, trong cơ quan đơn vị.

- Bản thân cần tự đặt mình trong tổ chức, trong tập thể, phải tôn trọng nguyên tắc, pháp luật, không chia bè kéo cánh để làm rối loạn gây mất đoàn kết nội bộ.

Câu 6: Quan điểm của Hồ Chí Minh về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

1. Nội dung:

- Vai trò của Đạo đức

Đạo đức là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người. Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là cái gốc của con người. Thiếu đạo đức thì không thể thành người. Hồ Chí Minh nhiều lần khẳng định đạo đức là gốc, là nền tảng, là sức mạnh, là tiêu chuẩn hàng đầu của người cách mạng. Người coi đạo đức như gốc của cây, như nguồn của sông suối.

Người nói, cán bộ, đảng viên muốn cho dân tin, dân phục, thì cần nhớ rằng: “Trước mặt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được họ yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách, đạo đức”.

Đạo đức trở thành nhân tố quyết định của sự thành bại của mọi công việc, phẩm chất mỗi con người. Bởi vì, có đạo đức cách mạng trong sáng mới làm được những việc cao cả, vẻ vang.

Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là đạo đức trong hành động, lấy hiệu quả thực tế làm thước đo. Chính vì vậy, Hồ Chí Minh luôn đặt đạo đức bên cạnh tài năng, gắn đức với tài, lời nói đi đôi với hành động và hiệu quả trên thực tế.

Đức và tài phải là những phẩm chất thống nhất của con người. Nếu đạo đức là tiêu chuẩn cho mục đích hành động thì tài là phương tiện thực hiện mục đích đó. Vì vậy, con người cần có cả đức và tài, nếu thiếu tài thì làm việc gì cũng khó, nhưng thiếu đạo đức thì vô dụng, thậm chí có hại. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, đức và tài, hồng và chuyên, phẩm chất và năng lực phải thống nhất làm một. Trong đó, đạo đức là gốc, là nền tảng của người cách mạng, đạo đức là gốc của tài, hồng là gốc của chuyên, phẩm chất là gốc của năng lực. Người đòi hỏi tài năng phải gắn chặt và đặt vững trên nền tảng đạo đức. Tài là thể hiện cụ thể của đức trong hiệu quả hành động. Đức có thể bổ sung sự khiếm khuyết của tài, nhưng tài không thể bù đắp được sự thiếu hụt của đức.

Vai trò của đạo đức còn thể hiện là thước đo lòng cao thượng của con người. Thực hành tốt đạo đức cá nhân không chỉ có tác dụng tôn vinh nâng cao giá trị của mình mà còn tạo ra sức mạnh nội sinh giúp ta vượt qua mọi thử thách.

Đức là gốc, là trước hết, tài cực kỳ quan trọng, không có tài thì không xây dựng, phát triển được đất nước. Đức bao gồm nếp ăn ở, sinh hoạt hằng ngày, trước hết là với gia đình, anh em, bạn bè, rộng ra là với quốc gia, dân tộc; học để làm việc, làm người, làm cán bộ.

- Nội dung quan điểm Cần kiệm liêm chính chí công vô tư.

Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là nội dung cốt lõi của đạo đức cách mạng, đó là phẩm chất đạo đức gắn liền với hoạt động hằng ngày của mỗi người. Vì vậy, Hồ Chí Minh đã đề cập phẩm chất này nhiều nhất, thường xuyên nhất, phản ánh ngay từ Đường Kách mệnh đến bản Di chúc cuối đời.

Hồ Chí Minh chỉ rõ, “Bọn phong kiến ngày xưa nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không bao giờ làm mà lại bắt nhân dân tuân theo để phụng sự quyền lợi cho chúng. Ngày nay ta đề ra cần, kiệm, liêm, chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân theo để lợi cho nước cho dân”. Với ý nghĩa như vậy, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư cũng là một biểu hiện cụ thể của phẩm chất “trung với nước, hiếu với dân”.

“Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” cũng là những khái niệm cũ trong đạo đức truyền thống dân tộc, được Hồ Chí Minh lọc bỏ những nội dung không phù hợp và đưa vào những nội dung mới đáp ứng yêu cầu của cách mạng.

Cần tức là siêng năng, chăm chỉ, cố gắng dẻo dai. Muốn cho chữ Cần có nhiều kết quả hơn, thì phải có kế hoạch cho mọi công việc. Cần tức là lao động cần cù, siêng năng; lao động có kế hoạch, sáng tạo, có năng suất cao; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng. Phải thấy rõ, “Lao động là nghĩa vụ thiêng liêng, là nguồn sống, nguồn hạnh phúc của chúng ta” .

Kiệm là tiết kiệm, không xa xỉ, không hoang phí, không bừa bãi. Kiệm tức là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thì giờ, tiết kiệm tiền của của dân, của nước, của bản thân mình; không phô trương hình thức, không liên hoan chè chén lu bù. Tiết kiệm không phải là bủn xỉn. Khi không tiêu xài thì một đồng cũng không nên tiêu. Khi có việc đáng làm, việc lợi ích cho đồng bào, cho Tổ quốc, thì dù bao nhiêu công, tốn bao nhiêu của, cũng vui lòng. Như

thể mới đúng là tiết kiệm. Việc đáng tiêu mà không tiêu, là bủn xỉn, chứ không phải là tiết kiệm. Tiết kiệm phải kiên quyết không xa xỉ. “Cần với kiệm, phải đi đôi với nhau, như hai chân của con người”. Hồ Chí Minh yêu cầu “Phải cần kiệm xây dựng nước nhà”.

Liêm là trong sạch, không tham lam; là liêm khiết, luôn luôn tôn trọng giữ gìn của công, của dân, Liêm là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ”. Chữ Liêm phải đi đôi với chữ Kiệm. Cũng như chữ Kiệm phải đi với chữ Cần. Có Kiệm mới Liêm được.

Chính nghĩa là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì không đứng đắn, thẳng thắn, tức là tà. Chính được thể hiện rõ trong 3 mối quan hệ: “Đối với mình - Chớ tự kiêu, tự đại”. “Đối với người ... Chớ nịnh hót người trên. Chớ xem khinh người dưới. Thái độ phải chân thành, khiêm tốn ... Phải thực hành chữ Bác - Ái”. “Đối với việc: Phải để công việc nước lên trên, trước việc tư, việc nhà”. Bác Hồ đã dạy: “Việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm. Việc ác thì dù nhỏ mấy cũng tránh”.

Hồ Chí Minh cho rằng, các đức tính cần, kiệm, liêm, chính có quan hệ chặt chẽ với nhau, ai cũng phải thực hiện, song cán bộ, đảng viên phải là người thực hành trước để làm kiểu mẫu cho dân. Người thường nhắc nhở cán bộ, công chức, những người trong các công sở đều có nhiều hoặc ít quyền hạn. Nếu không giữ đúng cần, kiệm, liêm, chính thì dễ trở nên hủ bại, biến thành sâu mọt của dân.

Chí công vô tư, là hoàn toàn vì lợi ích chung, không vì tư lợi; là hết sức công bằng, không chút thiên vị, công tâm, luôn đặt lợi ích của Đảng, của nhân dân, của dân tộc lên trên hết, trước hết; Chỉ biết vì Đảng, vì dân tộc, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Chí công vô tư là nêu cao chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân. Người nói: “Đem lòng chí công vô tư mà đối với người, với việc”. “Khi làm bất cứ việc gì cũng đừng nghĩ đến mình trước, khi hưởng thụ thì mình nên đi sau”.

Chí công vô tư, về thực chất là nối tiếp cần, kiệm, liêm, chính. Người giải thích: “Trước nhất là cán bộ các cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ, có quyền mà thiếu lương tâm là có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút, có dịp “dĩ công tư”.

Vì vậy, cán bộ phải thực hành chữ Liêm trước, để làm kiểu mẫu cho dân”.

Hồ Chí Minh quan niệm: “Một dân tộc biết cần, kiệm, liêm, chính là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, là một dân tộc văn minh tiên bộ” Cần, kiệm, liêm, chính còn là nền tảng của đời sống mới, của các phong trào thi đua yêu nước. Để trở thành người có phẩm chất đạo đức tốt, phải hội đủ các yếu tố cần, kiệm, liêm, chính. Hồ Chí Minh coi cần, kiệm, liêm, chính là bốn đức tính cơ bản của con người, giống như bốn mùa của trời, bốn phương của đất; “Thiếu một đức, thì không thành người”

3. Ý nghĩa

- Đạo đức cách mạng nhằm đem lại tự do, hạnh phúc cho con người.
- Tu dưỡng đạo đức phải gắn liền với hoạt động thực tiễn. Thông qua thực tiễn, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu.

2. Vận dụng, liên hệ:

Là sinh viên chúng ta phải thực hiện đúng lời dạy: “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” nêu cao phẩm giá con người Việt Nam trong thời kỳ mới. “Cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” là chuẩn mực đạo đức truyền thống trong quan hệ”đối với mình”, được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa, vận dụng và phát triển phù hợp với yêu cầu sự nghiệp cách mạng, trở thành chuẩn mực cơ bản đạo đức cách mạng.

- **Cần:** là sinh viên của một trường đại học thì nhiệm vụ của một người sinh viên là tích cực học tập nâng cao trình độ bản thân để sau này ra trường trang bị được những kiến thức phục vụ cho bản thân và xã hội. Không phải học để đối phó, học để lấy điểm mà cái chủ yếu là lấy kiến thức cho mình, không hiểu thì phải hỏi, không giỏi thì phải học. Sinh viên là thế hệ trẻ, thế hệ của đất nước thì phải cần cù, như Bác đã nói”Cần cù bù thông minh”.
- **Kiệm:** Khi đang ngồi trên ghế nhà trường chưa có công việc, kéo theo là bản thân chưa kiếm được tiền, vật chất, cuộc sống còn phụ thuộc vào gia đình thì sinh viên cần tiết kiệm, dành thời gian rảnh rỗi làm nhiều việc có ích hơn như: làm tình nguyện, thể dục thể thao tìm kiếm thông tin để hiểu biết hơn.
- **Liêm:** là một đức tính tốt của con người cũng như trong xã hội hiện nay, đức tính này thể hiện một con người có tính cách liêm chính. Là sinh viên thì chúng ta không

nên nịnh hót ưa nịnh và quá tự kiêu điều đó dẫn đến mọi người xem thường, việc cần làm là sống một cách giản dị, trong sạch, ngay thẳng, biết phải trái đúng sai.

- **Chính:** là bản thân thì cần phải làm là tôn trọng người khác không xem thường những người kém may mắn mà cần phải giúp đỡ họ hơn nữa. Hãy sống đúng với khả năng của mình từ việc rèn luyện học tập không ngừng, trau dồi đạo đức kiến thức thực tế hơn làm cho mỗi sinh viên là một công dân tốt của xã hội.
- **Chí công vô tư:** Là tính tốt thể hiện 5 điều: nhân, nghĩa, trí, dũng, liêm. Bồi dưỡng phẩm chất đạo đức cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư là để người cách mạng vững vàng vượt qua mọi thử thách: “Giàu sang không quyến rũ, nghèo khó không thể chuyển lay, uy vũ không thể thuyết phục”. Cần phải thực hiện tốt 5 điều nhân, nghĩa, trí, dũng liêm.
- Tích cực học tập, rèn luyện, nâng cao ý thức bản thân. Tích cực học tập văn hóa, khoa học - kỹ thuật...; sử dụng những tri thức đó để xây dựng xã hội mới. Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng, nhiệm vụ này quan trọng hơn bao giờ hết, bởi chúng ta đi lên chủ nghĩa xã hội từ một nước nông nghiệp lạc hậu. Người viết: “Đại học thì cần kết hợp lý luận khoa học với thực hành, ra sức học tập lý luận và khoa học tiên tiến các nước bạn, kết hợp với thực tiễn nước ta, để thiết thực giúp ích cho công cuộc xây dựng nước nhà.
- Trung học thì cần đảm bảo cho học trò những tri thức phổ thông chắc chắn, thiết thực, thích hợp với nhu cầu và tiền đề xây dựng nước nhà, bỏ những thành phần nào không cần thiết cho đời sống thực tế. Tiểu học thì cần giáo dục các cháu thiếu nhi: yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, trọng của công”. Có như vậy, thế hệ trẻ mới có thể tích lũy được những tri thức cần thiết, tạo tiền đề phát huy năng lực sáng tạo, góp phần quan trọng vào sự nghiệp bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội của dân tộc.
- Thực hiện chí công, vô tư là kiên quyết chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng. Đối với sinh viên cần phải thẳng thắn, trung thực, bảo vệ chân lý, bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, bảo vệ người tốt; chân thành, khiêm tốn; không chạy theo chủ nghĩa thành tích, không bao che, giấu giếm khuyết điểm của bản thân...

- Thực hiện cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư phải kiên quyết chống bệnh lười biếng, lối sống hưởng thụ, vị kỷ, nói không đi đôi với làm, nói nhiều, làm ít.

Câu 7: Quan điểm của Hồ Chí Minh về các nguyên tắc xây dựng đạo đức mới

Trình bày vai trò của đạo đức

Đạo đức là gốc của người cách mạng, là nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người.....

Quan điểm của Hồ Chí Minh về các nguyên tắc xây dựng đạo đức mới?

1.Nói phải đi đôi với làm, phải nêu gương về đạo đức.

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, Hồ Chí Minh luôn luôn nêu gương sáng về đạo đức, Người nói ít làm nhiều, có nhiều vấn đề về đạo đức Người làm mà không nói, phải đi sâu nghiên cứu hành vi đạo đức của Người mới thấy được bản chất sâu xa của tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Đối với cán bộ đảng viên Hồ Chí Minh nêu: "... Trước mặt quần chúng không phải ta cứ viết lên trán hai chữ cộng sản mà được họ yêu mến. Quần chúng chỉ yêu mến những người có tư cách, đạo đức muốn hướng dẫn nhân dân mình phải làm mực thước cho người ta bắt chước". Trong cuốn đường cách mệnh, khi nói về tư cách người cách mệnh Hồ Chí Minh viết: "Nói thì phải làm" "Có lòng bày vẽ cho người" hay trong tác phẩm nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân, Hồ Chí Minh yêu cầu Đảng cần thực hiện "Đảng viên đi trước, làng nước theo sau" . Luận điểm ấy đã khẳng định rất rõ vấn đề nêu gương có tầm quan trọng đặc biệt trong đời sống đạo đức, nhất là đối với trách nhiệm của cán bộ, đảng viên. Những tấm gương về đạo đức phải được hiểu theo cả nghĩa rộng và nghĩa hẹp, có tấm gương chung và riêng, lớn nhỏ, xa gần. Một nền đạo đức mới chỉ được xây dựng trên một nền rộng lớn, vững chắc, những phẩm chất chuẩn mực đạo đức đã trở thành hành vi đạo đức hàng ngày phổ biến trong toàn xã hội mà những tấm gương đạo đức của những người tiêu biểu, những người tốt việc tốt có ý nghĩa thúc đẩy cho quá trình đó. Tấm gương đạo đức của Hồ Chí Minh là tấm gương chung cho cả dân tộc, cho các thế hệ mai mãi về sau. Nhưng còn nhiều tấm gương của các vị anh hùng, chiến sỹ thi đua những tấm gương của những người tiêu biểu cho từng ngành, từng cấp, những tấm gương "Người tốt việc tốt" rất gần gũi trong đời thường có ở mọi lúc mọi nơi mà chúng ta không thể coi thường. Về vấn đề này Hồ Chí Minh đã nói: "Người tốt, việc tốt nhiều lắm ở đâu cũng có. Ngành nào, giới nào, địa phương nào, lứa tuổi nào cũng có".

2. Xây đi đôi với chống

Theo Hồ Chí Minh trong đời sống hàng ngày cái tốt, cái xấu, đạo đức, phi đạo đức luôn luôn đan xen lẫn nhau. Chính vì vậy vừa phải xây dựng đạo đức mới, vừa phải chống cái phi đạo đức.

Muốn xây phải chống, chống nhằm mục đích cho xây. Cũng vì vậy Hồ Chí Minh căn dặn toàn Đảng: “Phải cương quyết quét sạch chủ nghĩa cá nhân nâng cao đạo đức cách mạng bồi dưỡng tư tưởng tập thể, tinh thần đoàn kết, tính tổ chức và kỷ luật”. Việc xây dựng đạo đức mới trước hết phải được tiến hành bằng việc giáo dục những phẩm chất, chuẩn mực đạo đức từ trong gia đình, nhà trường, xã hội nhất là trong những tập thể gắn với hoạt động mỗi người. Vấn đề quan trọng trong việc giáo dục đạo đức là phải khơi dậy ý thức đạo đức lành mạnh ở mọi người để mọi người tự giác nhận thức được trách nhiệm đạo đức của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói, Cảm nhận thấy sâu sắc việc trau dồi đạo đức cách mạng là việc làm “Sung sướng vẻ vang nhất trong đời này” tiếp nhận sự giáo dục đạo đức là vấn đề nhất thiết không thể thiếu được, nhưng sự tự giáo dục, tự trau dồi đạo đức ở mỗi người còn quan trọng hơn nhiều đó cũng chính là điều mà Hồ Chí Minh nói về niềm vui của việc trau dồi đạo đức phải trở thành phổ biến trong xã hội. Khi xây dựng, bồi dưỡng phẩm chất đạo đức mới phải gắn liền chống lại cái xấu, cái sai, cái vô đạo đức thường diễn ra hàng ngày. Để xây và chống có kết quả để tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi. Muốn xây dựng đạo đức mới, chung quy lại phải chống cho được chủ nghĩa cá nhân. Trong tác phẩm: Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân được công bố vào ngày 3/2/1969, nhân kỷ niệm lần thứ 39 ngày thành lập Đảng cộng sản Việt Nam đã mang ý nghĩa xây đi đôi với chống. Muốn nêu cao đạo đức cách mạng phải quét sạch chủ nghĩa cá nhân.

3. Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời

Theo Hồ Chí Minh, Người đã nhiều lần chỉ rõ: Mỗi con người phải thường xuyên chăm lo tu dưỡng đạo đức như việc rửa mặt hàng ngày đây cũng là công việc phải kiên trì bền bỉ suốt đời, không người nào có thể chủ quan tự mãn. Theo Người: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”.

Nếu không thường xuyên rèn luyện thì lúc khó khăn có thể vượt qua, có công với cách mạng, nhưng đến khi an nhàn lại xa vào chủ nghĩa cá nhân trở thành con người ngăn cản cách mạng, cho dân, cho nước. Cũng chính vì lẽ đó mà tu dưỡng đạo đức phải gắn với thực tiễn bền bỉ trong mọi lúc mọi nơi, mọi hoàn cảnh, có như vậy mới phân biệt được đạo đức mới khác với đạo đức cũ. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh thì mỗi con người đều có cái tốt, cái xấu vấn đề là không tự lừa dối mình mà nhìn thẳng vào mình thấy rõ cái tốt, cái thiện để phát huy, thấy cái xấu, cái ác để khắc phục. Vì vậy việc tu dưỡng rèn luyện phải được thực hiện trong hoạt động thực tiễn. Hồ Chí Minh là một tấm gương suốt đời tự rèn luyện và trở thành tấm gương tuyệt vời về con người mới. Những đức tính quý báu của người không phải là bẩm sinh có được mà do quá trình tu dưỡng rèn luyện học tập, từng bước hấp thụ tinh hoa đạo đức dân tộc và nhân loại mà đã trở thành tư tưởng bất tử. Đây là những nhân tố cơ bản để hình thành đạo đức cách mạng của người Việt Nam trong thời đại mới, nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức luôn luôn có ý nghĩa lý luận và thực tiễn hết sức sâu sắc, là động lực, là sức mạnh thắng lợi của cách mạng Việt Nam trong suốt 78 năm qua và đang tiếp tục tỏa sáng trên con đường xây dựng đất nước Việt nam trong giai đoạn mới. Thực tế cuộc sống hiện nay cho thấy, việc vận dụng tư tưởng, đạo đức, tác phong Hồ Chí Minh là hết sức cần thiết, là công việc quan trọng để mỗi chúng ta góp sức mình vào việc xây dựng đất nước.

(Thẩm nhuần tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh, Tại hội nghị TW 6(lần 2) khoá VIII (tháng 2/1999) của Đảng cộng sản Việt nam đã đề ra cuộc vận động và xây dựng chính đồn Đảng. Trong đó Đảng đặc biệt chú trọng các nguyên tắc về xây dựng đạo đức mới mà Hồ Chí Minh đã đưa ra.

Hội nghị TW 6 khoá IX chỉ rõ: Cần phải tiếp tục thực hiện nghị quyết hội nghị lần thứ II Ban chấp hành Trung ương khóa VIII về giáo dục – đào tạo và nhấn mạnh phải nâng cao chất lượng giảng dạy các môn khoa học xã hội nhân văn, nhất là các môn Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh. Và đặc biệt là chỉ thị số 06/CT-TW ngày 7 tháng 11 năm 2006 của Bộ Chính trị về cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Để làm tốt cuộc vận động các tổ chức Đảng cần tăng cường công tác giáo dục trong toàn Đảng về lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, đường lối chính sách của Đảng, nhiệm vụ đạo đức của người

đảng viên. Từng cán bộ, đảng viên phải đặt lợi ích của Đảng của nhân dân lên trên hết, phát huy dân chủ, nâng cao đạo đức cách mạng, từng bước quét sạch chủ nghĩa cá nhân, học tập nâng cao trình độ, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Học tập tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh cần gắn việc học tập với giải quyết những vấn đề thực tiễn đang đặt ra trong các cơ quan, đơn vị, nhằm phê phán những biểu hiện tiêu cực đang diễn ra giúp cho cán bộ, đảng viên nâng cao nhận thức, giác ngộ trước những lỗi lầm sai phạm, tự giác thực hành sửa chữa, đồng thời phát hiện những nhân tố mới, những điển hình người tốt, việc tốt, những tấm gương sáng tiêu biểu để nhân rộng, tạo nên một phong trào sống chiến đấu, lao động và học tập theo đạo đức Hồ Chí Minh mang đầy đủ ý nghĩa thực tiễn và có sức thuyết phục.

) phần này phải tóm tắt y chính thôi. Không thể chép hết được đâu các ẹm nhé. Vì nó sẽ rất dài)

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức đối với học sinh, sinh viên hiện nay.

– Nói đi đôi với làm – chống thói đạo đức giả. Hồ Chí Minh là một tấm gương sáng tuyệt vời về nói đi đôi với làm. Đạo đức cách mạng là đạo đức luôn được nhận thức và giải quyết trên lập trường của giai cấp công nhân, phục vụ lợi ích của cách mạng. Điều này phân biệt rạch ròi với thói đạo đức giả, đạo đức của giai cấp bóc lột với những bản chất nói nhiều, làm ít, nói mà không làm...

Nói đi đôi với làm còn nhằm chống thói đạo đức giả. Nói không đi đôi với làm sẽ dẫn tới nguy cơ làm mất lòng tin của dân đối với Đảng và chế độ mới. – Phải nêu gương (những tấm gương) về đạo đức. Nêu gương đạo đức, nói đi đôi với làm là một nét đẹp của văn hóa phương Đông. Theo Hồ Chí Minh, hơn bất kì 1 lĩnh vực nào khác, trong lĩnh vực đạo đức đặc biệt phải chú trọng “đạo làm gương”. Phát hiện, xd những điển hình người tốt việc tốt. Xây dựng đạo đức mới, nêu gương đạo đức phải rất chú trọng tính chất phổ biến, rộng khắp, vững chắc của toàn xã hội và những hạt nhân “người tốt, việc tốt” tiêu biểu.

-Xây đi đôi với chống Làm cách mạng là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa xây và chống. Xây là giáo dục những phẩm chất đạo đức mới, đạo đức cách mạng cho con người Việt Nam trong thời đại mới theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chống là chống các biểu hiện, các hành vi vô đạo đức, chống chủ nghĩa cá nhân, cửa quyền, hách dịch. Xây đi đôi với chống trên cơ sở tự giáo dục, đồng thời phải tạo thành phong trào quần chúng rộng rãi. Điều này thuộc quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Bởi vì chủ nghĩa xã hội là công trình tập

thể của quần chúng nhân dân tự xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Chống và xử lý nghiêm là nhằm xây, đi liền với xây và muốn xây thì phải chống. Mục đích cuối cùng là xây dựng con người có đạo đức và nền đạo đức mới Việt Nam. Vì vậy, phải xác định đây là nhiệm vụ chủ yếu và lâu dài.

- Phải tu dưỡng đạo đức suốt đời. Tu dưỡng đạo đức là một truyền thống tốt đẹp của dân tộc và văn hóa phương Đông. Hồ Chí Minh nói: “Chúng ta phải nhớ câu “Chính tâm, tu thân” để “trị quốc bình thiên hạ”. Dù khó khăn gian khổ, nhưng muốn cải tạo thì nhất định thành công. Mỗi người cần phải nhìn thẳng vào mình, phải kiên trì rèn luyện, tu dưỡng bền bỉ suốt đời phải như công việc rửa mặt hàng ngày. Nếu không sẽ dễ sa vào chủ nghĩa cá nhân thì có thể ngày hôm qua có công với cách mạng, nhưng ngày hôm nay lại có tội với nhân dân.

Đạo đức cách mạng là nhằm giải phóng và đem lại hạnh phúc, tự do cho con người, đó là đạo đức của những con người được giải phóng. Vì vậy, tu dưỡng đạo đức phải gắn liền với hoạt động thực tiễn, trên tinh thần tự giác, tự nguyện, dựa vào lương tâm và trách nhiệm của mỗi người.

2. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức đối với học sinh, sinh viên hiện nay.

Học tập và làm theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh – Xác định đúng vị trí và vai trò của đạo đức đối với cá nhân Hồ Chí Minh cho rằng việc tu dưỡng đạo đức của mỗi cá nhân, mỗi con người có vai trò vô cùng quan trọng đặc biệt là thế hệ trẻ, vì họ là người chủ tương lai của nước nhà, là cái cầu nối giữa các thế hệ. – Kiên trì tu dưỡng theo các phẩm chất đạo đức Hồ Chí Minh. Trong bài nói tại đại hội sinh viên VN lần thứ hai ; 7/5/1958; những phẩm chất đó đợc người tóm tắt trong 6 cái yêu Yêu tổ quốc, yêu nhân dân: là phải làm sao cho tổ quốc ta giàu mạnh, biết chia sẻ những lo lắng vui buồn với nhân dân. Cần cù sáng tạo trong học tập. Sống nhân nghĩa có đạo lý. – Tu dưỡng theo các nguyên tắc đạo đức Hồ Chí Minh. Kiên trì tu dưỡng đạo đức CM. Nói đi đôi với làm. + Kết hợp giữa xây đạo đức mới và chống biểu hiện suy thoái đạo đức. **Nội dung học tập theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh**

Một là, học trung với nước học hiếu với dân, suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người Hai là, học cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, đời riêng trong sáng, nếp sống giản dị và đức tính khiêm tốn phi thường Ba là,

học đức tin tuyệt đối vào sức mạnh của nhân dân, kính trọng nhân dân và hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; luôn nhân ái, vị tha, khoan dung và nhân hậu với con người. Bốn là, học tấm gương về ý chí và nghị lực tinh thần to lớn, quyết tâm vượt qua mọi thử thách, gian nguy để đạt được mục đích cuộc sống.

Tích cực đấu tranh phòng chống những biểu hiện tình trạng đạo đức suy thoái trong xã hội; thực hiện tốt đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và có ý thức tuyên truyền, vận động gia đình và nhân dân thực hiện theo đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; Luôn có ý thức tự học tự rèn luyện kiến thức, rèn luyện bản thân thực hiện tốt công việc của mình. + Phẩm chất đạo đức, lối sống: Luôn tuân theo “cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư” theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ mọi người xung quanh; Thực hành tiết kiệm, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu; Tích cực đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng, nói không đi đôi với làm, lợi dụng chức vụ để thu vén lợi ích cho bản thân và gia đình; bản thân cần giữ gìn tư cách, phẩm chất đạo đức cách mạng và gương mẫu thực hiện những quy định của cơ quan tổ chức; Đảng viên cần nêu cao tinh thần trách nhiệm của mình đối với nhân dân và làm gương cho nhân dân, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, thẳng thắn, đoàn kết với mọi người, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc; Có ý thức trong tự phê bình và phê bình; biết tôn trọng và lắng nghe ý kiến của người khác; tích cực đấu tranh với những biểu hiện chia rẽ bè phái, đấu tranh chống chủ nghĩa tiêu cực, cực đoan, tư tưởng sai lệch.

Câu 8: Quan điểm của Hồ Chí Minh về Trung với nước, hiếu với dân

1. Vai trò của đạo đức

- Đạo đức là gốc của người cách mạng (*nguồn nuôi dưỡng và phát triển con người như gốc của cây, ngọn nguồn của sông suối*).

- Đạo đức là nhân tố tạo nên sức hấp dẫn của CNXH (*Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân*).

Trong di sản tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không có nhiều tác phẩm lớn về đạo đức, nhưng qua những bài viết, bài nói và những việc làm cụ thể của Người đã thể hiện những quan điểm cơ bản, toàn diện, sâu sắc về vai trò, nội dung và những nguyên tắc xây dựng

đạo đức mới đạo đức cách mạng. Trong bài viết này, chúng tôi xin được góp phần tìm hiểu, làm rõ thêm một trong những chuẩn mực cơ bản nhất trong nội dung tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh đã được khái quát trong sáu chữ: "Trung với nước, hiếu với dân".

1. **Trung với nước, hiếu với dân** trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh không phải là những điều mới được đặt ra, mà đó là những phẩm chất đạo đức vốn có từ xa xưa trong tư tưởng đạo đức truyền thống phương Đông nói chung và đạo đức truyền thống Việt Nam nói riêng.

Theo Người, trung là trung với nước, là trung thành với lợi ích của quốc gia, dân tộc, với sự nghiệp đấu tranh cách mạng của Đảng, với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa... Nước ở đây với ý nghĩa "Dân là con nước, nước là mẹ chung", là nước của dân, của toàn dân tộc chứ không phải của riêng ai, và chính mỗi người dân là những "chủ nhân ông" của đất nước. Mỗi quan hệ nước-dân, dân-nước mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc, hòa quyện với nhau trong một thể thống nhất về trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi công dân với cộng đồng, quốc gia, dân tộc.

Về chữ hiếu, theo Hồ Chí Minh, là hiếu với dân. Hiếu với dân không phải chỉ là hiếu với cha mẹ mình như người xưa vẫn nói, mà là hiếu với nhân dân, với toàn dân tộc, vì "nước lấy dân làm gốc", dân là "gốc" của nước. Bác Hồ từng chỉ rõ: "Trong bầu trời không gì quý bằng nhân dân... Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân"(1); "Nhân dân ta từ lâu đã sống với nhau có tình có nghĩa như thế. Từ khi có Đảng ta lãnh đạo và giáo dục, tình nghĩa ấy càng cao đẹp hơn, trở thành tình nghĩa đồng bào, đồng chí, tình nghĩa năm châu bốn biển một nhà... đạo đức ngày nay cao rộng hơn: không phải chỉ có hiếu với bố mẹ, mà trung với nước, hiếu với dân"(2); "Người kiên quyết cách mạng nhất lại là người đa tình, chí hiếu nhất. Vì sao? Nếu không làm cách mạng thì chẳng những bố mẹ mình mà hàng chục triệu bố mẹ người khác cũng bị đế quốc phong kiến giày vò. Mình không những cứu bố mẹ mình mà còn cứu bố mẹ người khác, bố mẹ của cả nước nữa...Chữ tình, chữ hiếu, cũng phải hiểu một cách rộng và hiểu như thế mới là đúng"...

2. **Trung với nước, hiếu với dân theo tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh** được thể hiện trong mọi công việc cách mạng của Đảng, trong từng suy nghĩ, việc làm cụ thể của mỗi cán bộ, đảng viên và mỗi người dân. Dù mục tiêu, nhiệm vụ trong từng thời kỳ cách mạng

khác nhau, nhưng yêu cầu về trung, hiếu luôn nhất quán và là tiêu chí chung cho cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân học tập và rèn luyện. Đó là, lòng yêu nước thương nòi, tự hào với truyền thống vẻ vang của dân tộc; là bổn phận và trách nhiệm của mỗi người dân với cộng đồng, với sự nghiệp của Đảng và dân tộc, với sự hưng vong của đất nước; là ý chí và nghị lực vươn lên vượt qua mọi khó khăn, thử thách, sẵn sàng hy sinh vì mục tiêu chung của sự nghiệp cách mạng; là sự tin yêu, kính trọng nhân dân. Vì vậy, trong suốt quá trình xây dựng Đảng, lãnh đạo cách mạng, Bác thường xuyên quan tâm tới việc nâng cao tinh thần trung, hiếu ở mỗi người dân Việt Nam yêu nước nói chung, cán bộ, đảng viên nói riêng, và đòi hỏi họ phải luôn ghi sâu trong lòng những chữ "trung với nước, hiếu với dân". Chúng ta có thể thấy rõ điều này ngay từ những ngày đầu cách mạng. Khi mở lớp huấn luyện, đào tạo lớp cán bộ đầu tiên của Đảng (ở Quảng Châu, Trung Quốc), một trong những vấn đề đầu tiên đồng chí Nguyễn Ái Quốc quan tâm là, đào tạo những người tự nguyện hy sinh phấn đấu suốt đời cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người; học tập, tìm hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin là để "giữ chủ nghĩa cho vững", tuyệt đối trung thành với sự nghiệp lớn của Đảng, biết đoàn kết và tổ chức quần chúng thực hiện.

Khi Đảng ta được thành lập, Người luôn nhắc nhở : "Mỗi người đảng viên, mỗi người cán bộ từ trên xuống dưới đều phải hiểu rằng: mình vào Đảng để làm đầy tớ cho nhân dân. Bác nhấn mạnh: Làm đầy tớ nhân dân chứ không phải là "quan" nhân dân"(4). Khi Đảng ta trở thành Đảng cầm quyền, lãnh đạo toàn dân vừa kháng chiến vừa kiến quốc, dù ở đâu, làm gì, Người cũng chỉ tâm niệm một điều rằng: "Đảng ta là Đảng cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng ta không có lợi ích gì khác", "Chính sách của Đảng và Chính phủ là phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân". Vì vậy, Người luôn chỉ rõ cho mọi người thấy và hiểu rõ vấn đề cốt lõi của đạo đức cách mạng là: Việc gì lợi cho dân phải hết sức làm. Việc gì hại đến dân phải hết sức tránh.

Chính trong quá trình ấy, Người đã nêu tấm gương sáng về lòng "tận trung với nước, tận hiếu với dân". Lòng trung, hiếu ở Người là nhất quán, trước sau như một. Ngay từ những ngày đầu ra đi tìm đường cứu nước, hướng tới mục tiêu độc lập cho Tổ quốc, cơm no áo ấm cho đồng bào, Người đã vượt qua bao khó khăn, thử thách. Trong lao tù của bọn thực dân, đế quốc, lòng kiên trung bất khuất, quyết tâm giải phóng dân tộc, cơm no áo ấm cho đồng bào càng được bồi đắp thêm. Khi đất nước giành được độc lập, Người "tuyệt nhiên

không ham muốn công danh phú quý chút nào", không muốn "dính líu gì với vòng danh lợi" mà "chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" .

3. Sau Đại thắng Mùa Xuân 1975, nhân dân cả nước cùng chung sức xây dựng đất nước. Hậu quả nặng nề sau chiến tranh và những biến động sâu sắc của tình hình thế giới đã dẫn đến tình trạng khủng hoảng kinh tế-xã hội kéo dài, đời sống của nhân dân gặp nhiều khó khăn. Khắc ghi lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhiệm vụ của Đảng là lãnh đạo quần chúng chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân, một lần nữa tinh thần "trung với nước, hiếu với dân" của đội ngũ những người cách mạng được phát huy cao độ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Câu 9: Quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng là đạo đức, là văn minh

- Khái quát vai trò đạo đức cách mạng đối với Đảng.

Trong bài nói tại Lễ Kỷ niệm 30 năm Ngày thành lập Đảng (năm 1960), Hồ Chí Minh cho rằng: *"Đảng ta là đạo đức, là văn minh"* . Hồ Chí Minh coi đạo đức là cách mạng là gốc, là nền tảng của người cách mạng.

- Quan điểm của Hồ Chí Minh về Đảng là đạo đức, là văn minh

Theo Hồ Chí Minh, đạo đức của Đảng thể hiện trên những điểm sau đây:

- Mục đích hoạt động của Đảng là lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng giai cấp, giải phóng con người. Đó là sự nghiệp cách mạng theo chủ nghĩa Mác-Lênin, làm cho dân tộc được độc lập, nhân dân có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc thực sự, đoàn kết hữu nghị với các dân tộc trên thế giới.

- Cương lĩnh, đường lối, chủ trương và mọi hoạt động thực tiễn của Đảng đều phải nhằm mục đích đó. Đảng phải luôn luôn trung thành với lợi ích toàn dân tộc vì Đảng không có mục đích riêng; sự ra đời và phát triển của Đảng đều vì mục đích làm cho đất nước hùng cường đi lên chủ nghĩa xã hội, đưa lại quyền lợi cho dân.

- Đội ngũ đảng viên phải luôn luôn thấm nhuần đạo đức cách mạng, ra sức tu dưỡng, rèn luyện, suốt đời phấn đấu cho lợi ích của dân, của nước. Do vậy, một trong những biểu hiện rõ nhất của Hồ Chí Minh về rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam để cho Đảng trở thành

Đảng của đạo đức, của văn minh là Người “rèn” đạo đức cán bộ, đảng viên. Hồ Chí Minh nhấn mạnh, đảng viên càng phải là những người có lòng nhân ái; “phải có tình đồng chí thương yêu nhau”; trung với Đảng, trung với nước, hiếu với dân; có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính và luôn luôn chí công vô tư; có tinh thần quốc tế trong sáng. Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đảng “là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, nghĩa là những người thợ thuyền, dân cày và lao động trí óc kiên quyết nhất, hăng hái nhất, trong sạch nhất, tận tâm tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân.

Xây dựng Đảng Cộng sản Việt Nam thành một Đảng có đạo đức cách mạng về ý nghĩa cơ bản mà xét, cũng tức là xây dựng Đảng để Đảng trở thành một Đảng văn minh, hoặc Hồ Chí Minh hay gọi đó là “một Đảng cách mạng chân chính”. Điều này thể hiện ở những nội dung chủ yếu sau đây:

- Đảng là một Đảng tiêu biểu cho lương tâm, trí tuệ và danh dự của dân tộc.
- Đảng ra đời là một tất yếu, phù hợp với quy luật phát triển văn minh tiến bộ của dân tộc và nhân loại. Mọi hoạt động của Đảng đều xuất phát từ yêu cầu phát triển của dân tộc, lấy lợi ích tối cao của dân tộc làm trọng, mọi lợi ích giai cấp đều phải đặt dưới sự phát triển của dân tộc; mọi hoạt động của Đảng đều phải phù hợp với quy luật vận động của xã hội Việt Nam.
- Đảng phải luôn luôn trong sạch, vững mạnh, làm tròn sứ mệnh lịch sử do nhân dân, dân tộc giao phó là lãnh đạo giành độc lập cho Tổ quốc và đưa lại tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Trong giai đoạn Đảng cầm quyền, Hồ Chí Minh càng chú trọng hơn việc phòng chống các tiêu cực trong Đảng.
- Xây dựng Đảng văn minh còn thể hiện trong giai đoạn cầm quyền, Đảng hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp và pháp luật, Đảng không phải là tổ chức đứng trên dân tộc.
- Đảng văn minh còn là ở chỗ đội ngũ đảng viên, từ những đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong bộ máy Đảng, Nhà nước, các đoàn thể quần chúng nhất là những đảng viên giữ vị trí lãnh đạo, quản lý chủ chốt, cho đến đảng viên không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý phải là những chiến sĩ tiên phong, gương mẫu trong công tác và cuộc sống hàng ngày.
- Đảng văn minh phải là Đảng có quan hệ quốc tế trong sáng, hoạt động không những vì lợi ích dân tộc Việt Nam mà còn vì độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của

các quốc gia khác; vì hòa bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển của các dân tộc trên thế giới.

Nếu Đảng không đạo đức, văn minh thì Đảng sẽ bị mất quyền lãnh đạo và khi đó Đảng chúng ta là một tổ chức không trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, đảng viên thoái hóa, biến chất. Đến mức như thế và đến lúc như thế thì mọi thành quả của cách mạng Việt Nam sẽ bị tiêu tan đúng như cái logic tất yếu mà Hồ Chí Minh đã cảnh báo: “Một dân tộc, một đảng viên và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn lớn, không nhất định hôm nay và ngày mai vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân” . Như vậy, xây dựng Đảng để cho Đảng xứng đáng là Đảng đạo đức, văn minh là một nội dung đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam, là bước phát triển sáng tạo của Người so với lý luận của V.I.Lênin về đảng kiểu mới của giai cấp vô sản.

Câu 10: Quan điểm của Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân

Về nhà nước kiểu mới trong lịch sử Việt Nam - Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân

* Nhà nước của nhân dân, theo quan điểm của Hồ Chí Minh là nhà nước do dân là chủ và làm chủ. Nhân dân có địa vị cao nhất, có quyền tham gia bàn luận và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Vị thế và tư cách là chủ của người dân được khẳng định trong Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (Hiến pháp năm 1946).

* Nhà nước do nhân dân: Nhà nước do dân làm chủ trên cả hai phương diện quyền lợi và nghĩa vụ. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân lựa chọn, bầu ra các đại biểu xứng đáng vào các cơ quan quyền lực nhà nước (từ Trung ương đến địa phương) thông qua chế độ bầu cử phổ thông, trực tiếp, bỏ phiếu kín. Nhân dân có quyền bãi miễn các cá nhân hoặc các cơ quan của Chính phủ, khi cá nhân hoặc cơ quan Chính phủ đó không thực hiện được sự ủy thác của nhân dân, thậm chí đi ngược lại lợi ích của nhân dân.

* Nhà nước vì nhân dân: Nhà nước kiến tạo, tận tâm, tận lực phục vụ lợi ích của đất nước và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Hồ Chí Minh nói, Nhà nước dân chủ nhân dân do dân là chủ thì Chính phủ là đầy tớ, công bộc của dân. Người chỉ rõ, cán bộ, công chức, viên chức trong bộ máy chính quyền, nhà nước làm đầy tớ, công bộc của dân chứ không phải là “quan cách mạng”; không phải để “đè đầu cuời cổ dân”. Mặt khác, Nhà nước vì nhân dân là Nhà nước có trách nhiệm hướng dẫn nhân dân nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của nhân dân để tự chăm lo đời sống của mình.

Là người đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh đã thể hiện tấm gương sáng về tinh thần tận tụy, hết lòng hết sức phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Người nói: “Cả đời tôi chỉ có một mục đích là phấn đấu cho quyền lợi Tổ quốc, và hạnh phúc của quốc dân. Những khi tôi phải ẩn nấp nơi núi non, hoặc ra vào chốn tù tội xông pha sự hiểm nghèo là vì mục đích đó”.

Hình ảnh của Hồ Chí Minh - hình ảnh của một lãnh tụ vĩ đại về trí tuệ lãnh đạo, mẫu mực về mối liên hệ thân thiết, gắn bó với nhân dân, hết lòng thương yêu nhân dân, dựa vào dân, vì “cách mạng là sự nghiệp của quần chúng”, vì sức mạnh của nhân dân là vô địch, phải “lấy dân làm gốc”.

Bản chất của Nhà nước kiểu mới ở Việt Nam

Nhà nước Việt Nam mang bản chất giai cấp công nhân. Hồ Chí Minh phân tích, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta được thể hiện trước hết ở chỗ, Nhà nước do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo. Đảng Cộng sản Việt Nam - người đại diện cho quyền lợi của giai cấp công nhân, cho nhân dân lao động và đại diện cho lợi ích của toàn dân tộc. Quyền lợi của dân tộc, của nhân dân được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đồng thời, bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước ta còn thể hiện thông qua việc thực hiện Hiến pháp, pháp luật để quản lý, điều hành tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội. Các cơ quan nhà nước, từ trung ương tới địa phương được tổ chức và hoạt động

theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thống nhất dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản

* Nhà nước Việt Nam là sự thống nhất giữa bản chất giai cấp công nhân với tính nhân dân và tính dân tộc: Theo Hồ Chí Minh, Nhà nước ta mang bản chất giai cấp công nhân, đồng

thời mang tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc. Người khẳng định, ngoài lợi ích của giai cấp

công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc, Đảng không có lợi ích nào khác

Thực tế lịch sử đã minh chứng, Nhà nước dân chủ nhân dân Việt Nam ra đời là thành quả hy sinh xương máu, đấu tranh gian khổ của nhiều thế hệ người Việt Nam yêu nước qua các thời kỳ lịch sử. Do đó, Nhà nước coi lợi ích dân tộc là trên hết, trước hết, lấy lợi ích của dân tộc, của các tầng lớp nhân dân bị áp bức bóc lột là mục tiêu phục vụ, trong đó đương nhiên có lợi ích của giai cấp. Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được xây dựng trên nền tảng đại đoàn kết dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Điều đó càng cho thấy tính dân tộc, tính nhân văn và tư tưởng đại đoàn kết dân tộc của Hồ Chí Minh thể hiện trong việc xây dựng Nhà nước dân chủ nhân dân ở Việt Nam.

Câu 11: Nội dung cơ bản tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền nhân nghĩa.

“Pháp quyền nhân nghĩa” tức là trước hết Nhà nước phải tôn trọng, bảo đảm thực hiện đầy đủ các quyền con người, chăm lo đến lợi ích của mọi người.

Tiếp thu và vận dụng sáng tạo các lý thuyết hiện đại về quyền con người, Hồ Chí Minh tiếp cận quyền con người một cách toàn diện. Người đề cập đến các quyền tự nhiên của con người, trong đó quyền cao nhất là quyền sống; đồng thời cũng đề cập đến cả các quyền chính trị - dân sự, quyền kinh tế, văn hóa, xã hội của con người.

Người chú trọng quyền của công dân nói chung, đồng thời cũng chú trọng đến quyền của những nhóm người cụ thể như phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số, v.v..

Sự nghiệp cách mạng chân chính cần đấu tranh cho quyền con người, vì thế, mục tiêu giải phóng con người, làm cho mọi người có được cuộc sống hạnh phúc, tự do xứng với phẩm giá con người, được hưởng dụng các quyền con người một cách đầy đủ nhất đã hòa quyện một cách hữu cơ và trở thành mục tiêu cao nhất của sự nghiệp cách mạng của dân tộc Việt Nam. Nhà nước Việt Nam ngay từ khi ra đời và luôn nhất quán quan điểm kiên quyết đấu tranh cho quyền con người. Hiến pháp do Hồ Chí Minh làm Trưởng ban soạn thảo đã ghi nhận một cách toàn diện quyền con người ở Việt Nam. Đó là nền tảng pháp lý để bảo vệ và thực thi các quyền con người đó một cách triệt để.

Trong pháp quyền nhân nghĩa, pháp luật có tính nhân văn, khuyến thiện. Cho nên, ngay khi thành lập, Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã lập tức tuyên bố xóa bỏ mọi luật pháp hà khắc của chính quyền thực dân phản động.

Tính nhân văn của hệ thống luật pháp thể hiện ở việc ghi nhận đầy đủ và bảo vệ quyền con người; ở tính nghiêm minh nhưng khách quan và công bằng, tuyệt đối chống đối xử với con người một cách dã man.

Ngay cả đối với những kẻ phản bội Tổ quốc, Hồ Chí Minh tuyên bố rõ: “Chính phủ Việt Nam sẽ tha thứ hay trừng trị họ theo luật pháp tùy theo thái độ của họ hiện nay và về sau. Nhưng sẽ không có ai bị tàn sát”.

Đặc biệt, hệ thống luật pháp đó có tính khuyến thiện, bảo vệ cái đúng, cái tốt, lấy mục đích giáo dục, cảm hóa, thức tỉnh con người làm căn bản. Với Hồ Chí Minh, việc xây dựng và thi hành pháp luật phải dựa trên nền tảng đạo đức của xã hội và các giá trị đạo đức thấm sâu vào trong mọi quy định của pháp luật.

Nói cách khác, pháp luật trong Nhà nước pháp quyền nhân nghĩa phải là pháp luật vì con người.

Câu 12: Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người mới

Ý nghĩa của việc xây dựng con người. Xây dựng con người là yêu cầu khách quan của sự nghiệp cách mạng, vừa cấp bách vừa lâu dài, có ý nghĩa chiến lược. Xây dựng con người là một trọng tâm, bộ phận hợp thành của chiến lược phát triển đất nước, có mối quan hệ chặt chẽ với nhiệm vụ xây dựng chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Hồ Chí Minh nêu hai quan điểm nổi bật làm sáng tỏ sự cần thiết xây dựng con người.

“Vì lợi ích trăm năm thì phải “trồng người”. “Trồng người” là công việc lâu dài, gian khổ, vừa vì lợi ích trước mắt vừa vì lợi ích lâu dài, là công việc của văn hóa giáo dục. “Trồng người” phải được tiến hành thường xuyên trong suốt tiến trình đi lên chủ nghĩa xã hội và phải đạt được những kết quả cụ thể trong từng giai đoạn cách mạng. Nhiệm vụ “trồng người” phải được tiến hành song song với nhiệm vụ phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa. “Trồng người” phải được tiến hành bền bỉ, thường xuyên trong suốt cuộc đời mỗi người, với ý nghĩa vừa là quyền lợi vừa là trách nhiệm của cá nhân

đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Công việc “trồng người” là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể chính trị-xã hội kết hợp với tính tích cực, chủ động của từng người. “Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa”. Chủ nghĩa xã hội sẽ tạo ra những con người xã hội chủ nghĩa, con người xã hội chủ nghĩa là động lực xây dựng chủ nghĩa xã hội. Không phải chờ cho kinh tế, văn hóa phát triển cao rồi mới xây dựng con người xã hội chủ nghĩa; cũng không phải xây dựng xong những con người xã hội chủ nghĩa rồi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội. Việc xây dựng con người xã hội chủ nghĩa được đặt ra ngay từ đầu và phải được quan tâm trong suốt tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. “Trước hết cần phải có những con người xã hội chủ nghĩa” cần được hiểu trước hết cần có những con người với những nét tiêu biểu của xã hội xã hội chủ nghĩa như lý tưởng, đạo đức, lối sống, tác phong xã hội chủ nghĩa. Đó là những con người đi trước, làm gương lôi cuốn người khác theo con đường xã hội chủ nghĩa. Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Trong bất cứ phong trào cách mạng nào, tiên tiến là số ít và số đông là trung gian, muốn củng cố và mở rộng phong trào, cần phải nâng cao hơn nữa trình độ giác ngộ của trung gian để kéo chậm tiến”.

Nội dung xây dựng con người. Hồ Chí Minh quan tâm xây dựng con người toàn diện vừa “hồng” vừa “chuyên”. Đó là những con người có mục đích và lối sống cao đẹp, có bản lĩnh chính trị vững vàng, những con người của chủ nghĩa xã hội, có tư tưởng, tác phong và đạo đức xã hội chủ nghĩa và năng lực làm chủ. Xây dựng con người toàn diện với những khía cạnh chủ yếu sau:

- Có ý thức làm chủ, tinh thần tập thể xã hội chủ nghĩa và tư tưởng “mình vì mọi người, mọi người vì mình”.
- Cần kiệm xây dựng đất nước, hăng hái bảo vệ Tổ quốc. - Có lòng yêu nước nồng nàn, tinh thần quốc tế trong sáng.
- Có phương pháp làm việc khoa học, phong cách quần chúng, dân chủ, nêu gương.

Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân; bồi dưỡng về năng lực trí tuệ, trình độ lý luận chính trị, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ, sức khỏe.

Phương pháp xây dựng con người. Mỗi người tự rèn luyện, tu dưỡng ý thức, kết hợp chặt chẽ với xây dựng cơ chế, tính khoa học của bộ máy và tạo dựng nền dân chủ. Việc nêu gương, nhất là người đứng đầu, có ý nghĩa rất quan trọng. Hồ Chí Minh thường nói đến “tu thân, chính tâm” thì mới có thể “trị quốc, bình thiên hạ” (làm những việc có lợi cho nước, cho dân). Văn hóa phương Đông cho thấy “một tấm gương sống có giá trị hơn một trăm bài diễn văn tuyên truyền” và “tiên trách kỷ, hậu trách nhân”. Hồ Chí Minh thường nhắc lại những điều ấy trong khi bàn biện pháp xây dựng con người. Người nói rằng “lấy gương người tốt,

việc tốt hằng ngày để giáo dục lẫn nhau” là rất cần thiết và bổ ích.⁴

Biện pháp giáo dục có một vị trí quan trọng. Hồ Chí Minh nhắc nhở rằng “hiền, giữ của con người không phải là tính sẵn. Phần nhiều do giáo dục mà nên”. Theo Người, các cháu mẫu giáo, tiểu học như tờ giấy trắng. Chúng ta vẽ xanh thì xanh, vẽ đỏ thì đỏ. Nói như vậy để thấy giáo dục rất quan trọng trong việc xây dựng con người.

Chú trọng vai trò của tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể quần chúng. Thông qua các phong trào cách mạng như “Thi đua yêu nước”, “Người tốt việc tốt”. Đặc biệt phải dựa vào quần

chúng theo quan điểm “dựa vào ý kiến của dân chúng mà sửa chữa cán bộ và tổ chức của ta

Câu 13: Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hoá.

Quan điểm của HCM về Văn hóa:

Tháng 8-1943, khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, Hồ Chí Minh đã đưa ra quan niệm nhân mạnh ý nghĩa của văn hóa. Người viết: “Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo, văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hằng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn”¹.

¹ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb CTQG, Hà Nội, 2011, t.3, tr.458

Quan niệm văn hóa nêu trên của Hồ Chí Minh xuất hiện trong một bối cảnh thời gian và không gian đặc biệt, khi UNESCO chưa thành lập, cả nước đang tập trung cho nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đây là quan niệm văn hóa duy nhất theo nghĩa rộng. Từ sau Cách mạng Tháng Tám, Hồ Chí Minh có bàn đến văn hóa nhưng theo nghĩa hẹp, với ý nghĩa là kiến trúc thượng tầng, là toàn bộ đời sống tinh thần của xã hội.

Quan điểm của Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa

-Văn hoá là mục tiêu, động lực của sự nghiệp cách mạng

Văn hoá là mục tiêu. Mục tiêu của cách mạng Việt Nam là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Như vậy, cùng với chính trị, kinh tế, xã hội, văn hoá nằm trong mục tiêu chung của toàn bộ tiến trình cách mạng.

Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, văn hoá là mục tiêu – nhìn một cách tổng quát – là quyền sống, quyền sung sướng, quyền mưu cầu hạnh phúc; là khát vọng của nhân dân về các giá trị chân, thiện, mỹ. Đó là một xã hội dân chủ - dân là chủ và dân làm chủ - công bằng văn minh ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hàn; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được quan tâm và không ngừng nâng cao, con người có điều kiện phát triển toàn diện.

Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở cho một xã hội phát triển bền vững với ba trụ cột là bền vững kinh tế, xã hội và môi trường.

Văn hoá là động lực. Động lực là cái thúc đẩy cho sự phát triển. Di sản Hồ Chí Minh cho thấy động lực phát triển đất nước bao gồm động lực vật chất và tinh thần; động lực công động và cá nhân; nội lực và ngoại lực. Tiếp cận các lĩnh vực văn hóa cụ thể trong tư tưởng Hồ Chí

Minh, động lực có thể nhận thức ở các phương diện chủ yếu sau:

Văn hoá chính trị là một trong những động lực có ý nghĩa soi đường cho quốc dân đi, lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường, tự chủ. Tư duy biện chứng, độc lập, tự chủ, sáng tạo của cán bộ, đảng viên là một động lực lớn dẫn đến tư tưởng và hành động cách mạng có chất lượng khoa học và cách mạng.

Văn hoá văn nghệ góp phần nâng cao lòng yêu nước, lý tưởng, tình cảm cách mạng, sự lạc quan, ý chí, quyết tâm và niềm tin vào thắng lợi cuối cùng của cách mạng.

Văn hoá giáo dục diệt giặc dốt, xoá nạn mù chữ, giúp con người hiểu biết quy luật phát triển của xã hội. Với sứ mệnh ‘trồng người’, văn hoá giáo dục đào tạo con người mới, cán bộ mới, nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp cách mạng.

Văn hoá đạo đức, lối sống nâng cao phẩm giá, phong cách lành mạnh cho con người, hướng con người tới các giá trị chân thiện mỹ. Theo Hồ Chí Minh đạo đức là gốc của người cách mạng. Mọi việc thành hay bại, là do cán bộ có phẩm chất đạo đức cách mạng hay không. Nhận thức như vậy để thấy văn hoá đạo đức là một động lực lớn thúc đẩy cách mạng phát triển.

Văn hoá pháp luật bảo đảm dân chủ, trật tự, kỷ cương, phép nước.

- Văn hoá là một mặt trận

Văn hoá là một trong bốn nội dung chúng của đời sống kinh tế - xã hội, quan trọng ngang các vấn đề kinh tế, chính trị và xã hội. Nói mặt trận văn hoá là nói đến một lĩnh vực có tính độc lập. có mối quan hệ mật thiết với các lĩnh vực khác, đồng thời phản ánh tính chất cam go, quyết liệt của hoạt động văn hoá. Mặt trận văn hoá là cuộc đấu tranh cách mạng trên lĩnh vực văn hoá – tư tưởng. Nội dung mặt trận văn hoá phong phú, đấu tranh trên các lĩnh vực tư tưởng, đạo đức, lối sống...của các hoạt động văn nghệ, báo chí, công tác lý luận, đặc biệt là định hướng giá trị chân, thiện, mỹ của văn hoá nghệ thuật. Mặt trận văn hoá là cuộc chiến đấu trên lĩnh vực văn hoá.

Để làm tròn nhiệm vụ, chiến sĩ nghệ thuật phải có lập trường tư tưởng vững vàng; ngòi bút là vũ khí sắc bén trong sự nghiệp “phò chính trừ tà”. Phải bám sát cuộc sống thực tiễn, đi sâu vào quần chúng, để phê bình nghiêm khắc những thói xấu như tham ô, lười biếng, lãng phí, quan tiêu, và ca tụng chân thật những người tốt việc tốt để làm gương mẫu cho chúng ta ngày nay và giáo dục con cháu đời sau. Đó chính là “chất thép” của văn nghệ theo tinh thần

“kháng chiến hoá văn hoá, văn hoá hoá kháng chiến”.

Theo Hồ Chí Minh, dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, thời đại ta là một thời đại vẻ vang. Vì vậy chiến sĩ văn nghệ phải có những tác phẩm xứng đáng với dân tộc anh hùng và thời đại vẻ vang.

- Văn hoá phục vụ quần chúng nhân dân

Tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh khát vọng hạnh phúc của nhân dân. Tư tưởng văn hoá của người của Người cũng vì nhân dân, phục vụ nhân dân. Theo Người mọi hoạt động văn hoá phải trở về với cuộc sống thực tại của quần chúng, phản ánh được tư tưởng và khát vọng của quần chúng.

Văn hoá phục vụ quần chúng nhân dân là phải miên tả cho hay, cho thật, cho hùng hồn. Nói ít nhưng nói thấm thía, nói cho chắc chắn, thì quần chúng thích hơn. Tóm lại từ trong quần chúng ra về sâu trong quần chúng. Trên cơ sở đó để định hướng giá trị cho quần chúng.

Chiến sĩ văn hoá phải hiểu và đánh giá đúng quần chúng. Quần chúng là những người sáng tác rất hay. Họ cung cấp cho những nhà hoạt động văn hoá những tư liệu quý. Và chính họ là những người thẩm định khách quan, trung thực, chính xác các sản phẩm văn nghệ. Nhân dân phải là những người được hưởng thụ các giá trị văn hoá.

Câu 14: Quan điểm của Hồ Chí Minh về nguyên tắc ĐKQT.

Vai trò của đk Quốc tế:

Theo Hồ Chí Minh, thực hiện đoàn kết quốc tế để tập hợp lực lượng bên ngoài, tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của bạn bè quốc tế, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh của các trào lưu cách mạng thời đại, tạo thành sức mạnh tổng hợp cho cách mạng chiến thắng kẻ thù là một trong những nội dung chủ yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh và cũng là một trong những bài học kinh nghiệm quan trọng nhất, mang tính thời sự sâu sắc nhất của cách mạng Việt Nam.

Nguyên tắc ĐK quốc tế theo TTHCM:

a. Đoàn kết trên cơ sở thống nhất mục tiêu và lợi ích; có lý, có tình

Cũng như xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, muốn thực hiện được đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và các lực lượng phản động quốc tế, phải tìm ra được những điểm tương đồng về mục tiêu và lợi ích giữa các dân tộc, các lực lượng tiến bộ và phong trào cách mạng thế giới. Từ rất sớm, Hồ Chí Minh đã phát hiện ra sự tương đồng này nhờ đặt cách mạng Việt Nam trong bối cảnh chung của thời đại, kết hợp lợi ích của cách mạng Việt Nam với trào lưu cách mạng thế giới và nhận thức về nghĩa vụ của Việt Nam đối với sự nghiệp chung của loài người tiến bộ trên thế giới.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, thực hiện đoàn kết thống nhất trên nền tảng của chủ nghĩa Mác-Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình. Là một chiến sĩ cách mạng quốc tế kiên định, Hồ Chí Minh đã suốt đời đấu tranh cho sự nghiệp củng cố khối đoàn kết, thống nhất trong cách mạng thế giới, trước hết là phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, lực lượng tiên phong của cách mạng thế giới trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội.

Đối với các dân tộc trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ độc lập, tự do và quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Hồ Chí Minh không chỉ suốt đời đấu tranh cho độc lập, tự do của dân tộc mình mà còn đấu tranh cho độc lập, tự do cho các dân tộc khác. Trong quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới, Hồ Chí Minh thực hiện nhất quán quan điểm có tính nguyên tắc: Dân tộc Việt Nam tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và quyền tự quyết của tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới, đồng thời mong muốn các quốc gia, dân tộc trên thế giới quan hệ hợp tác, hữu nghị với Việt Nam trên cơ sở những nguyên tắc đó. Những quan điểm trên được Người thể chế hóa sau khi Việt Nam giành được độc lập. Tháng 9 năm 1947, trả lời nhà báo Mỹ S. Êli Mâyxi, Hồ Chí Minh tuyên bố: Chính sách đối ngoại của nước Việt Nam là “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”².

Thời đại Hồ Chí Minh sống là thời đại của phong trào đấu tranh giải phóng dân tộc diễn ra mạnh mẽ trên hầu khắp các châu lục của thế giới. Trong tiến trình đó, Người không chỉ là nhà tổ chức, người cổ vũ mà còn là người ủng hộ nhiệt thành cuộc đấu tranh của các dân tộc vì các quyền dân tộc cơ bản của họ. Nêu cao tư tưởng độc lập và quyền bình đẳng giữa các dân tộc, Hồ Chí Minh trở thành người khởi xướng, người cầm cờ và là hiện thân của những khát vọng của nhân dân thế giới trong việc khẳng định cốt cách dân tộc, đồng thời thúc đẩy sự đoàn kết, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới vì thắng lợi của cách mạng mỗi nước.

Đối với các dân tộc tiến bộ trên thế giới, Hồ Chí Minh gương cao ngọn cờ hoà bình, chống chiến tranh xâm lược. Tư tưởng đó bắt nguồn từ truyền thống hoà hiếu của dân tộc Việt

Nam kết hợp với chủ nghĩa nhân đạo cộng sản và những giá trị nhân văn nhân loại. Trong suốt cuộc đời mình, Hồ Chí Minh luôn giương cao ngọn cờ hoà bình, đấu tranh cho hoà bình, một nền hoà bình thật sự cho tất cả các dân tộc - “hoà bình trong độc lập tự do”³. Nền hòa bình đó không phải là một nền hoà bình trừu tượng, mà là “một nền hoà bình chân chính xây trên công bình và lý tưởng dân chủ”⁴, chống chiến tranh xâm lược vì các quyền dân tộc cơ bản của các quốc gia. Trong suốt hai cuộc kháng chiến, quan điểm hoà bình trong công lý, lòng thiết tha hoà bình trong sự tôn trọng độc lập và thống nhất đất nước của Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam đã làm rung động trái tim nhân loại. Nó có tác dụng cảm hoá, lôi kéo các lực lượng tiến bộ thế giới đứng về phía nhân dân Việt Nam đòi chấm dứt chiến tranh, văn hồi hoà bình. Trên thực tế, đã hình thành một mặt trận nhân dân thế giới, có cả nhân dân Pháp và nhân dân Mỹ đoàn kết với Việt Nam chống đế quốc xâm lược, góp phần kết thúc thắng lợi hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

b. Đoàn kết trên cơ sở độc lập, tự chủ

Đoàn kết quốc tế là để tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ, giúp đỡ của các lực lượng quốc tế nhằm tăng thêm nội lực, tạo sức mạnh thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng đã đặt ra.

Để đoàn kết tốt phải có nội lực tốt. Nội lực là nhân tố quyết định, còn nguồn lực ngoại sinh chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua nguồn lực nội sinh. Chính vì vậy, trong đấu tranh cách mạng, Hồ Chí Minh luôn nêu cao khẩu hiệu: “Tự lực cánh sinh, dựa vào sức mình là chính”, “Muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”. Trong đấu tranh giành chính quyền, Người chủ trương “đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Người chỉ rõ: “Một dân tộc không tự lực cánh sinh mà cứ ngồi chờ dân tộc khác giúp đỡ thì không xứng đáng được độc lập”⁵. Trong quan hệ quốc tế, Người nhấn mạnh: phải có thực lực, thực lực là cái chiêng, ngoại giao là cái tiếng, chiêng có to tiếng mới lớn...

3

4

5

Hồ Chí Minh chỉ rõ, muốn tranh thủ được sự ủng hộ quốc tế, Đảng phải có đường lối độc lập, tự chủ và đúng đắn. Trả lời một phóng viên nước ngoài, Người nói: “Độc lập nghĩa là chúng tôi điều khiển lấy mọi công việc của chúng tôi, không có sự can thiệp ở ngoài vào”⁶. Trong quan hệ giữa các Đảng thuộc phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, Người xác định: “Các Đảng dù lớn dù nhỏ đều độc lập và bình đẳng, đồng thời đoàn kết nhất trí giúp đỡ lẫn nhau”⁷. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, với đường lối đúng đắn, sáng tạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, cách mạng giành thắng lợi. Trong kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, với đường lối độc lập, tự chủ, kết hợp hài hòa giữa lợi ích dân tộc với lợi ích quốc tế, Đảng ta đã tranh thủ được sự ủng hộ của phong trào nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam, nhận được sự giúp đỡ vô cùng to lớn của Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa đã đánh thắng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ. Thêm phần liên hệ

6

7